

conditum

DOÃN QUỐC SỸ | CÒ ĐÙM

tập truyện

văn nghệ XUẤT BẢN NĂM 1997

sáng tạo TÁI BẢN NĂM 2017

NHẬP LIỆU doãn liên

ngudihi TRÌNH BÀY

WEBSITE: doanquocsy.com

GIA ĐÌNH TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

ALL RIGHTS RESERVED

ĐOÀN QUỐC SỸ
CO DĨM
tập truyện



mục lục:

- THAY LỜI TỰA | trang ix
- CÒ ĐÙM | trang 1
- SÁCH ƯỚC | trang 49
- TIẾNG HÚ TÂM LINH | trang 93
- DẠ LÝ PHU NHÂN | trang 139

thay lời tựa

*“Ngã kim nhật tại tọa chi địa
Cổ chi nhân tàng tiên ngã tọa chi”*

Nguyễn Công Trứ



Với tôi nhà văn Doãn Quốc Sỹ là bậc trưởng thượng. Khi tôi ra đời, ông đã bước vào tuổi hai mươi, đã hăm hở lên đường cứu nước. Bởi vì năm 1943, dân tộc Việt chúng ta có tới hai cái ách ngoại bang tròng vào cổ. Trước tiên là người Pháp, đã đặt nền bảo hộ hơn nửa thế kỷ đầy máu. Kế đó Đế Nhị Thế Chiến đã mang quân đội Nhật vào trú đóng trên đất nước chúng ta, rêu rao chiêu bài Đại Đông Á. Nhưng mà người Nhật cũng không khác gì Pháp, cái họ mang tới không phải nền độc lập, sự thịnh vượng, mà chỉ tạo thêm những dòng máu khác chảy chan hòa trên đất nước chúng ta.

Đó là chưa kể tới những cái ách của chính người Việt choàng lên cổ lẫn nhau. Nên vì đó bất cứ một thanh niên nào nhiều nhiệt huyết, thao thức tới vận mệnh

tổ quốc, đều không sớm thì muộn cũng sẽ hăm hở lên đường như Doãn Quốc Sỹ.

Nên tôi không lấy làm lạ, nếu như nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã có một thời gian bôn ba trong vùng kháng chiến. Khi người ta còn trẻ và lòng đầy lý tưởng, ngay cả việc hy sinh tính mạng cũng là một điều nhỏ, thì xá gì những chặn đường rừng, những ngọn đồi cao, những con sông rộng. Khi người ta còn trẻ và tràn đầy những giấc mộng lớn, thì sá kể gì bụng đói, trên thân người một manh áo mỏng, một chiếc quần vải thô. Bởi vì người ta đem thân ra đi, để sống muôn đời. Mưa và nắng gió đường xa chỉ có thể làm cho lý tưởng vững chắc hơn, chứ không bao giờ làm cho nhụt đi, những tin tưởng mãnh liệt vào tương lai của tổ quốc.

Chọn lựa vào đời đầu tiên của nhà văn Doãn Quốc Sỹ là tham gia vào bất cứ một tổ chức nào, đi trên bất cứ con đường nào, miễn sao cứu được tổ quốc ra khỏi cảnh khốn cùng. Ông đã đem tuổi thanh xuân của ông, cống hiến cho cuộc chiến đấu một mất, một còn của tổ quốc, như bất cứ một người tuổi trẻ nào ý thức được bổn phận của một công dân trong một xứ sở bị trị. Trước Doãn Quốc Sỹ nhiều thế hệ, những người thanh niên đã ra đi. Sau Doãn Quốc Sỹ sẽ còn nhiều thế hệ nữa tiếp tục lên đường.

Thế nhưng chỉ vài năm sau, Doãn Quốc Sỹ đã mơ hồ nhìn thấy con đường ông chọn, rồi ra sẽ không đưa tổ quốc tới được một tương lai tươi sáng hơn, nếu không muốn nói là tăm tối hơn, tàn bạo hơn so với sự cai trị của người ngoại chủng. Chính vì đó mà ông đã trở về thành, yên tâm đến trường, hoàn tất việc học mà ông đã

bỏ dở. Ông đã phải bỏ lại đằng sau, cuộc chiến đấu ông đã chọn lựa. Để rồi năm 1954, dắt díu gia đình vào Nam, chiêm nghiệm lại sự thất bại của thế hệ ông trước những đòi hỏi của lịch sử.

Chính vì đã vào thành, bỏ dở lý tưởng ông đã chọn trong lúc tuổi thanh xuân, ông đã phải tìm con đường khác, để hoàn thành giấc mộng cũ. Đó là một trong những lý do khiến ông trở thành nhà văn sau này. Bởi vì văn chương chính là một sức mạnh tiềm ẩn, người ta không thể nhìn thấy, không thể cân đo, đong đếm được sức mạnh của văn chương. Nhưng người ta cảm nhận được sức mạnh của văn chương, chữ nghĩa.



Nhiều năm sau tôi bắt đầu thích đọc sách. Biết thế nào là những cuốn sách hay và những cuốn sách không hay. Biết phân biệt thế nào là văn chương, thế nào những chuyện hoang đường tưởng tượng. Tôi đã đọc *Doãn Quốc Sỹ* và mơ hồ nhận biết: Một tác phẩm lớn mở lối tới tương lai, khác với một cuốn tiểu thuyết hay, phục vụ cho thị hiếu bình thường của người đọc. Một tác phẩm kích thích, có thể thay đổi số phận nhiều con người, thường khi là một cuốn sách bán không chạy.

Khi nhận biết được những điều này, tôi bước chân vào tuổi hai mươi: tuổi của *Doãn Quốc Sỹ* khi ra đi tham gia trận chiến của ông. Thế hệ tôi lớn lên có một trận chiến khác. Nhưng rồi trận chiến nào cũng giống trận chiến nào. Cũng súng đạn ngoại bang, cũng máu xương dân Việt. Có khác chăng giữa hai trận chiến là diện mạo quân thù.

Khi Doãn Quốc Sỹ chong mũi súng về phía đằng trước, thì trước mặt ông là những người thực dân Pháp da trắng, cùng những người lính đánh thuê da màu. Phía trước mũi súng của tôi là những người đồng chủng, tề hơn nữa có thể là những anh em con chú, con bác đã không di cư vào Nam như gia đình tôi. Nói một cách khác, thế hệ chúng tôi tiếp tục trận chiến bỏ dở của thế hệ Doãn Quốc Sỹ.

Riêng Doãn Quốc Sỹ, ông đã chọn trận chiến của riêng ông, là gióng lên những thất bại của thế hệ ông, nhằm cảnh giác thế hệ chúng tôi trong thế trận mới.

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ đến với tôi có một vị trí đặc biệt. Trước tiên, do những thất bại của ông và của thế hệ ông, những thất bại vì không thể nhắm mắt đồng lõa với sự tàn bạo của con người, dành cho con người. Ông đã bỏ lại đằng sau, hàng ngũ đã reo rắc kinh hoàng, tang tóc cho một nửa nước phương Bắc. Ngay khi đặt chân xuống miền Nam, ông ngồi xuống bàn viết, và thế hệ chúng tôi nhận được bức thông điệp đầu tiên của ông. Trong tư cách một nhà văn, ông cổ súy cho: “*Lòng nhân ái.*”

Để chống lại sự tàn bạo đến phi nhân của kẻ địch, võ khí mà nhà văn sử dụng chính là lòng thương yêu. Năm mười tám tuổi, khi đọc “*Dòng Sông Định Mệnh*”, “*Chiếc Chiếu Hoa Cạp Điều*” của ông, tôi bắt được những ý nghĩ trong lành trong từng trang sách.

Nói một cách khác, trong đời chiến đấu khá ngắn ngủi của ông, ngay khi phát giác những người sát cánh bên cạnh mình là những con người bạo tàn với đồng loại, với ngay cả đồng bào của chính mình, nhà văn phải

lập tức quay lưng lại với quyền lực. Không những quay lưng lại mà còn phải lớn tiếng tố cáo, chống lại những bạo lực này bằng cách ghi lại những ao ước của mọi người, thể hiện những ao ước này bằng lòng thương yêu nơi mọi nhân vật trong tác phẩm của mình. *Tinh nhân bản* luôn là nét chính trong các tác phẩm đầu tiên của nhà văn Doãn Quốc Sỹ.

Năm 1963, tôi hai mươi tuổi, nằm trong quân trường Thủ Đức. Tôi đọc cuốn đầu của bộ trường thiên tiểu thuyết “*Khu Rừng Lau*” của nhà văn Doãn Quốc Sỹ. Bên ngoài hàng rào quân trường, xã hội miền Nam đang trải qua những cơn bão tố chính trị.

Thời đó ông chỉ mới hoàn tất cuốn đầu: “*Ba Sinh Hương Lửa*” (1962), để rồi những năm sau, trôi nổi trong đời quân ngũ, lúc nào tôi cũng quan tâm đến các phần còn lại của bộ trường thiên tiểu thuyết này: “*Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyền*” (1964), “*Tình Yêu Thánh Hoá*” (1965), “*Đàm Thoại Độc Thoại*” (1966).

Cách ông đặt tên cho toàn bộ trường thiên, cũng như từng phần cho thấy trong tác phẩm này, nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã bày trước mặt ông quá nhiều vấn đề, quá nhiều mong ước. Éo le thay, giải quyết các vấn đề này, cũng như làm đầy những ước mơ này, không nằm trong tay các nhà văn. Đau lòng hơn thế, suốt trong hơn hai thế kỷ cận đại, chưa bao giờ số phận của dân tộc Việt Nam nằm trong tay dân tộc Việt Nam.

Trong bộ trường thiên này, người đọc nhận thấy những biến đổi của chính trị, xã hội bên ngoài, khiến cho Doãn Quốc Sỹ phải nhìn lại chỗ đứng của ông. Ông đã chọn làm vị trí khi rời nhà ra đi, tham gia kháng chiến. Chẳng lẽ ông lại làm một lần nữa?

Một đảng là những bạo tàn đến từ phương Bắc, một đảng là những ung thối của miền Nam. Nhà văn đứng giữa cô đơn biết đường nào. Doãn Quốc Sỹ đã ký thác tâm trạng bản khoăn của chính ông, đan những suy nghĩ dày đặc của ông vào hành động các nhân vật trong bộ trường thiên này.

Ông vẫn giữ được trọn vẹn lòng nhân ái cũ, nhưng chen vào đó là những phút băng khuâng, những câu hỏi về ngày mai. Giọng văn tha thiết với người, với đời còn đó, nhưng niềm tin bạt núi vào tương lai quả có sút mẻ khá nhiều. Trong cung cách một nhà giáo, đào tạo những nhà giáo khác của ngành Sư phạm, may thay ông còn được một ngõ thoát khác: Ông đã trực tiếp chuyển những chân thành nơi ông, sang những người học trò của ông nơi ghế nhà trường, ủy thác cho những nhà giáo tương lai việc trao truyền lại “*thông điệp nhân ái*”, mà ông đã dùng những tác phẩm văn chương của ông như một phương tiện để truyền đạt.

3

Năm 1975 ập tới, thế hệ của tôi mang về cho tổ quốc một kết quả tương tự như thế hệ Doãn Quốc Sỹ. Thế hệ của ông tuy thất bại, dấu sao nữa vẫn còn giữ được cho chúng tôi một khoảnh đất tự do, một chút vốn liếng cuối cùng. Thế mà thế hệ chúng tôi nở lòng nào đánh mất cái vốn liếng cuối cùng này, để đến nỗi toàn bộ xú sở chìm trong tù ngục.

Tháng tư năm 75, khi những người Cộng sản ngoài Bắc tràn vô chiếm lĩnh Sài Gòn, Doãn Quốc Sỹ đã không may mắn như năm 54. Ông ở lại và nhận lấy hậu quả nơi

những dòng chuyên chở lòng thương yêu của ông. Ông bị Cộng sản giam giữ cùng với nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà báo của miền Nam.

Nhiều người đã nằm xuống trong hàng rào, nhiều người được phóng thích, nhưng khi ra khỏi cổng nhà giam, chỉ còn là một thân xác bất động, gia đình chỉ còn một thời gian rất ngắn kịp chạy ma chay. Tha những người tù này về, để trại giam tiết kiệm được nhiều suất cơm mỗi ngày, tháng tháng vài viên thuốc hết hạn, và biết đâu chừng một vài miếng ván đóng quan tài.

Cũng như bao người khác, thoát mới bị giam giữ Doãn Quốc Sỹ bị bao trùm bởi sự sợ hãi. Nhưng nhờ đã có kinh nghiệm với người Cộng sản trước kia, và nhờ ý chí mạnh ông đã qua khỏi được giai đoạn kinh hoàng khi mới bị bắt giam. Ông tiết kiệm từng hơi thở, gìn giữ mỗi cử chỉ, cốt để cho những người quản giáo không có cơ hội xúc phạm tới nhân phẩm của ông. Ông hít sâu vào lồng ngực, thở ra chậm chạp, như cách thở của một tu sĩ trong lúc tọa thiền.

Và lại nhà văn là những người có khả năng phân thân, có thể nhảy lùi lại quá khứ, sống cuộc đời trăm năm trước, hay phóng mình tới xã hội của trăm năm sau, do đó thân tuy bị giam trong ngục tối, nhưng hồn thì ở cuối chân trời. Tuy bị bóng tối bao phủ, nhưng trong mắt nhìn của nhà văn, ông bắt gặp những màu sắc tươi trẻ của ngày mai.

Doãn Quốc Sỹ là một trong những nhà văn của miền Nam được “*chiếu cố*” kỹ nhất. Nếu như trước kia ông không về thành, với khả năng của ông, có thể ông đã là một trong những người đi rao giảng chiến thắng.

Nhưng hơn hai chục năm trước, ông đã chọn vị trí cho riêng ông, ông đã đứng trong hàng ngũ của kẻ hôm nay chiến bại, nên vì thế mà những tác phẩm ông viết, đã bị những người được gọi là “nhà văn” sẫm soi từng chữ, từng dòng. Người ta dùng kính lúp chiếu lên từng cái chấm, từng dấu phẩy trong những trang sách này, mong tìm tòi gán ghép cho nhà văn những tội danh không tưởng.

Song song với việc khai báo trong những lần làm việc với “*chấp pháp*”, lúc nào ông cũng nghĩ tới việc sử dụng ngòi bút khi ra tù. Chính vì vậy mà những năm đầu 80, sau khi ông được thả lần đầu, độc giả hải ngoại được đọc tác phẩm “*Đi*” của “*Hồ Khanh*” từ trong nước chuyển ra hải ngoại. *Hồ Khanh* chính là bút hiệu “*viết chui*” của nhà văn Doãn Quốc Sỹ.

Trước sau ông bị bắt đi thả lại nhiều lần. Ông bị giam hơn 12 năm, và đặt chân tới Mỹ tháng Hai năm 1995. Ông đã 72 tuổi, đủ để bước vào cái tuổi mà các cụ cho là *thất thập cổ lai hy*.

Ngay khi đặt chân xuống vùng đất mới, con người nhà văn trong ông sống lại, ông làm quen với những độc giả cũ của ông với ba tác phẩm: “*Dấu Chân Cát Xóa*” (1974), “*Mình Lại Soi Mình*” (1981) và “*Người Vái Tứ Phương*” (1982). Trong ba tác phẩm này, cuốn “*Dấu Chân Cát Xóa*” là một tác phẩm được viết vào năm 1974, khi tai họa chưa kịp ập xuống đầu cả nước.

Những ai đã từng yêu Doãn Quốc Sỹ, nhận ngay ra văn phong của ông trong ba tác phẩm này. Ông là một ngòi bút dùng để tuyên dương điều Thiện, cái Đẹp. Thế mà ông bị giam hãm trong một vùng đất mà tính ác và

điều xấu bao trùm tới khóm cây ngọn cỏ. Cả một xã hội trì trệ như một vũng ao tù, làm ảnh hưởng lây tới suy nghĩ của nhà văn. Thêm vào đó gần hai chục năm đắm chìm trong suy nghĩ, không có dịp cầm bút, nên cái nhịp của các tác phẩm này chậm chạp, các nhân vật ít linh hoạt hơn, so với những nhân vật trong các tác phẩm trước kia của Doãn Quốc Sỹ.



Tác phẩm mới nhất của nhà văn Doãn Quốc Sỹ có tên là “*Cò Đùm*”. Đây là một tác phẩm mới mà cũ, bởi vì ông đã viết truyện ngắn mang tên cho toàn cuốn sách có chứa hai vở kịch này vào năm 71. Cuốn sách được ông quyết định mang in sau khi ông đã hít thở không khí tự do của nước Mỹ gần tròn một năm. Trong một năm đó, gót chân ông đã vân du hai ba đại lục. Ông đã nhìn thấy tận mắt, đã nghe tận tai, đã thấy thế nào là hoan hô, đả đảo. Ông có dịp quan sát từ đối cực này sang đối cực khác.

Những năm trong tù giúp ông có thời gian nghiền ngẫm lịch sử. Ông chiêm nghiệm được một điều: Trong các cuộc biến thiên của lịch sử bất lợi cho đất nước, trong mọi cuộc chiến tranh, đặc biệt là trong các cuộc nội chiến, lớp người thiệt thòi, khổ đau nhất là những nông dân, mà nhân vật “*Cò Đùm*” là một thí dụ. Nhưng cũng chính những người nông dân này có sức chịu đựng bền bỉ nhất.

Chính những người nông dân này, đã oằn vai xốc vác gánh nặng của lịch sử trong những thời khoảng đen tối nhất. Họ là những mạch sống ngầm của dân tộc,

hết như những mạch nước do địa thế không thể chảy lộ thiên, đã ngấm xuống và chảy ngầm trong lòng đất. Khác với dòng nước sông Hồng đỏ ngầu máu địch, họ là những cái giếng trong cho mỗi một ngôi làng.

Trong những lũy tre xanh, mỗi một ngôi làng là một cứ điểm tích lũy vốn sống của tổ tiên. Dưới mái ngói của mỗi ngôi đình là một niềm tự hào riêng của từng địa phương, mà ở đó những người dân quê tuy hiền lành, nhưng bướng bỉnh duy trì những mạch đời, liên tục từ thế hệ này sang thế hệ khác. Sự khôn ngoan của “Cò Đùm” không thể là cái khôn ngoan rút được từ trong sách vở. Sự khôn ngoan đó là kinh nghiệm sống của nhiều kiếp con người.

Những kinh nghiệm đó không phải là thứ kinh nghiệm ù lì, mà trái lại đó là những ứng dụng đầy sáng tạo. Trong những điều kiện thật khắc nghiệt của lịch sử, quân thù giới hạn mọi việc di chuyển, thông thương, thế mà những ngôi làng đơn lẻ đó vẫn có thể tồn tại, cho dù không được tiếp xúc, trao đổi hàng hóa với những ngôi làng khác.

Những cải tổ nông nghiệp gần đây thường khởi đi từ dân chúng. Thí dụ như cách làm khoán cho từng gia đình, là sáng tạo của người nông dân Việt Nam, ứng dụng vào việc làm hợp tác xã, cái kiểu cha chung không ai khóc của Trung Cộng từ những năm của thập niên 60. Mười năm trước Sài Gòn là một thành phố buồn thảm, không sức sống, nhưng hiện nay Sài Gòn là một trong những thành phố náo nhiệt nhất Đông Nam Á. Tuy diện mạo của Sài Gòn chưa hẳn là mùa xuân, nhưng nó đã

bắt đầu có màu sắc. Sự thay đổi của Sài Gòn khởi đi từ dân chúng, không phải bắt nguồn từ những “*sắc lệnh đổi mới*” từ trên ban xuống.

Hãy tưởng tượng những “*Cò Đùm*” của đất nước chúng ta, trong thời Bắc thuộc, khi chưa có bà Trưng, bà Triệu, Phùng Hưng, Triệu Quang Phục... cho tới khi lịch sử sản xuất một Ngô Quyền. Thế rồi trên dòng trường giang của lịch sử, khi nòi Hán với các triều đại Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh xâm lăng từ bên ngoài, mà nước Việt chưa kịp có những Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung... Rồi gần chúng ta hơn nữa, trong thời Pháp thuộc, cái bạo tàn của thực dân được hỗ trợ bởi sự nhu nhược của triều đình, cộng thêm với sự nhúng nhám của các tham quan đã khiến cho dân chúng phải gằm mặt mà sống. Phải sống mà chờ một người anh hùng áo vải của ngày mai.

Để có thể sống còn khi mà lịch sử còn đang u u, minh minh, những lũy tre làng hữu hiệu hơn các đô thị. Mỗi một ngôi làng là một cứ điểm đơn độc lặng lẽ sống, kiên nhẫn chờ, cho đến khi bóng dáng người anh hùng thực xuất hiện, bởi vì hơn bao giờ hết thời đại của chúng ta có quá nhiều anh hùng giả. Khi những người của lịch sử xuất hiện, thì ngàn vạn ngôi làng, ức triệu con người như “*Cò Đùm*” ngẩng mặt lên, nhất tể đứng dậy xếp hàng sau lưng người của muôn đời dựng lại lịch sử.

Hãy tưởng tượng những “*Cò Đùm*” hôm nay, đang cúi mặt xuống, sống để mà sống. Ôi những người nông dân sông Tiền, sông Hậu, những người nông dân Nam Định, Thái Bình... Đã bao đời nay họ sinh ra để làm

nông dân, không phải để làm đảng viên. Họ có thể bị chóa mắt bởi những lời phỉnh phờ, bởi những thủ đoạn của những người thực dân xâm lược, bởi những ông quan khệnh khạng trong triều, bởi những người làm chính trị nhiều thủ đoạn, và bây giờ là những người đảng viên Cộng sản u tối đẩy bạo lực.

Họ có thể bị lừa năm, mười, hai mươi năm, và rồi cái vốn sống tiềm ẩn của bao nhiêu đời tích lũy sẽ giúp họ giữ được bản chất hiền hòa của tiền nhân, nhẫn nhục sống chờ một ngày mai lịch sử thăng hoa, và muôn triệu con người có một kiếp người đáng sống.

Những người nông dân, những “Cò Đùm” của đất nước hiện nay, không có phương tiện để phản đối như chúng ta tại hải ngoại, không có báo, không có đài phát thanh, truyền hình, không có những diễn đàn cờ quạt, biểu ngữ, bích chương, khẩu hiệu. Cũng không có quần áo đẹp trình trọng phát biểu trước những dãy *micro*, tuôn ra những lời nói kêu mà rỗng, hay những lời đả kích cho sướng miệng. Đã nhiều năm nay, tôi thấy những bài diễn văn của chúng ta, chỉ vang vang trong các hội trường, trong các góc phố, nơi các địa điểm tổ chức mít-tinh, biểu tình. Những bài diễn văn của chúng ta hệt như những viên sỏi ném xuống một ao bèo, chỉ tạo được vài gợn sóng lăn tăn, rồi trả lại sự phẳng lặng cho mặt nước.

Đã muôn đời nay, nông dân là những lớp sóng người, nhấp nhô theo vận nước. Họ làm nên sức mạnh chịu đựng trong mọi cơn khốn cùng của lịch sử, để rồi khi mạch sống dân tộc vươn lên, những lớp sóng người

này cũng không được hưởng những vinh quang. Cái mà họ cần, chính là một cuộc sống ấm no hơn, con người ăn ở với nhau tử tế, nhân ái hơn.

“*Cò Đùm*” là một tập truyện ngắn, đã được nhà văn Doãn Quốc Sỹ viết không phải để phô diễn văn chương mà để nói lên những chiêm nghiệm của ông trước những cơn ba đào của lịch sử, như hầu hết những tác phẩm cũ của ông. Cách ông viết bây giờ, là lấy ngón tay chỉ mặt trăng. Hãy chú trọng tới mặt trăng, còn ngón tay chỉ là phương tiện.



Ở vào tuổi thất thập cổ lai hy, những tác phẩm mới của nhà văn Doãn Quốc Sỹ quả đúng là “*Văn Dĩ Tài Đạo*”. Trong văn chương, ông chống lại mọi guồng máy làm cho sức sống của dân tộc bị trì trệ. Bất kể guồng máy đó thuộc về phía nào. Ông viết từ tốn, không khoa đại ngôn ngữ, song thái độ của ông là một thái độ quyết liệt với bạo lực và tăm tối.

Với tôi, nhà văn Doãn Quốc Sỹ là một bậc trưởng thượng. Trên con đường văn nghiệp, ông đã khởi hành trước tôi 20 năm. Với tên tuổi, và những tác phẩm ông đã đóng góp với dòng văn học gần nửa thế kỷ nay, ông không cần một bài tựa.

Bài viết này nghĩ cho cùng chỉ là những lời cảm ơn của một người khởi hành sau ông một khoảng thời gian, cách ông một thôi đường. Trong hành trình tiến tới tương lai, có thể ông sẽ nằm xuống trước tôi. Điều quan trọng chính là những nhát búa mở đường của ông và của thế hệ ông để lại, đã giúp cho hậu sinh chúng tôi tiến

về phía trước thêm được một khoảng cách. Tôi tin rằng thế hệ của tôi cũng sẽ làm những việc tương tự. Tôi tin rằng những nhà văn đích thực đến sau ông, sẽ kế thừa những công việc mà thế hệ ông để lại. Những nhà văn tới sau ông, sẽ viết những tác phẩm kêu gọi lòng nhân ái hơn là cổ xúy cho lòng thù hận.

Tôi cầu chúc nhà văn Doãn Quốc Sỹ sức khỏe, sống lâu trăm tuổi để có thể thấy những “*Cò Đùm*” của ông nơi quê nhà, rồi ra sẽ không còn cúi mặt.

HOÀNG KHỞI PHONG

(1997)

cò đùm



Mỗi người ta là một vũ trụ nhưng cũng là một cù lao! Bạn tôi một lần nói vậy, rồi một phút sau anh tiếp: “Bởi vậy tôi không dám phê bình ai, không dám khinh khi ai, không dám chê trách ai, kể cả khi – nhiều khi rồi – tôi bị chửi oan, tôi bị ăn cắp, tôi bị lạm dụng.”

Đó là một ý kiến rời rạc của anh? Có thể. Nhưng nghĩ cho kỹ có cái gì rời rạc trên đời này đâu.

Bạn tôi là một nhà giáo dục. Anh đậu tiến sĩ giáo dục, cái bằng tốt đỉnh chuyên khoa của Hoa Kỳ. Người anh gây quá mức thanh tú, đúng kiểu mình hạc xác ve. Giọng nói anh bao giờ cũng nhỏ nhẹ và cực kỳ rõ ràng cho những ai biết chú ý lắng nghe. Anh dạy học, tất nhiên. Anh làm thơ nữa. Nhưng nơi anh nhất cử nhất

4 | DOÃN QUỐC SỸ

động đều có tính cách giáo dục, đều phục vụ giáo dục. Anh là con người từ tổng hợp tủa ra phân tích, rồi lại từ phân tích trở về tổng hợp trong một chu kỳ cực kỳ linh động. Nhưng phải nói là tôi đã chụp được giây phút linh động nhất nơi anh vào buổi đó, anh đến thăm tôi từ sáng sớm, anh vừa tới thì mưa rơi. Mưa tầm tã bên ngoài, khi đôi mắt anh sáng lên – ánh lên mà vẫn dịu dàng – và giọng anh hồi hả - hồi hả mà vẫn tự chủ:

- Đúng rồi! Cò Đùm!

- *Eureka*. – Tôi hỏi, thông cảm tức khắc – Anh tìm ra chân lý?

- Đúng là Cò Đùm anh ạ! – Giọng anh đượm nguyên vẻ hồi hả tự chủ nửa nói với tôi, nửa với chính anh – Tôi tự khám phá ra tôi rồi. Đúng là Cò Đùm!

Cò Đùm. Tôi nào đã biết Cò Đùm là gì. Tên gì mà kỳ cục.

Bên ngoài tiếng mưa trâm xuống ra chiều dai dẳng, trận mưa buổi sáng mà như mưa lạnh hoàng hôn. Không một tia chớp, không một tiếng sấm, nhưng tựa như Cò Đùm biến thành tiếng sấm, Cò Đùm thay cho tia chớp. Bạn tôi tiếp:

- Chương trình TV đó đập đến mắt tôi vào một buổi tối. Tôi đứng khựng lại trước hình ảnh một chàng thanh niên có chiếc răng nanh khểnh và mang máng một bên mắt híp, còn mặc nguyên bộ bà ba đen ngoài bưng và chân còn giữ nguyên đôi dép Bình Trị Thiên. Đó là chương trình TV “Phỏng Vấn Người Tìm Tự Do”. Suốt khoảng 15 phút phỏng vấn trên TV, tôi nhìn nhiều hơn nghe. Rồi từ đấy, hằng tuần, tôi chăm chăm đợi

đúng đến ngày đó, giờ đó theo dõi chương trình “Phỏng Vấn Người Tìm Tự Do”. Tôi đã có lần nhìn bóng hòn đá Vọng Phu nổi bật lên nền trời chiều vàng lộng để rồi hôm sau tưởng như đếm được đủ chín màu xanh khác nhau trên mặt biển Đại Lãnh. Chín màu xanh thật đẹp mà vẫn u hoài, ẩn nhẫn, chịu đựng, như bóng người đàn bà hóa đá ôm con bị chụp trong ánh chiều vàng lộng hôm trước. Hình như chương trình “Phỏng Vấn Người Tìm Tự Do” với tôi cũng có vẻ đẹp u sầu quyến rũ đó.

Tôi vốn ghét TV, càng ghét những chương trình dù muốn dù không vẫn nhuộm tính cách tuyên truyền chính trị. Vậy mà kể từ lần bất chợt gặp gỡ đó, tôi bỗng hằng tuần chờ chương trình như một thứ đá... Vọng Phu. Đã từ lâu tôi không chỉ nhìn mọi vấn đề giáo dục thuần trên quan điểm triết lý nữa, mà còn trên quan điểm coi giáo dục như một khoa học. Vậy dĩ nhiên đôi khi – nhiều khi – tôi cũng tự đặt câu hỏi: “Ừ, vì sao mình lại khoái chương trình này vậy?” Và tôi đã trả lời tuy lờ mờ mà vô cùng dứt khoát từng nghi vấn có thể nêu lên. Nhất định không phải tôi khoái chương trình này vì được nghe người hồi chánh thóa mạ bên kia và ca ngợi bên này. Nếu quả tôi chỉ chú ý để được nghe thấy vậy thì thực cũng là điều tội nghiệp cho cả người nói lẫn người nghe. Không, theo dõi chương trình này tôi luôn luôn như buổi đầu, nhìn nhiều hơn nghe.

Tôi ưa những khuôn mặt trẻ đó; hầu hết họ đều trẻ, như đám sinh viên môn đồ của tôi vậy. Tôi nhìn họ chăm chăm, như hình người cô phụ ôm con đứng trên mỏm cao nhìn ra khơi Đại Lãnh dưới ánh chiều vàng lộng huy hoàng nhưng thốn thức – vì ánh vàng đó tắt đi rất mau. Tôi cũng chẳng theo dõi chương trình để hưởng

niềm vui an toàn ích kỷ, nhìn kẻ thù của phe mình hôm qua, nay xuất hiện hiển lành vô hại trên màn ảnh vô tuyến – vẫn là tìm ở đấy niềm vui “chiến thắng”! Tất cả những khuôn mặt trẻ xuất hiện đó, tôi thành thật coi như học trò tôi, bởi họ đều ở trong lứa tuổi học trò tôi hiện giờ, nếu họ sinh trưởng trong này; họ có thể đã thụ giáo tôi, nếu như tôi không di cư, còn ở ngoài đó, phải, đúng vậy, họ có thể là một thế hệ mới học trò tôi. Anh nên nhớ thế hệ cũ nhất học trò tôi cùng di cư vào Nam với tôi năm 1955 nay đã có người thành ông nội, bà nội. Nhiều khi tôi bình tĩnh, rất bình tĩnh tưởng tượng nếu như chẳng may tôi có bị chặn đường bắt đưa vào bưng, đầm “nhóc” được học tập cầm hờn hành hạ tôi, tra tấn tôi, hoặc tàn bạo giết tôi đi nữa, dĩ nhiên đầm mặng sữa đó yên chí đương hành hạ, tra tấn hay xuống tay giết một tên “ngụy”, mà tôi thì chắc chắn ngược lại nhìn họ như nhìn lũ môn đồ lạc nẻo mà chính tôi phải chịu một phần trách nhiệm. Sau cùng, chẳng phải là tôi ham theo dõi chương trình này với hy vọng gặp lại một thân thích trong họ ngoài làng nào để gọi là có cảm tưởng hạnh ngộ với miền quê cũ. Tôi đâu có thuộc loại trí thức quá hẹp hòi đó. Tôi vào miền Nam, với hai mươi năm qua, hai thế hệ thập niên đã ra đời, thời gian đó há không khiến cho tình cảm đủ hơi ấm mà nhìn về phía trước, lấy nơi chôn nhau cắt rốn của lũ con cháu mình làm của chính mình sao? Có người Việt sinh trưởng ở miền Bắc nào hiện ở miền Nam mà hẹp hòi đến tự cho mình mất quê hương? Chúng ta chỉ thiếu một phần quê hương miền Bắc. Chúng ta chỉ thật sự mất quê hương khi chúng ta tự ý di cư đi Mỹ, Úc, Tân Tây Lan, Pháp, v.v... và bầu cử tổng thống nơi đó như một công dân.

Vậy tại làm sao tôi chăm chăm theo dõi chương

trình đã suốt ba tháng qua, hằng tuần chờ chương trình đó với nỗi lòng Tô Thị chụp dưới ánh hoàng hôn? Tôi chợt khám phá thấy tôi rồi. Buổi bắt gặp chương trình đầu tiên, chú nhỏ có chiếc răng khểnh, thoang thoáng hình như một bên mắt híp. Cò Đùm!



- Tôi đến tìm Cò Đùm vào một đêm mưa cũng tầm
tã như bây giờ... - Bạn tôi tiếp.

Tôi kéo ghế xích lại gần anh, châm thêm nước sôi
vào bình trà đặc.

- Tôi đến tìm Cò Đùm vào một đêm mưa cũng
tầm tã như bây giờ... - Giọng anh vẫn dễ dàng như bao
giờ mà lại càng như rõ hơn, thiết tha hơn, trên nền âm
thanh tầm tã của mưa rơi.

Anh cúi người về phía tôi hơn nữa:

- Anh biết chứ, phần lớn địa phương ngoài Bắc, đặc
biệt vùng Thanh Hóa, ai có con trai đầu lòng được gọi
là anh Cò, con gái đầu lòng được gọi là chị Hĩm. Thanh

Hóa cũng như mọi nơi trên toàn quốc vào năm 1946 được lệnh tiêu thổ kháng chiến. Trường trung học Đào Duy Từ của tôi bèn phân tán một phần về Thiệu Hóa, một phần về Vinh Lộc, một phần về Thọ Xuân ngay sát dưới chân núi. Ôi chao, phân tán trường như vậy phiền toái lắm, gia đình thầy phải tản cư theo trường đã đành, gia đình lũ môn sinh cũng phải tản cư theo trường nữa. Thuở đó tôi mới cưới nhà tôi. Vợ chồng mới cưới nhưng vì tôi ở địa vị nhà giáo lại ở cùng với cha mẹ già nên nhất cử nhất động vẫn phải chững chặc giữ đúng đường lối tiết dục. Bất đắc dĩ mà! Ít nhất cũng phải giữ cho được cái vẻ bề ngoài! Khi bộ phận trường – trong đó có tôi là thành phần giáo ban – rời về làng Cốc thuộc phủ Thọ Xuân thì tôi cố dàn xếp ở nhờ nhà một đồng bào địa phương gần chợ để nhà tôi buôn bán thêm. Nhà tôi, như anh thấy đấy, con gái Hà Nội lại vốn dòng thi thư, lúc nào cũng mảnh khảnh yếu như vậy mà rồi cũng quen dần với việc gồng gánh. Lần đó vào khoảng quá trưa xế chiều, nhà tôi gánh đồ từ chợ về thì có tiếng kiếng báo động phi cơ. Bước rảo trên đường trơn, nhà tôi ngã đập mặt vào một mô đất bên lề đường. Đau lắm. Về đến nhà thì miệng méo xệch, chiều tối càng nhức nhối khắp mặt. Mưa bắt đầu đổ xuống nặng hạt như bây giờ. Ông chủ nhà khuyên tôi hãy đi mời gặp Cò Đùm. Tôi hỏi Cò Đùm là ai thì biết đó là một thanh niên nhà quê làm nghề buôn thuốc Tây và chích dạo. Tôi lắc đầu lựa lời từ chối lễ phép nhưng cương quyết. Thà thoa bóp chỗ đau trên mặt nhà tôi bằng gừng, bằng giấm do đích thân tôi giã và đun sôi còn yên chí hơn.

Nhưng tới quá nửa đêm nhà tôi rên rĩ như đau đẻ, thứ đẻ khó, đẻ ngược. Tôi chợt ý thức cuộc đời chúng tôi lúc đó, gia bản bệnh trọng lại thêm cái sĩ diện của nhà

giáo phải giữ, tôi đành bình tĩnh đánh thức ông chủ nhà và xin ông làm ơn đưa giúp đến tìm Cò Đùm. Ôi cái tên anh chàng mới nhà quê làm sao. Vợ tôi, nếu như Hà Nội thanh bình, một thiên kim tiểu thư, mà giờ đây khuôn mặt nhói buốt, miệng méo xệch, nằm rên rỉ như một con vật sắp bị cắt tiết, hay đã bị cắt tiết nửa vời rồi. Nhà thương cách nơi tôi ở khoảng 15 cây số. Cò Đùm chỉ cách hai cây số. Đành phải đi cầu cứu Cò Đùm vậy. Vô kể khả thi, nhưng ông chủ nhà thì hưởng ứng ý kiến của tôi bằng câu nói bình dân: “Thầy giáo quyết định như vậy là phải, có bệnh vái tứ phương!”

- Sao anh cười vậy? – Ông bạn tiến sĩ giáo dục đang biến thành một tiểu thuyết gia mà không biết chột hỏi tôi như vậy.

- Không, có gì đâu, từ ngày di cư tới nay, hai mươi năm tròn, vật đổi sao dời, dưới vòm trời miền Nam đã sang thời Đệ Nhị Cộng Hòa rồi mà tôi còn được dịp hiềm hoi nghe chuyện thời kháng chiến, khoái thật chứ!

- Có những người mình gặp lần đầu, não cân mình ghi ngay được những nét đặc biệt không bao giờ phai. Cò Đùm không thế. Ngày nay ôn lại buổi gặp Cò Đùm đầu tiên đó, khoảng một giờ khuya, tôi chỉ còn nhớ những nét nhòa nhòa tổng hợp. Và tất cả những câu chuyện từ lúc mời Cò Đùm về nhà, rồi nhà tôi được khỏi bệnh, tôi cũng chỉ nhớ được những nét đại cương, nhưng là tinh túy của phần truyện. Thế thôi. Chi tiết chịu! Tôi chỉ còn nhớ lúc nghe tiếng chúng tôi – ông chủ nhà và tôi – xách đèn bão tới gọi cửa thì Cò Đùm chống phen cửa lên, tuy còn ngái ngủ nhưng hết sức niềm nở, không một chút phiền hà vì bị phá giấc ngủ ngon. Đến khi biết là ông thầy giáo Pháp văn của bộ phận trường trung học Đào

Duy Từ tới đây, thì Cò Đùm không dấu được niềm vinh hạnh được bậc “trí thức” là tôi tin cần vời tới. Đấng “trí thức” tôi lúc đó cũng rất ư là đặc ý ở địa vị được những người bình dân kém học như Cò Đùm vì nể. Thực là khôì hài cho tâm trạng “trí thức” của tôi lúc đó – và vẫn đây đây, đây đây bây giờ - cho rằng việc tôi đến dựng Cò Đùm dậy vào lúc một giờ sáng là chính tôi đã ban danh dự cho Cò Đùm.

Anh mỉm cười, nụ cười thật bình thản, không một chút mỉa mai, anh đã vươn khỏi mỉa mai từ lâu, tôi biết, anh nghiêng người sát tới tôi hơn nữa để được nói khẽ như một câu viết giữa hai dấu ngoặc:

- Đất nước mình phải được khai thông nhiều nữa, giữ cho những Cò Đùm vẫn là Cò Đùm mà lên hàng trí thức mới được. Trí thức như tôi, trí thức như anh, trí thức như muôn vàn và hầu hết trí thức của chúng ta hiện giờ chỉ là một bầy trí thức vong bản không hơn không kém. Hai chữ “vong bản” đây xin hiểu là mất gốc thuần phác nông dân của người nhà quê, người nhà quê miền núi, hay người nhà quê miền biển, hay người nhà quê miền đồng bằng, người nhà quê với thiên nhiên là một.

Anh ngồi thẳng trở lại vị trí cũ, nâng giọng lên như cũ:

- Tự cho là đã ban danh dự cho Cò Đùm, trong thâm tâm tôi càng coi rẻ Cò Đùm, kể cả lúc tôi thuật lại căn bệnh nhà tôi cho Cò Đùm nghe. Tôi càng coi rẻ khi nghe Cò Đùm lúng túng nhưng thành khẩn tìm cách giảng giải căn bệnh trong đó có len vào mấy danh từ Pháp về cơ thể học, về bệnh lý học mà Cò Đùm đọc sai

bét, và càng thâm hại hơn vì đượm vẻ gương ngật nhà quê của anh. Đã hoàn toàn tỉnh ngủ, tươi tắn, niềm nở, hồn nhiên, Cò Đùm đeo *sacoché* lên vai trong đưng đồ nghề. Trên đường về lần này là ba người dưới ánh đèn bão lung lay. Vẫn dưới cơn mưa tầm tã như lúc đi. Vùng tôi ở có hai dòng nước, một nhánh sông Nông Giang và một con suối.

Đường về qua cầu Trái, một cây cầu xi-măng bắc ngang qua dòng suối vô danh, dĩ nhiên cây cầu đã được phá, phá rất khéo, sụp đổ hai đầu, và được bắc tạm bằng hai đầu cầu tre. Trước khi tới cầu Trái, ba chúng tôi qua căn miếu nhỏ bên đường dưới một gốc đa cổ thụ, căn miếu lạ lùng bên trong thờ một bím tóc dài, bím tóc đàn bà, kính cẩn treo trên tường miếu, dưới là một bình hương sứ cổ chật ních chân hương. Ban ngày, có khi nào qua miếu, nhìn mái tóc đó tôi luôn luôn rùng mình vừa ghê sợ vừa kính cẩn. Mái tóc của ai, người đàn bà nào, có liên hệ gì tới dòng lịch sử của người dân vùng này. Tôi thắm khấn anh hồn người đàn bà xấu số có mái tóc thể kia hãy phù hộ cho tôi, phù hộ cho vợ tôi, phù hộ cho Cò Đùm cứu được vợ tôi. Trong khoảnh khắc đó tôi hoàn toàn quên niềm kiêu hãnh tôi là một nhà “trí thức,” giáo sư Pháp văn, đã hấp thụ được phần nào tinh hoa văn minh Tây phương. Chết Cò Đùm trong tôi, chết *vạn hữu nhất thể* trong tôi, lúc đó mới được đôi phút phù du bốc lên từ tiềm thức.

Tôi trở lại tâm trạng coi rẻ Cò Đùm khi đã tới nhà và chúng kiến Cò Đùm mở *sacoché* lấy ra đám đồ nghề cũ kỹ, dơ dáy, nhất là khi thấy Cò Đùm đã thọc được kim tiêm dưới làn da cánh tay nhà tôi rồi nhưng còn nhay nhay khua tìm cho đúng *veine*. Tôi phải quay mặt

đi, và cho đến bây giờ, vâng kể cả cho đến bây giờ, tôi vẫn cho rằng ngày đó tôi đã thật liều, thật can đảm giao phó bệnh nhân là nhà tôi cho bàn tay chữa trị của Cò Đùm. Anh có thể tưởng tượng được không, sau khi được chích *veine*, nhà tôi tỉnh táo hẳn, và miệng khỏi hẳn không còn méo xệch một chút nào nữa.

Lúc đó thì thực tình tôi mới đủ bình tĩnh mang ơn Cò Đùm. Ôn đó tôi mang suốt đời, không phải vì phát thuốc chích của Cò Đùm, mà vì thái độ nhân từ, niềm nở của Cò Đùm đã nhận lời ra đi ngay giữa đêm hôm khuya khoắt, dưới cơn mưa tầm tã. Phải ở trong cảnh gia bản bệnh trọng như vậy, phải đi tìm thầy thuốc vào lúc khuya khoắt dưới cơn mưa toì bời bên ngoài, với nỗi lo lắng bời bời bên trong của mình như vậy, mới thấy được giá trị hơi ấm của những tấm lòng sưởi ấm những tấm lòng giữa ranh giới đường tơ kẽ tóc của sống và chết. Nhà tôi khỏi bệnh vì niềm tin luôn luôn được thấp sáng, lúc nguy nan gặp thầy gặp thuốc, nhà tôi khỏi bệnh thoát vì chính niềm tin của mình, nhà tôi khỏi bệnh vì khi nhìn sang tôi, nhìn sang ông chủ nhà, nhìn tới Cò Đùm, nhìn vào nơi đâu cũng vẫn thấy niềm tin nguyên vẹn. Vẫn có thuốc mà vẫn như *vô dược thị trung y, thiên thượng địa hạ, vạn hữu nhất thể* là thế. Tôi còn mang ơn Cò Đùm ở thái độ bình tĩnh che chở bên tôi nữa.

Còn nhớ khi ba chúng tôi về gần tới nhà, đi trên con đường sống trâu trơn như mỡ, Cò Đùm đi ngay bên tôi để “ông thầy giáo” vịn. Một lần tôi trượt chân vào một vũng bùn, một con nhái bất chợt nhảy lên làm tôi hốt hoảng nhảy lên còn nhanh hơn con nhái nữa, và Cò Đùm bình tĩnh bên tôi trợ như đá, vững như đồng, hỗn nhiên như cây cỏ, bao dung mà không biết rằng

bao dung, nắng mưa che chở mà không biết rằng mình đang nắng mưa che chở. Tôi mãi mãi quý và mang ơn Cò Đùm là ở điểm đó. Mãi mãi cho đến bây giờ Cò Đùm một tấm gương cho tôi soi vào mà tìm ra “nhan sắc” của chính mình. Kể từ đó, nhiều lần tôi tránh hợm hĩnh rởm chính là nhờ kịp thời soi vào “gương Cò Đùm” để nhận ra ngay nét bỉ ổi mà thường tình dễ có. Tôi nhớ lại cả rồi.



- Và Cò Đùm thành người bạn của gia đình tôi!

Tôi rót thêm nước vào tách, thậm cảm ơn đứa con gái đầu lòng của tôi đã khéo biết chọn thứ trà cúc đặc biệt của Đài Loan tán nhỏ thành bột, có thêm chất đường cho đậm giọng. Nó đã biết ý mang cả hộp trà ra, cùng với phích nước sôi thứ hai. Nó đã và đương là học trò của bạn tôi, sinh viên thứ ba Đại học Sư phạm.

Bạn tôi tiếp:

- Và cũng vì thế mà tôi biết được Cò Đùm là ai, từ đâu tới, tứ cố vô thân trong căn nhà cô độc ngay chốn ven rừng chân núi đó. Và chắc chắn cũng chỉ có tôi là người duy nhất được Cò Đùm ngỏ cho biết rõ đời tư của anh như vậy. Tôi luôn luôn gọi Cò Đùm bằng tiếng

“anh” thân mật, Cò Đùm dưới tôi chỉ năm tuổi thôi. Tôi nói chuyện thân mật gần gũi với Cò Đùm như tôi vẫn có thói quen khi nói chuyện với học trò của tôi. Cò Đùm thì gọi tôi là “thầy giáo”. “Thưa thầy giáo... Thầy giáo nghĩ sao... Xin phép được trình bày với thầy giáo điều này...” Rất nhiều khi tôi đi dạy học về - xin anh nhớ lại cho, dạy học thời kháng chiến về đêm - tới nhà thường là khoảng gần nửa đêm rồi mà còn ngồi tiếp chuyện Cò Đùm.

Cò Đùm không phải là dân làng Cốc đã đành, Cò Đùm cũng chẳng phải dân phủ Thọ Xuân. Sinh quán Cò Đùm ở tận Phủ Quảng, tức phủ Vĩnh Lộc, tuy cũng thuộc Thanh Hóa nhưng xa gian nhà Cò Đùm hiện ở khoảng chừng ba chục cây số. Sau Cách mạng tháng Tám, Cò Đùm dĩ nhiên vẫn còn ở quê nhà với mẹ và vợ con. Khoảng một thời gian từ 1945 đến 1947 Cò Đùm như nhân vật một truyện cổ tích diễm phúc nhất. Tại cả vùng Phủ Quảng quê hương, thời ban đầu kháng chiến, Cò Đùm là một trong số hiếm hoi những người đã thể hiện được đủ năm E: diện bộ đồ ka-ki *ăng-LE*, tay đeo đồng hồ *Vi-LE*, đi xe đạp *Luy-xi-FE* bằng thứ nhôm rất nhẹ của Tây, bút máy gài túi áo nhãn hiệu *Oe-rê-VE*, và, chao ôi, điều này mới là vinh dự, sau khi đã cống hiến rất hậu hĩ cho chính phủ kháng chiến trong tuần lễ vàng, anh được đóng thuế cho chính phủ hạng E, tức là hạng cao nhất sau bốn hạng A, B, C, D. Giấc mộng đẹp phù du đó qua mau và phũ phàng.

Chỉ mới sang khoảng giữa 1947, anh đã nhận chân rằng thuộc thành phần địa chủ như gia đình anh, gặp nhiều khó khăn lắm trong cuộc sống song hành với những đảng viên Đảng Lao động đương lãnh đạo cuộc kháng chiến. Biết rằng sống lộ liễu ở quê hương không

nổi, anh đơn độc lẳng lặng dọn đến làng Cốc khoảng thời gian này. Mảnh đất biệt lập tại ven rừng đó, anh chọn; căn nhà tranh hình chữ H đó, anh tự vẽ kiểu và đích thân điều khiển dựng lên. Căn nhà ngoài cùng có thể mở cửa hàng cho khách đường xa hay trên đường tới chợ nghỉ chân, căn bếp nối căn nhà ngoài với căn nhà trong là nơi anh chứa thuốc Tây, tiếp khách tới chích hay tới mời đi chích, và cũng là nơi có căn phòng riêng cho anh nghỉ ngơi vào những giờ phút mệt mỏi. Sau căn nhà trong, sát với hàng rào trồng sắn, là hầm tránh phi cơ được đào theo kiểu hầm ếch, rất an toàn.

Cò Đùm học nghề chích dạo này nơi ai, học nghề buôn thuốc Tây này nơi ai, tôi không rõ, và cũng không bao giờ hỏi. Tại sao chỉ một mình Cò Đùm tới đó, làm cách nào mà cả vùng làng Cốc chỉ có Cò Đùm như một y tá thượng thặng, như một người buôn thuốc Tây rất hữu ích cho đoàn thể, là thành phần thân thiết của làng Cốc, làm thế nào mà Cò Đùm đạt được mức tín cẩn đó khi mà trong gia đình, anh em cũng không tin nhau, dưới chính thể đầy ắp những cảm hờn và nghi kỵ đó? Cò Đùm ở đây vẫn liên lạc với vợ con ở quê nhà – Phú Quảng – ra sao? Điều là những chuyện không bao giờ tôi hỏi. Cò Đùm cũng không bao giờ nói.

Bây giờ tôi hiểu Cò Đùm đạt được thành quả tuyệt luân đó hoàn toàn do sự dẫn dắt của trực giác tuyệt luân của một người bảo tồn được nơi mình tính chất Việt Nam thuần phác nhất. Vâng, chắc chắn là vậy, tưởng như Cò Đùm bố trí, nhưng thật ra chính Cò Đùm cũng chỉ như cánh bèo thuận theo dòng nước đẩy đưa. Tôi, “đáng trí thức” luôn luôn ý vào chữ nghĩa ghi trên trang sách, ruồng bỏ trí nhớ, ý vào ánh sáng trí thức ruồng bỏ cảm

quan của toàn thể con người, xưa phải dùng thêm tiếng Pháp để tự soi sáng, bây giờ phải dùng thêm tiếng Anh để tự soi sáng: “*To know is good, to feel is better.*” Cò Đùm khác hẳn tôi, khác hẳn lũ mang danh trí thức chúng ta. Cò Đùm là hiện thân của thiên tài giống nòi – *le génie de la race* - nghĩa là thiên tài không bao giờ ý thức mình là thiên tài, từ lúc biết mình hiện diện ở cõi đời cho đến khi vào nằm yên nghỉ gọn ghẽ, khít khao giữa bốn tấm dài hai tấm ngắn. Chỉ sống bằng “trí thức” như tôi, tất nhiên tôi luôn luôn đặt hết nghi vấn này đến nghi vấn nọ khi tìm hiểu Cò Đùm như anh sẽ thấy sau đây.



Lần đó tôi đi dạy học về, rửa mặt mũi, đã lên giường nằm ấm chỗ rồi, thì có tiếng gõ cửa bên ngoài. Tôi lớn tiếng hỏi: “Ai?” Vẫn chỉ có tiếng gõ cửa đáp lại. Tôi không tự chủ được, vùng vằng tung chăn nhòm dậy cố ý làm cho những tiếng động bất mãn đó vang ra đập vào tai người khách bất lịch sự, vùng vằng mở cửa ra. Tôi lặng người vài giây, trở lại bình tĩnh ngay, tươi cười nữa. Cò Đùm! Khi Cò Đùm đã vào ngồi đối diện với tôi trong nhà rồi thì tôi trở lại bình tĩnh hoàn toàn, tươi cười hoàn toàn. Về phần Cò Đùm, khuôn mặt anh lần đó xa vắng hẳn, dường như cho tới lúc anh ngồi đối diện với tôi anh mới trở lại thực tại. Tất nhiên tất cả những động tác vùng vằng, những tiếng động vùng vằng của tôi trước đó, anh không hề chú ý tới. Như nước đổ lá khoai. Cũng may.

“Thầy giáo ạ, em phải về Phú Quảng!” Đó là lời nói của Cò Đùm “nhập đề trực khởi” vào buổi hội kiến bất thường hôm đó, như một tiếng kêu than nghẹn ngào thống thiết. Tôi hỏi: “Sao vậy?” Cò Đùm chỉ lắc đầu ngao ngán, tia nhìn xa vắng như lúc tôi vừa mở cửa, và Cò Đùm nhắc lại y hệt câu trên, “Thầy giáo ạ, em phải về Phú Quảng” nhưng lần này âm sắc thê lương não nề như có lẫn cả tiếng nấc, đến nỗi tôi nghe mà chột thấy nổi da gà, chính mình cũng muốn ứa lệ. Cảnh một ngày mùa đông mưa gió đập vui, trời tả, chân tay lạnh cóng, áo quần rách mướp, chính gạo không có một hạt, vợ đau con ốm, vũ trụ và con người như vừa đẩy đưa tới thêm tận diệt. Đó đích thị là cảm giác của tôi khi lần thứ hai nghe Cò Đùm nhắc lại y nguyên lời nói lần thứ nhất. Tôi không dám nói gì hơn nữa vì biết chắc bất kỳ lời nào mình thốt ra lúc đó cũng thành lạc điệu. Nhưng Cò Đùm đã chuyển hướng câu chuyện vào đề chính, và không khí chuyển màu ngay, bớt bi thảm đi nhiều.

- Thầy giáo ạ, thầy giáo nên chuyển gia đình đến ở căn nhà em để lại đó.

Tôi cười buồn rầu, bình tĩnh còn hơn Đức Phật khi bị Ma Vương quyến rũ vào lúc sắp ngộ Đạo:

- Nhưng mà này anh ơi, tôi làm gì có tiền mua nổi, cảm ơn anh, cảm ơn anh, tôi...

Cò Đùm nói chặn ngay:

- Thầy giáo tới ở là quý.

Chỉ sau vài giây suy nghĩ, tôi nhận lời ngay, không khách sáo, nhưng ân hận thực tình:

- Nếu chỉ có vậy, anh việc gì phải khổ nhọc đến tìm tôi vào lúc khuya khoắt quá như thế này?

- Em phải về Phủ Quảng ngay bây giờ, thầy giáo ạ. Có thể, sớm mai em mới kịp tới nhà.

Cò Đùm đứng dậy, trao chìa khóa cho tôi, nói thêm:

- Đồ đạc em còn để nguyên như vậy để thầy giáo và gia đình dùng, hàng họ thì em bán hết rồi.

Mãi sau này tôi mới hiểu lý do vì sao Cò Đùm phải trở về quê cũ. Gia đình anh đóng thuế nông nghiệp. Khánh tận của chìm của nổi rồi, mẹ già anh vừa mất, chắc chắn vì u uất mà chết, chỉ còn vợ anh và lũ con thơ. Mẹ anh được chôn cất xong, công tác bao vây địa chủ tiếp tục tiến hành. Họ bao vây nhà anh bằng trống lớn, trống nhỏ thay phiên nhau gõ liên miên như hổ huê giễu cợt, như chửi rửa thục giục. Nhưng vợ anh quả không còn một đồng một chữ trong tay để trả thuế nông nghiệp. Ruộng bán không ai mua, nhờ cày nhờ cấy không ai giúp vì tránh tiếng liên hệ với địa chủ. Họ đánh trống liên miên như vậy suốt ba ngày đêm, tiếng trống bỗng ngưng bật vào sớm tinh sương hôm đó giữa sự ngỡ ngàng của chị Cò Đùm. Chị bước ra sân, và chị rụng rời tưởng có thể khụy xuống ngất xỉu.

Ba cây cau cao ngất ngoài sân trước nhà, cây cau chính giữa phấp phới một lá cờ đỏ sao vàng to gấp đôi lá cờ vuông cổ truyền vẫn treo phấp phới giữa sân đình vào những ngày hội mùa xuân xưa cũ. Nó là bản án tử hình căn nhà và năm mẹ con chị mà đao phủ thủ sẽ là một phi công địch nào chợt bay qua đó. Đã bao nhiêu ngày chần chừ, nhưng tới đó thì Cò Đùm không thể chần chừ được nữa. Phải về tức khắc! Và Cò Đùm đã về tức khắc, để lại

căn nhà cho gia đình tôi. Khi đó hai vợ chồng tôi mới có đứa con gái đầu lòng còn ẵm ngửa. Cò Đùm về tới Phủ Quảng xuất hiện ra sao, trình diện ra sao, điều đình với Ủy ban hành chính kháng chiến ra sao, lá cờ đỏ sao vàng được hạ xuống khỏi cây cau chính giữa ra sao, tôi không được biết một chút chi tiết nào, và cũng như bao giờ, tôi chỉ nghe Cò Đùm sau giờ học Pháp văn tâm sự tới đâu hay tới đấy, tuyệt nhiên không gọi hỏi thêm một lời nào. Tôi tự theo kỷ luật này, tin rằng đó là nghi lễ tối thiểu tôi phải có với Cò Đùm.

Kể từ ngày Cò Đùm về Phủ Quảng, còn đợi ba tháng sau nữa anh ta mới chính thức ngỏ ý xin làm môn sinh tôi, xin tôi dạy anh Pháp văn, trong khi tại trường trung học Đào Duy Từ đã có sự thay bậc đổi ngôi và tôi được cử sang dạy Anh văn, nhường Pháp văn cho nhà trí thức lừng lẫy: Luật sư T., vừa tiến sĩ Luật, vừa tiến sĩ Văn chương tại *Sorbonne*. Tôi đã theo học tại trường *Providence* Huế, nên Anh văn cũng rất cừ. Sau khi di cư vào Nam có rất nhiều học trò cũ của tôi là giáo sư Anh văn tại các trường công tư tại thủ đô Sài Gòn cũng như tại lục tỉnh. Ấy là thuở ban đầu vào những năm chia cắt, giáo sư Anh văn còn hiếm và ảnh hưởng người Mỹ mới là ngọn lửa nhóm rau nhóm bếp. Còn nhớ một kỷ niệm rất vui vào niên học tôi chuyển sang dạy Anh văn. Kỳ thi tú tài năm đó do vị học giả họ Đặng, lý thuyết gia Mác-xít, bố vợ ông đại tướng làm chánh chủ khảo. Ngay buổi đầu họp chấm bài, ông chánh chủ khảo mời chúng tôi mỗi giám khảo một điếu *Philip Morris*. Thực là tức cười, thuốc lá mời để châm lửa hút ngay, thì tất cả chúng tôi không ai bảo ai nhất loạt cài điếu *Philip* vào túi áo, rồi sớm hôm sau quá phân nửa không hện mà nên, gặp nhau tại quán cà phê gần chợ, lúc đó anh nào

anh nấy mới thận trọng rút điếu *Philip* ra, và anh nào cũng thận trọng hơn nữa nhẹ tẩm cà phê lên điếu thuốc. Như vậy nói là để hút cho đậm khói, điếu đó có, nhưng điều chính yếu hơn là để cho điếu thuốc thần tiên không được “tiêu thổ kháng chiến” chóng quá. Tôi đã *tạch tạch sè* (tiểu tư sản) hút dè điếu thuốc, hãm với cà phê, đến ngày thứ ba nó mới hoàn toàn tan thành mây khói.



Tưởng cũng cần kể kỹ cho anh nghe buổi xin làm lễ nhập môn của Cò Đùm. Ngay buổi đầu tiên gặp lại, khoảng ba tháng sau ngày anh trở về Phú Quảng, tôi thoạt cảm ơn Cò Đùm và hết lời ca ngợi căn nhà lý tưởng anh để tôi ở. Căn nhà đơn độc dưới vòm cây rậm lá, xa chợ để tránh phi cơ, nhưng lại tương đối gần trường, chỉ cách trường chừng mười thửa ruộng băng qua, khoảng hai trăm thước. Bởi vậy, nhà tuy có hầm trú ẩn hàm ếch, mà mỗi lần có kiếng báo động tôi vẫn yên chí nằm khểnh trong nhà. Duy một lần, cách đó một tháng, phi cơ sà xuống bắn mái đình dùng làm trường (mấy hôm trước có bộ đội tới đóng quanh), gần nhà quá nên chúng tôi phải chạy ra hầm. Nhưng rồi cũng chỉ nằm bẹp gí bên miệng hầm mà không nhảy xuống hẳn, vì đúng lúc tôi sắp nhảy xuống thì từ vũng nước dưới đáy hầm (buổi

sáng vừa có trận mưa lớn) đầu một con rắn nhô lên như một khẳng định chủ quyền của chính nó.

Câu chuyện hàn huyền ngắn ngủi qua đi, tôi thấy Cò Đùm lúi trong *sacoché* một gói bọc lá chuối, mở thấy hai hộp *Calmine* bằng thiếc được nói trước là đựng quà biếu tôi. Hộp *Calmine* đầu tiên tôi rón rén mở ra, mắt tôi sáng lên, trong đựng ba điếu *Cotab*. Tôi quên giữ ý, cầm ngay một điếu lên, dĩ nhiên không phải để châm hút, mà để soi tới gần mặt chữ *Cotab* trên đó, kiểm soát xem thuốc thật hay thuốc giả. Nếu nét chữ ánh bàng bạc như màu tàn thuốc, nhưng rất thanh và rất rõ, thì đúng là thuốc thật; nét chữ thô, màu xám đậm, ấy là của giả. Khi tôi đã yên chí là ba điếu thuốc chính cống bà lang trọc rồi, Cò Đùm bắt đầu biểu diễn cho tôi biết cách dùng hộp *Calmine* thứ hai. Hộp này được khoét một lỗ khoảng chính giữa theo chiều rộng và một phần ba theo chiều ngang, một chiếc *valve* xe đạp được bắt ốc vào khoảng lỗ khoét đó, trong *valve* là bắc đèn, một ống *Glucocalcium* được cắt đi dùng làm thông phong, một chiếc nắp *Aspirine* được lật ngửa dùng làm cổ đèn để cấm thông phong, cả hộp *Calmine* bên trong đựng bông gòn tẩm dầu hỏa. Thì ra món quà thứ hai Cò Đùm tặng tôi là chiếc đèn dầu hỏa gọn ghẽ và tân kỳ. Sau đó Cò Đùm rất trịnh trọng nghiêm chỉnh nói với tôi:

- Thưa thầy, hôm nay em tới đây xin thầy nhận dậy em Pháp văn! Tên ghi trên giấy khai sinh của em là Nguyễn Văn Chí.

Phản ứng tức thì của tôi là giật mình nhìn lại Cò Đùm, mong rằng mình có thể khám phá được tức khắc

xem vì lý do gì mà Cò Đùm lại xin học Pháp văn. Nhưng tôi chịu. Chưa muốn suy nghĩ sâu hơn, tôi chỉ hỏi Cò Đùm hai câu:

- Nhưng anh vẫn ở Phủ Quảng kia mà.
- Thưa thầy vâng.

Tôi càng nhận ra quyết tâm của Cò Đùm: Ngay từ buổi đầu tái ngộ này, Cò Đùm đã xưng tụng tôi là “thầy” mà bỏ chữ “giáo”. Cò Đùm đã tự xác định vị trí làm môn đệ tôi. Tôi hỏi:

- Làm sao anh học được. Phủ Quảng cách đây ba chục cây số.
- Thưa thầy mỗi tuần em đến với thầy hai ngày!

Anh ơi, nói sao làm vậy, Cò Đùm, tên thực Nguyễn Văn Chí, hằng tuần đến ở với tôi hai ngày. Đi lại bằng xe đạp. Cũng họa hoằn có tuần Cò Đùm chỉ ở với tôi một ngày, thường sau đó hay trước đó là tuần Cò Đùm xin phép tôi được học ba ngày để bù vào ngày đã hay sẽ hao hụt. Như vậy suốt hai năm liền. Cơ thể Cò Đùm trơ như đá, vững như đồng không bao giờ đau ốm cả, trời mưa cũng như trời nắng, mùa lạnh cũng như mùa gió Lào nung nấu biến cả vòm trời Thanh Hóa thành lò lửa hừng hực. Tôi đau ốm, nhưng dù ốm đau vào ngày Cò Đùm tới, tôi vẫn gắng vui vẻ dậy, rất chu đáo. Tôi vẫn nghĩ tôi mang ơn Cò Đùm đã phần nào cứu tử nhà tôi. Nhưng tâm trạng tôi đâu có bằng phẳng khi dạy Cò Đùm như tâm trạng Cò Đùm bình thân thụ giáo Pháp văn tôi. Tôi vừa dạy vừa suy nghĩ tìm hiểu về việc Cò Đùm xin học Pháp văn. Tôi tự đặt thêm câu hỏi, tôi tự trả lời thêm; tôi đặt vu vơ một câu hỏi với Cò Đùm sau giờ học, tôi ghi

nhớ câu trả lời của Cò Đùm để vào lúc rảnh rỗi đem câu đó lên bàn mổ, lật đi lật lại tìm xem có dấu vết nào khả nghi không.

Sao Cò Đùm lại xin học Pháp văn trong khi thầy hẳn – tôi – từng phải giả vờ bày tỏ ý kiến với đám đảng viên thay phiên nhau phụ trách tôi, là trót biết tiếng Pháp chỉ tự gây thêm một trở ngại trên con đường tư tưởng tiến bộ. Những người như Cò Đùm phải tự lấy làm may mắn không bị tiếng Pháp “bôi bẩn” tư tưởng mới phải chứ. Thì lời thể bốn không liên hệ với Pháp còn rành rành ra đây: Không đi lính cho Pháp, không làm việc cho Pháp, không thông tin cho Pháp, không chỉ đường cho Pháp. Tại Sầm Sơn trước đây người ta đã há chẳng tập trung sách Pháp, văn bằng Pháp hỏa thiêu đó sao? Hay là Cò Đùm thuộc thành phần một tiểu tổ đảng viên nào đó tới thử tôi? Hay Cò Đùm là một nhân viên phản gián làm việc ngầm cho Pháp? Hay Cò Đùm đơn giản chỉ muốn học nghề y tá cao hơn bằng cách phải kiếm cách trau dồi trình độ Pháp ngữ trực tiếp nơi tôi? Việc dạy Pháp ngữ, Anh ngữ tại trường trung học chỉ nặng phần trình diễn mà rất mờ nhạt phần thực dụng. Chính điều sau cùng này làm tôi thắc mắc khổ tâm hơn cả. Tôi muốn mình dạy cái gì ở lớp học là phải thực dụng ở ngay cuộc đời người học trò. Dạy phù phiếm, làm cảnh trang trí, tôi tự thấy xấu hổ. Thật chán mớ đời. Tôi cứ vừa dạy vừa ray rút nội tâm như vậy hai năm liền. Cò Đùm học không thông minh, nhưng học đều như vậy, có thiện chí như vậy nên sau hai năm Cò Đùm đã có một căn bản khá vững về Pháp văn. Nội tâm càng day dứt tôi càng dạy tận tình như muốn giẫm nát một con rết dưới gót chân.

Đó là vào đầu năm 1952. Tôi có một người bạn

thành phần trí thức tiểu tư sản quá hiếm hoi còn sót lại trên những chiếc ghế chính quyền. Anh là kỹ sư canh nông giữ chức phó Chủ tịch tỉnh. Tôi nói thật với anh là kháng chiến đến lúc gay go này tôi cần phải để cha già, mẹ yếu, vợ dại, con thơ vào thành; một mình ở lại mới yên chí phục vụ kháng chiến đắc lực được. Anh bạn đã hứa sẽ cấp giấy phép cho gia đình tôi rời vùng kháng chiến sang đất tề. Tôi sẽ đưa cha mẹ vợ con tôi tới vòng đai trắng. Thâm tâm tôi biết mình rồi cũng sẽ về đây nhưng là một dịp sau, tự động xoay xở lấy. Tôi không mặt mũi nào phụ bạn, lợi dụng tình bạn mà về vào dịp đó, mặc bạn ở lại gánh trách nhiệm trước Đảng. Khi biết chắc chắn sẽ được cấp giấy nay mai, tôi tính gấp chuyện làm sao có được món tiền đủ lót tay cho cha mẹ vợ con khi về tới bên kia. Vừa dịp đó Cò Đùm tới. Đó là buổi học Pháp văn cuối cùng Cò Đùm.



Buổi học Pháp văn vừa dứt, tôi không bỏ phí một giây, nói ngay với Cò Đùm:

- Phải bán chiếc xe đạp anh ạ, và chắc chỉ có anh mới giúp được tôi việc này, anh quen chuyện buôn bán.

Cò Đùm ngồi lặng người nhìn tôi một phút. Hình như sau phút thấu thị, Cò Đùm biết hết hoàn cảnh tôi, ý định thầm kín của tôi, đường lối tất yếu tôi phải theo, thái độ tất yếu tôi phải có. Vì thế từ phút đó nhất cử nhất động lời thưa tiếng gửi của Cò Đùm vô hình chung đều như coi tôi cũng sẽ về thành vào dịp này. Tôi luôn luôn phải tìm cách nói xuê xoa để khỏi mang tiếng là mình trí trá với học trò mình. Tôi kể với Cò Đùm lai lịch chiếc xe mác *Hirondelle*. Đó là chiếc xe của một viên tiểu đoàn trưởng. Hắn mê một cô học trò của tôi, vì vậy dạo đó

hắn đã để rẻ cho chiếc xe với giá sáu mươi ngàn đồng cụ Hồ. Tôi hỏi Cò Đùm xem hiện bây giờ bán thì được bao nhiêu. Sau khi xem xét kỹ chiếc xe, Cò Đùm nói là có thể bán giúp tôi với giá hai trăm ngàn đồng. Tuy tiền Hồ Chí Minh dạo đó đương hồi mất giá, nhưng không bao giờ tôi dám ngờ là chiếc xe cà tàng của tôi lại có thể bán được giá đó. Và nếu như thật vậy thì số tiền sẽ xếp đầy ba lô. Buổi chiều ăn cơm với tôi xong, Cò Đùm nói:

- Mai thầy trò mình đi Rừng Thông sớm, em sẽ bán xe đạp của thầy.

Họp chợ Rừng Thông, cả vùng này ai mà không biết nơi đó, nhưng tôi bảo Cò Đùm:

- Một mình anh đi là đủ, tôi đi theo làm gì, vô ích.

- Thầy cứ nên đi! – Cò Đùm bảo vậy. Tưởng là “không” mà kỳ thực có thâm ý.

Hôm sau tôi xin phép nhà trường nghỉ một ngày rồi cùng với Cò Đùm đi Rừng Thông, vừa đi vừa về ngót bốn chục cây số. Tới nơi tôi ngồi ngoài bãi ruộng giữ chiếc xe của Cò Đùm, còn Cò Đùm thì dắt xe của tôi vào Rừng Thông. Chưa đầy một giờ sau, tôi thấy Cò Đùm từ Rừng Thông nhô ra, không còn xe đạp, nhưng ba lô toong teng nhẹ bồng trên vai. Mất xe chẳng? – Tôi thoáng tự đặt nghi vấn. Nếu quả bán được xe thì ba lô kia phải chật ních giấy bạc và Cò Đùm phải khoác lên vai kệ nệ. Cò Đùm đã tới gần, khuôn mặt vẫn tràn ngập suy tư nhưng vô cùng bình tĩnh, điều đó khiến tôi yên tâm là không mất xe. Khi đã tới sát trước mắt tôi, Cò Đùm dừng lại, mở bàn tay ra, tôi thấy ba chiếc nhẫn vàng mỗi chiếc chừng một chỉ.

Tôi kêu lên, tuy biết rằng như vậy là quá chùng hợp lý đi:

- Trời ơi, anh đổi lấy nhẫn vàng gì, lấy tiền tiêu có tiện hơn không.

Cò Đùm giục tôi về ngay. Đường phá hoại xấu, tôi không để Cò Đùm đèo, hai thầy trò đi song song bên nhau, gặp chỗ hố phá hoại dài và rộng thì chạm sát vai nhau tay nghiêng ghi đông cho chiếc xe lăn sát theo mép đường. Thoạt Cò Đùm kể cho tôi nghe một vài trường hợp người nhà Cò Đùm trốn vào vùng tể để hoặc đi Nam Định, hoặc đi Hà Nội, luôn luôn đeo sẵn nhẫn vàng nơi tay, gặp trạm dân quân nào gay gắt thì rút ra một chiếc “ủng hộ” kín là trôi.

Tôi đây thì còn dẫu Cò Đùm làm gì. Quả là vô ích. Nhưng làm nghề thầy lâu năm, tôi cũng có cách tỏ bày câu chuyện vẫn thân mật, cởi mở, chúng tỏ tôi luôn luôn thẳng thắn chẳng có điều gì giấu giếm. Tôi nói với Cò Đùm là sẽ xin được giấy phép cho gia đình về thành nay mai, còn tôi thì ở lại kháng chiến cho đến ngày thành công.

Tôi nhận thấy Cò Đùm nghe chuyện mà đôi mắt nhìn về phía trước lơ đãng xa vời, Cò Đùm đã biết cả rồi. Tựa như – và điều này là chính – Cò Đùm còn có một điều gì đắn đo muốn nói với tôi mà chưa tiện dịp, hoặc chưa thu xếp được thành lời khả thủ. Bán giúp xe tôi như thế này, gián tiếp thu xếp cách phòng thân cho gia đình tôi như thế này thì nhất định Cò Đùm không phải là đảng viên phụ trách do thám tôi. Bây giờ chỉ còn một tiêu điểm duy nhất: liệu Cò Đùm có làm cho Pháp? Tôi ước đặt một câu hỏi rất khéo, Cò Đùm phản ứng chân

thành lòng ghét Pháp của mình, không những vậy còn cho biết thêm một điều, ông cụ thân sinh của Cò Đùm trước đã là một chiến sĩ cách mạng tham gia phong trào chống thuế tại Nghệ An vào những năm đầu thập niên 30. Như vậy thì Cò Đùm quyết không thể làm mật thám cho Pháp. Tôi lại đặt một câu hỏi gợi ý thật khéo nữa về việc Cò Đùm tha thiết cặm cụi học rất tấn tới tiếng Pháp suốt hai năm qua. Rất chân thành, Cò Đùm mở ngỏ nỗi lòng ngay, là để nhờ có dịp Pháp hành quân vùng tế thì biết tiếng Pháp chắc chắn là có lợi. Có thể làm thợ kỹ, làm thợ sửa xe, hay làm bồi bếp, kể cả khi sa cơ lỡ bước đến mức phải đi ăn xin, ở vùng tế là phải biết tiếng Pháp.

Tôi bật cười. Guồng máy tuyên truyền vùng kháng chiến đã in sâu được vào đầu não bình dân là vùng tế hoàn toàn của Pháp, nơi nào cũng có sự hiện diện của Pháp trực tiếp chiếm đóng về quân sự, cai trị về hành chính. Và tôi dễ dàng phủ chính điều đó. Pháp còn muốn bám vào thuộc địa cũ, nhưng Pháp đã phải nhả rất nhiều quyền hành trả lại cho người Việt vùng bên kia (vô tình tôi đã tránh dùng hai chữ “vùng tế”). Nhưng ngay đó tôi cũng đã cẩn thận đề cao lý tưởng kháng chiến và nói ngay kháng chiến thành công cũng không còn bao xa nữa, lại cẩn thận giải thích thêm là dù tiền cụ Hồ có mất giá đến mức phải bỏ ra hai trăm ngàn đồng (có thể xếp chặt một ba lô giấy bạc) mới mua được chiếc xe cà tàng, thì chính lại là thêm một dấu hiệu báo kháng chiến sắp tới ngày thành công. Trước khi trời rạng sáng, đêm bao giờ cũng đen ngòm.

Trong khi tôi nói, đôi mắt Cò Đùm vẫn nhìn về phía trước đượm vẻ xa vời. Bao giờ tôi nói Cò Đùm cũng cung kính lắng nghe, riêng lần đó lơ đãng lạ lùng. Rõ

ràng tâm trí Cò Đùm đương bị thâm hút vào một dự tính gì chưa tiện nói ra.

Suốt trên con đường ngót hai chục cây số, dọc theo sông Nông Giang, tôi rảo bước rất đều, càng về gần tới nhà càng rảo bước nhanh hơn vì sốt ruột. Ngược lại, Cò Đùm đôi lúc chùn chân lại để hãm bớt tốc độ của tôi đến nỗi đôi lúc tôi cảm thấy méch lòng. Tới khi chỉ còn cách nhà khoảng một trăm thước nữa thôi, Cò Đùm bỗng tự ý ngồi thụp xuống bên bờ Nông Giang, tôi biết đây là giây phút Cò Đùm quyết định ngỏ bầu tâm sự, vả lại nhà đã trông thấy thấp thoáng sau lùm cây, tôi bình tĩnh ngồi xuống bên Cò Đùm, bình tĩnh chờ.

Sau nhiều giây nhìn chằm chằm xuống chân, Cò Đùm ngẩng đầu lên nhìn tôi:

- Thừa thầy con có con trai đầu lòng đã lên chín tuổi rồi, nếu thầy vào thành cho con gởi cháu. Được thầy trông nom chắc cháu thành thân người.

Tôi sững sờ nhìn Cò Đùm nhớ cả tiếng “con” thiết tha thay cho tiếng “em” thân mật. Tôi không ngờ Cò Đùm có tham vọng nhờ tôi một việc lớn như vậy. Chính vì thông cảm được điều nhờ vả khó khăn nên Cò Đùm đã bản khoản, thẩn thờ, xa vắng suốt ngót hai mươi cây số đường trường. Tôi ôn tồn nói với Cò Đùm là tôi không vào thành. Khi nhận được giấy phép của Ủy ban tỉnh, tôi chỉ đưa gia đình tôi tới vùng giới tuyến rồi trở lại. Bằng một giọng ôn tồn hơn nữa tôi giải thích cho Cò Đùm hiểu cảnh băng qua vùng giới tuyến, khoảng đại trắng dù ngắn đến mấy, vẫn là đi dây với tử thần, một anh Lê dương hứng chí bất tử lấy cò, một quân nhân chột bất tử cảm thấy lòng yêu Bác, yêu Đảng dạt dào

cũng lấy cò. Bởi vậy khi vào tế, thường gia đình càng thu gọn càng hay. Gia đình tôi đã đủ người già với trẻ dại, nếu lại lịu địu thêm thằng con trưởng của Cò Đùm, nhờ có thể nào, nhờ có mệnh hệ nào, cả hai bên cùng ân hận. Tôi không nhắc tới ơn cứu tử vợ tôi xưa, không nhắc tới ơn bán giúp chiếc xe đạp vừa rồi, e khách sáo, tôi chỉ kết luận:

- Anh hiểu tôi chứ, anh là học trò tôi, thì cũng là chỗ thân tình rồi, nên tôi phải nói thật vậy, chắc anh cũng thông cảm.

Trông Cò Đùm tần ngần lúc đó thật tội nghiệp, càng tội nghiệp ở chỗ Cò Đùm thông cảm ngay hoàn cảnh bất khả kháng của tôi. Có lẽ tới một phút sau anh mới nói:

- Thưa thầy, vậy thì sau này con tìm lấy cách đưa cháu vào. Chỉ xin thầy cho con địa chỉ. Khi cháu nó vào được vùng tế rồi, nó sẽ đến tìm thầy. Lúc đó xin thầy thương con chấp nhận cháu như người trong gia đình, dạy dỗ cháu giúp con cho nó nên người.

Tội nghiệp Cò Đùm! Biết mình không đủ thì giờ và hoàn cảnh để ngoi lên vùng trí thức, Cò Đùm tha thiết mong và sửa soạn cho con mình sẽ ngoi lên được vùng ấy.

Tôi phải đáp ngay:

- Anh yên chí, tôi sẵn sàng giúp cháu, như giúp anh hai năm nay. Rồi đây khi kháng chiến thành công, cháu có thể theo tôi về nhà ở phố Hàng Vôi Hà Nội, số nhà... Xin anh nhớ lấy, nhớ lấy địa chỉ của tôi.

Tôi nói vậy vừa để chúng tỏ lúc nào cũng sẵn sàng

nâng đỡ cả hai cha con Cò Đùm trên đường học vấn, vừa để nhắc khéo rằng ít ra trong một thời gian nữa tôi vẫn còn trong vùng kháng chiến này. Thật là kỳ lạ, đôi mắt Cò Đùm lơ đãng nhìn ra xa như mặc nhiên lọc bỏ lời nói đó của tôi. Dường như Cò Đùm đã thấy trước chính tôi sẽ cùng với gia đình vào thành một lượt. Tôi không hề mất lòng điều đó, nhưng cũng chính vì điều đó tôi hỏi lại Cò Đùm khi cả hai chúng tôi đứng dậy:

- Tôi vẫn chưa biết mặt cháu.

Cò Đùm trả lời như thể câu tôi nói có ý là tôi vẫn chưa biết mặt cháu thì làm thế nào khi cháu đến trình diện ở Hà Nội tôi nhận ra cho được. Cò Đùm trịnh trọng đứng thẳng trước tôi, đối diện với tôi đáp:

- Thưa thầy rất dễ, dễ nhận lắm. Thưa thầy, xin thầy nhìn con, cháu nó giống con như đúc.

Lại tới lúc đó mới nhận thêm ra một điều nữa: Tôi biết Cò Đùm dễ tới bốn năm rồi, kể cả hai năm Cò Đùm chính thức là học trò tôi, Cò Đùm quá quen thuộc với tôi, mà cũng chỉ tới lúc nghe Cò Đùm bảo “Xin thầy nhìn con”, tôi mới nhìn Cò Đùm như thể lần đầu tiên nhìn Cò Đùm để nhận ra những nét đặc biệt. Cò Đùm nói như tô đậm từng tiếng một:

- Thưa thầy cháu nó giống con như đúc, cũng một cái răng khểnh và một bên mắt híp.

Tôi nhìn Cò Đùm, chụp lấy tấm ảnh căn cước Cò Đùm vào tâm khảm. Một cái răng khểnh, một bên mắt híp. Tôi tưởng là Cò Đùm sẽ về nhà với tôi, ở lại đêm đó, ai ngờ Cò Đùm chia tay ngay. Tôi nói một lời cuối cùng:

- Lần sau nếu anh lên gặp đúng lúc tôi chưa về, anh hãy gắng đợi.

Cò Đùm đáp với tôi lời cuối cùng:

- Thưa thầy con vẫn giữ cái chìa khóa thứ hai đây, con mở cửa lấy. Lạy thầy!

Cò Đùm đã lên xe đạp. Trời vừa chập choạng tối, một vài con dơi đã từ các hốc cây, đầu hồi nhà, bay ra lẹ như én, đảo vòng lên xuống chụp muỗi. Dòng Nông Giang bỗng như nhỏ xinh đi, nhưng nỗi buồn tràn lan ra cùng bóng tối, nỗi buồn heo hút xóa mờ bóng Cò Đùm gò lưng đạp ngược gió về phía Phủ Quảng.



Mưa đã ngớt từ lúc nào, làm sao mà tôi biết cho được. Bạn tôi tựa hẳn lưng vào thành ghế, ngửa người tựa đầu về phía sau, hai bàn tay che lấy hai mắt và bóp bóp hai bên thái dương, đôi mắt nhắm nghiền để nhìn cho rõ vào dĩ vãng nơi có bóng Cò Đùm mắt hút trên bờ Nông Giang. Đồng hồ đã gần chỉ đúng Ngọ. Như mọi khi, hể ở lại nói chuyện với tôi tới giờ đó là đương nhiên anh sẽ ăn cơm trưa với tôi. Đứa con gái lớn của tôi đã ra. Chỉ một vài tay quơ, nó biến chiếc bàn nhỏ bày trà thành chiếc bàn ăn thân mật. Bạn tôi vẫn ngửa cổ trên thành ghế kia, hai tay vẫn ôm mặt, bóp bóp hai bên thái dương, đôi mắt vẫn nhắm nghiền. Tôi nhón bước vào nhà trong, bưng ra hai bình rượu thuốc và một đĩa lạc rang để làm một châu khai vị trước. Tôi vừa được một anh bạn cho một thang thuốc ngâm rượu gia truyền,

loại thuốc bổ kinh khủng, như lời anh bạn giới thiệu:
“Nhất dạ lục giao sinh ngũ tử.”

Bạn tôi trở lại thế ngôi cũ, đôi mắt hiền lành hơn bao giờ hết, mệt mỏi và buồn buồn. Ánh mắt anh hơi vui lên một chút khi nhìn tôi rót rượu đầy hai chén nhỏ. Anh tiếp câu chuyện trước khi nhấp ngụm rượu đầu tiên:

- Hai hôm sau anh bạn phó Chủ tịch tỉnh sai người nhà đưa đến cho tôi giấy phép, kèm theo một lá thư trong đó anh nói là phải ký ngay và đưa ngay giấy phép cho tôi, vì anh nghe phong phanh sắp chuyển công tác. Bạn tôi sắp chuyển công tác! Tôi hiểu ngay là Đảng lại thanh lọc một lần nữa các ghế chính quyền. Trí thức tiểu tư sản, kỹ sư canh nông, nặng tình cảm bằng hữu như anh, làm sao có thể hội đủ tin cẩn mà ngồi ghế phó Chủ tịch tỉnh. Và cũng đồng thời tôi thán phục vô cùng trực giác nhạy bén của Cò Đùm. Bạn tôi không còn ở ghế phó Chủ tịch tỉnh, tôi nhẹ hẫng trách nhiệm khi về tuột thành một lúc với gia đình. Chúng tôi đã vào thành bằng con đường thuộc phủ Nga Sơn, ngang qua làng Điện Hộ. Trở lại căn nhà cũ của gia đình ở phố Hàng Vôi, Hà Nội, suốt năm đầu 1952–1953 hầu như tôi thường xuyên ngóng đợi con Cò Đùm tới trình diện. “Thưa thầy, cháu giống con như đúc, cũng một cái răng khểnh và một bên mắt híp.” Sang năm thứ hai, 1953–1954, tôi thường ngắm thẳng cháu gọi tôi bằng chú, cũng lên mười, bằng tuổi con Cò Đùm, và tự nhủ con Cò Đùm lớn cũng như vậy đó, một cái răng khểnh, một bên mắt híp. Tôi cứ nghĩ vậy hoài, tôi chưa trả xong ơn nghĩa Cò Đùm mà.

Đôi khi tôi ân hận đã không nhận con Cò Đùm gia nhập thành một thành phần của gia đình vào ngày về

thành. Vì vậy mà suốt hai năm đầu đó, nhiều khi tôi mong da diết sự xuất hiện của con Cò Đùm, một sự bất ngờ mà không bất ngờ. Con Cò Đùm phải xuất hiện, tôi sẽ tận tình nuôi nấng nó, dạy dỗ nó, cho nó theo học cùng những trường y hết con tôi. Nhưng cho đến tháng Tám 1954, gia đình tôi chuyển xuống Hải Phòng, con Cò Đùm có một cái răng khểnh, một bên mắt híp, không hề xuất hiện. Khi xuống Cảng rồi, tôi không còn mong gì sự xuất hiện mà tôi tưởng là dĩ nhiên phải có đó nữa. Sự “xuất hiện dĩ nhiên phải có” không có, nhưng hình ảnh con Cò Đùm giống Cò Đùm y hết đã dĩ nhiên nằm gọn trong tiềm thức tôi. Tôi nào có ngờ, tôi gần như quên khuấy. Suốt một năm ở Cảng, 1954-1955, đôi lần tôi có nghĩ tới nó. Vào tới trong Nam, vào năm 1959, tôi vừa tốt nghiệp Công pháp Quốc tế ở Anh về, và từ chối vào ngành ngoại giao, trở lại ngành giáo dục, nhìn thẳng cháu, con ông anh, 15 tuổi cao vồng, tôi đã tự nhủ thầm: “Con Cò Đùm giờ này ở đâu? Nó cũng cao lớn như vậy đó.” Hai năm sau tôi đi Mỹ theo học lấy cấp bằng tiến sĩ giáo dục, tôi phải vùi đầu vào học theo lối Mỹ ba năm liền miên, tôi hoàn toàn quên bằng con Cò Đùm. Trở về nước cũng vậy, 1964. Rồi 10 năm nữa liền tiếp, tôi tiếp tục quên bằng Cò Đùm.

Nhưng chỉ trên bình diện ý thức! Nơi tiềm thức, Cò Đùm, hay con Cò Đùm cũng thế, vẫn nằm nguyên đó như mầm sen lẩn sâu dưới đáy bùn. Và tôi nhìn thấy mầm sen chọt nở, đó là đêm tôi đứng khựng trước TV bắt gặp chàng thanh niên hồi chánh có chiếc răng khểnh. Vì thấy chiếc răng khểnh mà tiềm thức nhận luôn cả một bên mắt thoang thoảng híp. Tiềm thức thức giấc mà ý thức còn mù lòa, ý thức luôn luôn mù lòa như vậy khi là ý thức đơn thuần. Đó, vì sao suốt ba tháng nay tôi

theo dõi chương trình TV “Phỏng Vấn Người Tìm Tự Do” nhìn nhiều hơn nghe. Anh ạ, chàng thanh niên hồi chánh rằng khểnh hôm đó chỉ mới chừng hăm hai, hăm ba tuổi, không thể là thằng con trưởng Cò Đùm năm nay đã trên ba mươi tuổi, nhưng cũng có thể là con út Cò Đùm lắm chứ, sao không, giàu con út, khó con út, con út càng dễ giống bố như đúc.

Anh nâng chén rượu làm điệu bảo tôi cùng uống, rồi tay lơ đãng vê hạt lạc rang. Tôi cười, vui nhắc câu “*Tữu lạc vong bản*”, nhưng thực ra ngong ngóng chờ xem anh chuyển hướng suy tư ra sao. Nhưng vốn là nhà giáo dục có lương tâm nên anh nghiêng ngả dòng suy tư nơi anh, suốt bữa ăn rất ít nói. Tới khi chúng tôi dùng cà phê, chuông đồng hồ đánh 1 giờ ngăn ngủi. Anh đặt tách cà phê xuống sau ngụm đầu tiên:

- Bây giờ thì tôi có thể nhìn Cò Đùm trong suốt như ngó nhìn vào chính tôi vậy!



- Anh nghĩ sao về Cò Đùm xin học tiếng Pháp một cách vô ích ở vùng kháng chiến như vậy? – Tôi hỏi.

- Chỉ là để phản kháng! - Anh đáp ngay - Phản kháng theo tiềm thức. Bị đóng thuế nông nghiệp, từng phải tạm bán xới nơi sinh trưởng, gia đình bị bao vây, Cò Đùm mất hết tin tưởng vào đám đảng viên lãnh đạo kháng chiến. Nhưng Cò Đùm lại không thể theo Pháp, cha anh đã chống Pháp, chính anh cũng như gần trọn vẹn người dân Việt không ưa Pháp...

- ... Nhưng Đảng coi rẻ tiếng Pháp thì Cò Đùm học tiếng Pháp chơi, làm ngược chiều để phần nào hả niềm uất ức. Có phải anh muốn giải thích thế?

Bạn tôi hơi nghiêng đầu, cân nhắc thêm lần nữa rồi

khẽ lắc đầu:

- Có thể coi Cò Đùm là tượng trưng cho tâm hồn điển hình nhất của quảng đại quần chúng Việt Nam vùng thôn dã. Một tâm hồn bén nhạy, tuyệt luân khôn ngoan mà không biết rằng mình khôn ngoan, đôn hậu mà không biết mình đôn hậu. Đầu đội trời, chân đạp đất, đi đứng vững chãi bằng cả con người, cảm xúc và phản ứng bằng cả con người, và cực kỳ bén nhạy, cực kỳ chu đáo, cực kỳ sáng suốt, để tự bảo tồn và cũng có nghĩa là bảo tồn dòng giống quê hương. Cái trực giác của Cò Đùm vượt hẳn hoàn cảnh bủa trùm lấy thời gian hiện tại, bởi vậy Cò Đùm mới thấy trước cả tôi nữa, rằng tôi sẽ vào thành ngay lần đó cùng với gia đình. Bây giờ tìm hiểu Cò Đùm, chúng ta cũng phải thể nhập vào dòng cảm thức toàn diện của Cò Đùm, đừng chỉ nhìn, chỉ hiểu bằng lý trí. Tôi nghĩ Cò Đùm học tiếng Pháp một mặt để phản đối chơi đường lối của Đảng, nhưng cũng với một trực giác mẫn nhuệ tuyệt luân, Cò Đùm – đại diện kết tinh của người Việt cơ bản Đông phương vào thời đó – đã thấy rằng phải du nhập nốt thật chu đáo yếu tố văn hóa Tây phương nữa mới chiếm vững được một thế đứng dưới ánh mặt trời. Chính thái độ thành khẩn thiết tha của Cò Đùm muốn gửi tôi mang về thành thẳng con trưởng cũng là một biến thái của dòng trực giác mẫn nhuệ đó.

Đến lượt tôi ngửa mặt nhìn trần nhắm mắt lại, rồi tôi gật đầu:

- Đúng, xin đồng ý với nhận xét tinh tế đó của anh. Nhưng anh nghĩ liệu Cò Đùm có định bỏ vùng quê hương Phủ Quảng tìm đường vào thành?

Bạn tôi lắc đầu, trả lời ngay:

- Không, bản tính trung hậu Cò Đùm không muốn chính anh rời bỏ quê hương. Nhưng nếu quê hương bất chợt bị Pháp tràn tới thì anh sẵn sàng theo dòng người chảy về thủ đô. Nhưng việc đó đã không xảy ra.

- Anh có nghĩ rằng giờ đây Cò Đùm tiếc nuối, nếu như Cò Đùm còn sống? Mà chắc là Cò Đùm còn sống!

- Tôi nghĩ không bao giờ Cò Đùm tiếc nuối. Anh đã phủ nhận chính sách Đảng và Bác ngay từ ngày đó, có nghĩa là chính sách Đảng và Bác đã thất bại ngay trong lòng anh từ ngày đó, anh có gì phải tiếc nuối đâu! Anh nên nhớ trực giác thuần hậu bén nhạy của Cò Đùm, đại diện cho phần tinh túy của người nông dân Việt, bao trùm cả không gian thời gian, phẳng lì không vết cắt hiện tại với tương lai. Kể từ ngày quốc gia thành nền tảng từ đời Lý đến nay, chúng ta cứ diệt xong ngoại xâm thì anh em lại cấu xé nhau – đó cũng là một nét xấu dân tộc tính đấy – sợ dĩ chúng ta còn giữ được nước chính là nhờ phần trực giác mẫn nhuệ kia, mà đại diện điển hình là Cò Đùm. Cò Đùm thụ giáo Pháp văn tôi, vinh hạnh về phần tôi, không phải về phần Cò Đùm. Bây giờ thì Cò Đùm trở lại thành tấm gương vàng vạc hơn bao giờ hết để tôi soi vào – tôi sẽ luôn luôn soi vào – kiểm soát chính tôi.

Buổi trưa yên tĩnh, tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo trên tường bỗng rõ như vào lúc nửa đêm. Tiếng bạn tôi khẽ, rất tí tê trên nền âm thanh tích tắc, khiến tôi có cảm tưởng như tiếng đó vang lên từ bên kia ranh giới thời gian muôn đời:

- Nước là dân, dân là nước, không những là không gian mà còn là thời gian, không những là ý thức mà còn

là tiềm thức, ai mà bán nổi?!

Dây thần kinh đã nhiều lần căng thẳng suốt trong câu chuyện vừa qua làm bạn tôi thấm mệt, nhưng anh vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, chìm đắm hơn nữa trong suy tư. Khá lâu sau anh mới nói, vẫn giọng tỉ tê tâm sự trên nền tích tắc của khoảng thời gian vắng lặng ban trưa:

- Giá như tôi đích thân được dạy Cò Đùm, chính Cò Đùm, tôi sẽ mang phần trí thức Tây phương lại nhưng giữ vững lấy phần “căn bản Cò Đùm”, và Cò Đùm sẽ thành một trong những lãnh tụ lỗi lạc nhất chịu trách nhiệm chung vận mạng cả thế giới.

Anh đã đứng dậy, dáng lung linh kỳ vọng. Tôi đứng dậy theo anh. Anh mỉm cười hiền hòa:

- Cám ơn anh, bữa trưa thật ngon!

Anh còn nắm lấy tay tôi ở thềm cửa nói nốt ý nghĩ sau cùng:

- Dù sao ở tư thế đó, Cò Đùm chỉ có thể thụ động khước từ! Chỉ những kẻ thuộc cấp lãnh đạo quốc gia, những thành phần trí thức ở mọi lãnh vực khả năng mới đủ phương thế nói có. Nhưng chừng nào những phần tử trí thức lãnh đạo để mất phần “Cò Đùm cơ bản” nơi họ, thì bất quá họ cũng chỉ là những anh trí thức ma trôi, lù nói tiếng Anh, tiếng Pháp... cò mỗi!

(Tháng Tám, 1974)

sách vở

TÔI GẶP CHA MẸ

Tôi gục mặt xuống trang sử Hồng Bàng thấp thoáng những tên cổ kính: Thần Nông, Đế Minh, Ngũ Lĩnh, Lộc Tục, Long Nữ... Trang sách bỗng mở rộng thành khung cảnh rộng lớn có núi rừng và biển, rồi một vị tiên ông, một vị tiên bà xuất hiện.

Vị tiên ông đẹp lắm, dáng người cao, lưỡng quyền cao, mắt sáng, lông mày sát mắt. Hình như ngài chính là cha tôi thì phải: Đức Lạc Long Quân. Tiên bà đẹp không kém da trắng, mặt tròn, dáng đi thanh thản. Hình như ngài chính là mẹ tôi thì phải: Thần nữ Âu Cơ.

Vị tiên ông từ trên thuyền bước xuống. Thuyền bẻ

ngang hẹp nhưng dài, mũi và đuôi thuyền được hóa trang thành đầu chim và đuôi chim. Những thuyền khác theo hầu tiên ông cũng một dáng như thế nhưng nhỏ hơn. Thuyền nào thuyền nấy chật ních những người mặc áo có trang sức bằng lông chim, người nào cũng hao hao giống tiên ông, nghĩa là dáng người cao, lưng quyền cao, mắt sáng, lông mày sát mắt.

Tiên bà đằng vân từ trên núi xuống, xung quanh có rất nhiều thị tì. Hai vị gặp nhau cúi đầu thi lễ, thân mật đấỵ và nghiêm kính đấỵ. Tôi tiến lại cúi lạy rồi thưa:

- Thưa cha mẹ, con vẫn biết dân tộc ta và cả nhân loại nữa chẳng bao giờ bị tiêu diệt nhưng chẳng hay cha mẹ có thể ban cho con cuốn Sách Ước?

Tiên ông vỗ vai tôi rồi nói, giọng đằm ấm:

- Con ơi, ánh sáng của thế kỷ chiếu sáng cả từng kẽ lá của rừng cây, từng khe sâu của dòng suối, đã từ lâu tiên và người cách biệt, con dùng Sách Ước sao đượ?

Tiên bà thương tôi lắm thì phải, người nhìn tôi suy nghĩ giây lâu rồi nói:

- Để ta giúp con!

Người tiến tới cúi xuống thổi vào đầu tôi. Người thổi nhẹ mà mớ tóc tôi tung lên, đồng thời tôi cảm thấy một làn gió nóng như từ lò ánh sáng mặt trời lùa tới bùng bùng thấm dần vào não. Tôi thoát hoảng sợ và nhắm nghiền mắt. Tiếng mẹ tôi êm dịu rót vào tai:

- Khi con ước điều gì, con phải nhắm mắt lại, như vậy con sẽ thấy rõ hơn.

Tôi mở mắt bàng hoàng không cho đó là giấc mơ mà chỉ tự hỏi: Chẳng biết mẹ tôi cùng đoàn thị tì, cha tôi cùng đoàn thủy thủ đã cùng nhau ra khơi, hay cùng đi với nhau lên núi, hay mỗi người một ngã?

2

CHUYỆN MỘT ĐÁM BIỂU TÌNH

Trên màn ảnh thời sự quốc tế khi đó xuất hiện một đám biểu tình đủ cả nam phụ lão ấu. Họ đứng xếp hàng hai bên lề đường, người nào người nấy hai tay cầm hai lá cờ, một quốc kỳ nước họ, một quốc kỳ nước bạn: họ chờ đón một vị thượng khách, Chủ tịch nước láng giềng sang thăm. Bỗng đám người xông xao. Sự xông xao chuyển theo chiều dài của hai dòng đám đông hai bên lề đường như hai luồng gió vờn nhau song song trên ruộng mạ, đồng thời có tiếng hô “Muôn năm!” từ xa vẳng lại. Tiếng hô lớn dần... Các cán bộ cổ động xuất hiện khắp nơi, tay giơ lên giật xuống như máy làm nhịp cho miệng hô... Rồi đoàn công xa xuất hiện vây kín lấy chiếc xe

thượng khách như nhà tù lưu động cố ý che kín lấy chân trời.

Tiếng mẹ tôi văng vẳng bên tai:

- Khi con ước điều gì con phải nhắm mắt lại, như vậy con sẽ thấy rõ hơn.

Tôi nhắm mắt lại giữa tiếng ồn ào của dân chúng.

Quả nhiên tôi thấy rõ. Đám phụ nữ vui buồn lẫn lộn, người vui vì được dịp gặp tình nhân, kẻ buồn vì e nắng râm má hồng. Đám người thôn dã hầu hết vẻ mặt buồn như bị mất cắp.

Một dải sông xuất hiện, dải sông cuộn cuộn chênh vênh ngăn hai cánh đồng thẳng tắp. Đám người thôn dã nối đuôi nhau nhảy bổ xuống đồng tít tít kẻ cày người cấy cho kịp ngày mùa. Có những đôi trai gái thành thị - và cả thôn quê nữa - đưa nhau ra bờ sông hoặc đi thơ thẩn trên bãi cỏ, hoặc tìm đến ngồi dưới bóng cây. Có cặp tình nhân sỗ sàng hơn lột quần áo nhau: khỏa thân.

Tôi bưng bảo dạ: “Họ yêu nhau chân tình, chẳng sao!”

Tiếng ồn ào vừa dứt, tôi mở mắt ra, màn ảnh bắt đầu thuật sang một trận túc cầu quốc tế. Các cầu thủ vút qua đi, vút qua lại chặn bóng, đón bóng, tranh bóng. Hơn mười vạn khán giả ngồi vây quanh nô nức chân tình. Tôi mở to đôi mắt theo dõi họ mà thấy lòng hào hứng.

Ở rạp chiếu bóng về, bóng chiều đổ xuống. Ánh sáng biêng biếc của mấy vì sao chẳng an ủi nổi lòng trống trải của tôi trong một buổi chiều tàn tạ. Không cả bật đèn lên nữa, tôi những muốn để mặt mình tan chìm trong bóng tối hiu quạnh.

Có tiếng chân rộn rã mà dịu dàng. Cánh cửa khép hờ bỗng mở tung, mấy ngôi sao trên khoảng không bừng sáng như cốt để soi rõ khuôn mặt của người con gái hiền thực mà tôi yêu.



PHONG TRÀO ÁI TRÍ ÁI ĐỨC

Người con gái hiền thực mà tôi yêu vừa xuất hiện! Nàng đến gặp tôi chừng hai phút, trao cho tôi một cuốn sách nhỏ rồi nói:

- Anh yêu quý, đây là hy vọng của chúng ta về Người. Anh đọc ngay nhé, bao thắc mắc đắng cay sẽ tan biến hết.

Rồi nàng vội vã đi thẳng.

Khóa trái cửa lại, đến nằm trên nệm nhỏ, tôi mở cuốn sách “Hy Vọng Về Người”.

Đó là tập báo cáo có rất nhiều tranh ảnh về thành tích hoạt động của Phong trào Ái Trí Ái Đức. Trụ sở

Phong trào là một dinh thự trên núi, nhìn xuống một cái hồ rộng nước trong xanh và bao quát cả một vùng phong cảnh tuyệt mỹ. Dinh thự này nguyên trước là một khách sạn có cái tên kiêu kỳ: Khách sạn Đế Vương. Vì chỉ những bậc đế vương hoặc ngang với đế vương mới dám đến nghỉ mát tại đó. Khách sạn bị suy sụp ngay từ cuộc Đại Chiến Thứ Nhất, rồi bị cướp bóc khi bắt đầu cuộc Đại Chiến Thứ Hai. Sau đó chiến tranh tiếp diễn ngày một ác liệt, dân tị nạn ở khắp các nước kéo nhau lại trú ngụ - xin nhớ, đây là một nước trung lập. Tới lúc chiến tranh kết liễu họ kéo nhau về xứ thì Khách sạn Đế Vương chỉ còn là một cảnh hoang phế tương tự một tiểu Đế Thiên Đế Thích.

Một vị bác học sở tại xin được chính phủ giao cho ông Khách sạn Đế Vương để ông quét dọn, sửa sang lập một thế giới đại đồng làm gương cho thế giới đang lọc lừa, phản bội lẫn le chém giết nhau. Đó chính là trụ sở Phong trào Ái Trí Ái Đức. Cho tới nay Phong trào đã hoạt động được hơn mười năm và đã gây được cơ sở Ái Trí Ái Đức tại hầu khắp các địa điểm trọng yếu trên thế giới, trừ các nước trong Khối Bức Màn Sắt.

Hãy theo dõi vài nét đại quan một buổi sinh hoạt hằng năm tại trụ sở, ta sẽ ý niệm được giáo lý của phong trào.

Bạn là hội viên - da vàng, da trắng hay đen - vừa bước chân tới địa hạt trụ sở đã có một thanh niên nở nụ cười chào đón chạy lại xách va-li và chúc mấy câu bằng những thứ tiếng phổ thông nhất thế giới. Các “tiếp đãi viên” này đều đã tốt nghiệp Bách khoa Quốc tế, nhiều

người nói được năm thứ tiếng. Hơn nữa hội viên của Phong trào gồm đủ các giống người nên việc thông ngôn hầu như không thành vấn đề.

Buổi đầu, bác sĩ Chủ tịch lên diễn đàn tường trình các cuộc tiếp xúc của bác sĩ với những nơi Phong trào sửa soạn đặt cơ sở đầu tiên. Từ buổi họp thứ hai, phái đoàn các nước hội viên hay các đoàn thể hội viên báo cáo sự hoạt động và sự tiến triển của chi hội.

Hội viên của Phong trào không những gồm đủ các giống người còn gồm đủ các tầng lớp: Đây bác Georges một thợ mỏ người Pháp, cũng như bác Zenzashaku người thợ đúc Nhật, cũng như bác Rowsky người phu bến tàu Đức, để thấy rõ rằng mọi người phải sát cánh nhau mà làm việc trong thân ái. Giai cấp đấu tranh chỉ đưa nhân loại đến chỗ tự vẫn. Đây ông William chủ nhân một nhà máy sản xuất phi cơ dân sự lớn nhất nhì thế giới ở một xứ Bắc Mỹ. Tâm trạng của ông cũng như tâm trạng ông B... vua kim cương, ông L... vua dầu lửa... các ông đều thấy rằng tiền tài không đem lại hạnh phúc và tất cả đã gia nhập Phong trào Ái Trí Ái Đức.

Từ lúc đàm luận đến lúc dùng bữa hoặc ngoài giờ, hội nghị rủ nhau tụm năm tụm ba đi tản mạn đây đó, lúc nào tập đoàn này cũng có vẻ như anh chị em một nhà.

Có tới sáu chục người lo về bếp nước trong đó có ba sinh viên Ai Cập, một công chúa Áo, một giáo sư đại học Bỉ, một chủ nhà băng Mỹ... Không có ai chỉ huy trong bếp cũng như không có ai điều khiển trong các công việc khác. Nhưng ai cũng làm và giành lấy công việc làm.

Phong trào Ái Trí Ái Đức là một lý tưởng hơn là

một tôn giáo, một lý tưởng sống động để cải tạo thế giới.
Khẩu hiệu chính của yếu của Phong trào là:

- Trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để.

Sau đây là một vài khẩu hiệu khác được in bằng đủ các thứ tiếng trong các tập kỷ yếu của Phong trào:

- Chủ nghĩa duy vật kỹ nghệ và tư bản kỹ nghệ đã phá sản. Tất cả nền móng kinh tế của thế giới phải thay đổi. Nhưng phải thay đổi tâm trạng cá nhân trước đã mới xây dựng được nền kinh tế mới.

- Đừng hát Quốc tế Ca bằng lời! Hãy hát Quốc tế Ca linh động hơn bằng việc làm!

- Muốn làm cách mạng trong nhà máy, trong xứ sở, trong thế giới, ta phải cách mạng ta trước đã!



CHUYỆN MỘT ÔNG HOÀNG GIÁC NGỘ

Vẫn trong cuốn sách nhỏ “Hy Vọng Về Người” có thuật lại câu chuyện khá cảm động về một ông Hoàng giác ngộ, một ông Hoàng miền Trung Đông.

Đầu năm đó - 195... - ông Hoàng này được vị Quốc trưởng nước lớn nọ trân trọng gửi thông điệp mời qua thăm nước ông ta. Ông Hoàng nhận lời. Đó là một cuộc thăm viếng có tính cách xã giao để tỏ tình thân thiện giữa hai quốc gia. Ông Hoàng được tiếp đón vô cùng trọng thể. Chính vị Quốc trưởng nước lớn đích thân ra tận phi trường nghênh đón.

Hai mươi mốt phát đại bác chào mừng. Duyệt binh lớn, có cả phi cơ phản lực bay thành hàng trên không.

Suốt trong mấy ngày ông Hoàng được đưa đi xem hết xưởng máy này, trại nông nghiệp nọ, nơi nào ông cũng nhận thấy dân chúng nơi đây vừa lễ độ vừa hiền ngang, giữ trọn được nhân cách. Ông Hoàng tự so sánh thăm trong trí cảnh các quần thần nước ông bất tài, nịnh hót; cảnh mỗi khi ông đi đâu, tiền hô hậu ủng, dân chúng phải dạt sang hai bên vệ đường. Ông tự thú đã dùng đủ mọi cách để gây cho mọi người ấn tượng ông là một vị thiên tử khác người thường, mặc dầu ông thường xuyên nhận thấy rằng ông cũng ăn, cũng có vợ con, cũng có nhu cầu bài tiết, nghĩa là cũng tầm thường – nếu đó là tầm thường – như bất cứ một người nào. Rồi một giây phút xúc động kỳ lạ, ông Hoàng thấy tất cả những nghi lễ mà người ta đã bày ra để tiếp rước ông nơi đây đều nhiễm tính chất khô hài và biến thành một lời mỉa mai tuy vô hình mà rất cụ thể.

Ông Hoàng tự đặt câu hỏi: “Vì sao mình được tiếp đón trọng vọng thế? – Vì mình là vua một nước lớn chẳng? – Không, nước mình có chừng hơn năm triệu dân thì lớn gì! – Vì nước mình có kỹ nghệ lớn chẳng? Không, dân mình còn hoàn toàn ở tình trạng thủ công nghiệp! – Vì dân mình có nhiều thanh niên xuất ngoại học đã thành tài chẳng? Không, thanh niên hoàn toàn sống trong cảnh cá chậu chim lồng, chỉ có một ít hạng con ông cháu cha được quyền ưu tiên xuất ngoại, nhưng họ ra khỏi nước để ăn chơi nhiều hơn để học.”

Cuộc tiếp đón long trọng rõ ràng chỉ còn là một thủ đoạn chính trị như muôn ngàn thủ đoạn khác ở cõi đời thuộc kỷ nguyên giả dối này. Nhưng ông Hoàng không hề méch lòng, ông chỉ xấu hổ với chính ông, với chính danh vọng của ông, xấu hổ vì cũng là lãnh tụ mà người

kia đã làm cho nước giàu mạnh, dân hiền ngang, còn mình thì cha truyền con nối cố sức kìm hãm dân trong bùn đen u mê để dễ bề điều khiển mà vợ lấy kim ngân châu báu về chất đụn đầy kho. Đến lúc đó ông Hoàng Trung Đông mới thấy rõ rằng giá trị người lãnh đạo không phải ở chính cái giàu sang bản thân mà ở chỗ có gây được nếp sống tự do hạnh phúc cho dân? Điều an ủi linh diệu đã đến với ông: Trong dịp viễn du đó, ông được gặp bác sĩ Chủ tịch Phong trào Ái Trí Ái Đức. Ông đã khóc vừa vì sầu hận vừa vì vui sướng để xin gia nhập phong trào.

Về nước, ông lập tức hủy mọi hình thức làm giảm nhân cách. Thay vào những khẩu hiệu hèn kém, ông cho ghi khắp nơi câu nói sau này của một vị thánh nhân Đông Phương (1):

“Hãy biết tự hạ hơn ngọn cỏ tâm thường, kiên nhẫn hơn một khúc gỗ, không đòi hỏi ai kính trọng mình mà mình thì kính trọng hết thủy chúng sinh!”

Ngày nay nội dung bài kinh nhật tụng của ông trích ở những lời hùng tráng chói lọi của một vị thánh nhân khác (2) do chính tay ông kính cẩn chép lên trang giấy:

*“Sức mạnh tinh thần là điều tối yếu cho đạo đức.
Phải làm sống lại sức mạnh tinh thần!*

Tin tưởng, tin tưởng nơi lòng ta!

Hãy biến tin tưởng ở chính nơi ta, đó là đôi cánh để ta bay bổng!

Trước hết phải mạnh!

Và sức mạnh chỉ có thể phát triển đến cùng độ nếu ta biết đem phụng sự chân lý. Chân lý muôn đời! Chân lý bao trùm vũ trụ!

*Chúng ta phải hiểu rằng:
Trong những người yếu kẻ mạnh
Trong những kẻ thế lực hay khốn cùng
Trong tất cả mọi người
Trong mỗi chúng ta
Có một nguồn nghị lực vô tận có thể giúp ta những
khả năng lớn lao vô cùng để thành cao cả, vĩ đại, hoàn
thiện!*

*Chân lý là trong sạch!
Chân lý là sức mạnh!
Chân lý là ánh sáng!
Chân lý là nguồn nghị lực.
Phải hùng tráng, dũng cảm, đầy tin tưởng và thành
thực đến xương tủy!*

*Cần một trăm người như thế chúng ta sẽ cách mạng
thế giới!*

*Ý chí mạnh hơn vũ trụ!
Mọi thứ đều lui trước ý chí!
Vì ý chí là chân lý
Một ý chí thành thực, mạnh mẽ, muốn gì cũng được.”*

Lời kinh nhật tụng nhọn sắc như một mũi dao rạch khoét ung nhọt yếu hèn, đồng thời cũng là thuốc rửa những máu mủ hôi thối, rịt lành vết thương chỗ vừa bị khoét bỏ ung nhọt. Ông Hoàng đã hoàn toàn đồng hóa với đồng bào, đồng loại để nhận thấy rằng đồng loại có tự do ông mới tự do, đồng loại có hạnh phúc ông mới hạnh phúc, đồng loại có nhân cách ông mới có nhân cách.

*“Chỉ có vậy!
Chân lý là sức mạnh, là trong sạch!
Chân lý là ánh sáng, là nguồn nghị lực
Phải hùng tráng, dũng cảm, đầy tin tưởng và thành*

thực đến xương tủy để cách mạng thế giới

Ý chí mạnh hơn vũ trụ!

Ý chí là chân lý!

Một ý chí trong sạch, thành thực, mạnh mẽ muốn gì cũng được!”

CHÚ THÍCH:

(1) Krishna Chaitanya (1918-1994)

(2) Swami Vivekananda (1863-1902)



CHUYỆN MỘT NGƯỜI ĐI TRONG HÀO QUANG

Tôi nằm duỗi thẳng chân, ngửa mặt nhìn trần yên lặng, cuốn sách đã gấp để lên ngực và tiếng người yêu còn văng bên tai: *“Anh yêu quý, đây là hy vọng của chúng ta về Người. Anh đọc ngay nhé, bao thác mắc đắng cay sẽ tan biến hết!”*

Bao thác mắc đắng cay quả đã tan biến hết thật! Tôi nằm yên lặng như vậy lâu lắm thì phải. Tôi ôn lại những điều vừa đọc. Có ngờ đâu chính những điều chúng tôi cho rằng ở giai đoạn hiện tại chỉ có thể gặp trong giấc mộng, vậy mà giấc mộng *“ái trí ái đức”* đã thực hiện từ hơn mười năm nay và trong màn đêm dày đặc của dục vọng đê hèn, tia lửa nhân đạo đó đã lốm đốm sáng lại

nhiều nơi trên trái đất.

Tôi bỗng tối sầm mặt mũi và lạnh toát người. Trời ơi, còn lũ lưu manh! Phải, lũ lưu manh đầy rẫy khắp nơi đó, chúng từng được huấn luyện cực kỳ chu đáo trong trường phản bội, chúng vừa học tập phản bội vừa thực hành phản bội, vừa rút ngay những kinh nghiệm sốt dẻo trên trường phản bội thực tế để có thể tiếp tục phản bội một cách tích cực mêm dẻo hoàn bị hơn, thì Phong trào Ái Trí Ái Đức, niềm hy vọng, ánh sáng cứu tinh của nhân loại làm sao khỏi bị lũ lưu manh phản bội xâm nhập như chúng đã từng xâm nhập để làm ruỗng nát hầu hết các tập thể quốc tế?

Tôi nhắm mắt lại cầu cứu Mẹ.

Trước mắt tôi hiện ra một tên lưu manh. Nó vạch quần tiểu tiện vào một cái bát lớn rồi búng lên mũi người. Nó lắc đầu đổ vội bát nước tiểu xuống đất.

Một tên lưu manh khác tiểu tiện vào một cái chum đầy nước, rồi cũng vạch quần bát múc nước đưa lên mũi người để rồi cũng lắc đầu hắt vội bát nước xuống đất.

Một tên lưu manh thứ ba xuất hiện đứng trên thành một cái bể xây khá lớn đầy nước. Nó cũng vạch quần tiểu tiện xuống bể nước rồi cũng vạch một gáo nước lên. Rút cục nó cũng không dám uống và hắt vội gáo nước xuống đất.

Bỗng xuất hiện một dòng sông mênh mông, phải chú mục kỹ lắm mới nhìn thấy vết hằn mờ mờ của bờ bên kia. Trời đất sao mà diệu hiển không một tiếng động nhỏ

nào khác ngoại trừ tiếng dạt dào như vỗ về như an ủi của dòng sông. Một điểm ánh sáng xuất hiện từ xa títt rồi gợn tỏa thành những đợt sóng ánh sáng... Phút chốc cả vũ trụ chan hòa ánh sáng; dòng sông một màu xanh biếc, nước trong nhìn thấu đáy. Ba tên lưu manh nhẩy ùa xuống tắm. Thôi thì tha hồ chúng vùng vẫy. Tôi thấy chúng vừa tiện vừa bơi một cách thanh thoi, miệng chúng vừa hóng đớp từng đợt sóng mà không hề tỏ vẻ nghi ngại.

Tôi mở mắt ra, mỉm cười, thầm cảm ơn Mẹ. Tôi nghĩ đến Tề Thiên Đại Thánh trong Tây Du đã tung mây đạp gió muôn dặm để tiện xuống một nơi hoang địa có năm ngọn núi lớn. Khi quay trở về trình diện với Đức Phật, Tề Thiên Đại Thánh thấy rằng mình vẫn chưa hề ra khỏi bàn tay Phật vì mùi nước đá khỉ còn khai lũng đầu đây. Có thể sức mạnh của lũ lưu manh đạp đổ tường đồng nhưng chúng sẽ mất đà khi đạp vào không khí mát rượi thành thang của Thiên Nhiên.

Nếu Phong trào Ái Trí Ái Đức trong khi hoạt động giữ trọn được khẩu hiệu: “*Trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để*” thì tụi lưu manh dù có xâm nhập vào, nhất định chúng cũng sẽ thất bại như Tề Thiên Đại Thánh muốn vượt khỏi phép Phật, như kẻ hành hung đạp vào không khí, như ba tên côn đồ tiện xuống dòng sông.

Tôi mở cuốn sách tìm bức hình nhà bác học Chủ tịch Phong trào Ái Trí Ái Đức.

Tôi nhắm mắt lại...

Bác sĩ hiện ra trước mắt cất bước rất nhẹ nhàng và đi trong hào quang. Không một gợn bẩn chạm vào người!



BÌNH MINH CỦA NHÂN LOẠI

Phong trào Ái Trí Ái Đức tuyên bố đã kết thúc giai đoạn một: Gây cơ sở, và bắt đầu giai đoạn hai: Hoạt động thiết thực hơn.

Phong trào Ái Trí Ái Đức thống trách các cường quốc có thừa sức làm một cái máy khoan cao bằng tháp *Eiffel* ở Ba Lê để chở ra giữa biển mà khoan giếng dầu nhưng tuyệt nhiên họ không hề giúp các nước hậu tiến lập một nhà máy nhỏ sản xuất các vật dụng cần thiết hằng ngày. Phong trào Ái Trí Ái Đức nêu gương mấy nước nhỏ quyết “*thắt lưng buộc bụng*” gây dựng dần lấy nền kỹ nghệ của mình, không chịu để cho uy lực kinh tế một cường quốc nào đóng đinh mình ở địa vị ăn mày.

Phong trào nhận thấy rằng sau Đại Chiến Thứ Hai các đế quốc tuy không còn vạ vào chiếm đất đai nhưng vẫn bám lấy quyền chi phối kinh tế.

Các nước lạc hậu về kỹ nghệ nặng tự ty mặc cảm, mù quáng chỉ biết suy tôn văn minh vật chất là vì vậy. Các cường quốc lạc hậu về tư tưởng còn dám sỗ sàng chủ trương chia rẽ chủng tộc cũng là vì vậy. Nhân loại còn hèn kém, tội lỗi chính là vì vậy.

Để chữa tận căn bệnh đó, Phong trào Ái Trí Ái Đức đặc biệt chú trọng thực hiện chương trình *“Bình đẳng hóa và đồng đẳng hóa kỹ nghệ thế giới”*. Các hội viên tư bản đã hiểu hạnh phúc không ở chỗ khư khư sử dụng tiền bạc và nhà máy cho quyền lợi riêng mình; các hội viên bác học đã hiểu hạnh phúc không ở chỗ đem khối óc vĩ đại của mình phục vụ cho lũ ích kỷ; họ cùng nêu cao khẩu hiệu: *“Tài trí chúng ta phải như nước chảy chỗ trũng (chỗ trũng đây ý nói những nơi nhân loại còn hậu tiến) để thực hiện chương trình bình đẳng hóa và đồng đẳng hóa kỹ nghệ thế giới trong một thời gian kỷ lục!”*

Và họ đã thực hiện như nguyện. Một số các nước hậu tiến có đủ điều kiện thuận tiện đã được Phong trào tận lực giúp đỡ gây được cơ sở tự túc về các ngành kỹ nghệ chính yếu: ăn, mặc, ở, giao thông... Tất cả những nhà máy lớn khác của mọi ngành đại kỹ nghệ do Phong trào lập nên đều dùng làm nơi thực tập cho các kỹ sư, công nhân của các nước.

Mọi thái độ ỷ lại ươn hèn đều làm chậm bước tiến của nhân loại tới lý tưởng tự do, bình đẳng! Vì vậy tuy Phong trào không hề làm nhục nước nào – điều đó là lẽ dĩ nhiên – nhưng Phong trào hết sức khuyến khích các nước

nên biết chạnh lòng khi dùng những đồ nhập cảng mà tự xét nước mình không hề góp vào đây một phần lao lực hoặc lao tâm nào. Như vậy có khác chi một kẻ mù được dạy cho biết lái một phi cơ tối tân, chỉ việc nhấn các nút là phi cơ tự động lên, tự động xuống, hoặc tự động sửa chữa lấy phương hướng. Kẻ đó đã điều khiển phi cơ bay đi, bay đến đúng đường và đúng giờ đây nhưng điều đó cũng không cảm được hẳn... vẫn mù như thường!

Và cứ như vậy với khẩu hiệu “*Trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để*”, công việc của Phong trào Ái Trí Ái Đức tiến triển thật là mau lẹ.

Trong khi xúc tiến việc mở nhiều chi nhánh bách khoa khắp nơi, Phong trào vẫn cấp học bổng cho sinh viên các nước hậu tiến tới theo học tại trường Bách khoa Quốc tế, mở ngay tại trụ sở Khách Sạn Đế Vương. Tại những nước nhược tiểu còn ấu trĩ theo đòi độc tài đảng trị thường xảy ra hiện trạng như sau: Cấp lãnh đạo chìm những sinh viên hiếu học ngoài Đảng, chỉ cử đi những sinh viên đảng viên những mong sau này khi thành tài trở về họ sẽ nắm giữ những cơ quan trọng yếu để phục vụ Đảng. Nhưng trong thời gian theo học, các sinh viên đó đã được nhuần thấm tinh thần “*trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để*” để tới khi tốt nghiệp họ đều trở thành những giáo sư gương mẫu, những cán bộ đặc lực của Phong trào. Họ ra khỏi Đảng cũ mà họ gọi đùa là cái “*cũ nhân cách*”, bởi họ biết ở trên cõi đời này chỉ có một Đảng duy nhất: *Đảng Nhân Loại* mà bất cứ kẻ nào “*trong sạch triệt để, ái nhân triệt để*” mặc nhiên là đảng viên.

Chẳng ai cần phải tìm thủ đoạn lợi dụng họ. Bất cứ việc gì giúp ích cho dân tộc, có lợi cho nhân loại là họ

lẳng lặng tận tâm tận lực làm. Thái độ trong sạch, vô tư đó thu hút được sự cộng tác của biết bao nhân tài vẫn ẩn mình trong bóng tối từ xưa. Vô hình chung khối người này hầu như kết hợp thành một Đảng: Đảng của những người không Đảng “*trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để*”! Họ đẹp như mây trời chẳng cần có hình dáng gì mà vẫn đẹp. Vì cùng khao khát hướng về một mục đích cao đẹp nên tuy không hẹn kết hợp mà họ kết hợp như keo sơn.

Rồi có những người vào bậc chí hiếu chí nghĩa, họ nhận thấy việc ngồi trong “*cũi nhân cách*” làm như bản đạo hiếu đạo nghĩa của họ. Họ ra Đảng! Có những người vào bậc chí nhân, chí dũng, họ vào Đảng với thiện chí kết hợp lực lượng và phục vụ dân tộc, phục vụ nhân loại đặc lực hơn, nhưng hoặc họ hết tin tưởng vào những lời hoa mỹ không thực hành, hoặc họ thấy rằng nếu thên thang đứng ngoài, gương chí nhân, chí dũng của họ càng muôn phần sáng tỏ: Họ ra khỏi “*cũi nhân cách*”!

Những lời tự nhủ như vang lên tự bốn phương trời:

- *Tâm hồn ta thên thang tội gì mà nhốt nó vào cũi!*
- *Nhỡn giới ta thên thang tội gì mà nhìn qua khe cũi!*
- *Ta giữ sao trọn vẹn được niềm cảm hứng thên thang để xây dựng những gì cao đẹp trường cửu cho nhân loại một khi còn phải nhìn qua khe cũi, còn thấy cái đũng quần của tên Đảng trường!*

Lẽ cố nhiên, thái độ đó thoát gặp nhiều khó dễ. Tại một nước nhược tiểu kia, nhà cầm quyền cho gọi một người trong những người không Đảng tới mà gián tiếp thống trách thái độ họ là cố ý chống đối đường lối của Đảng nắm chính quyền.

Người được gọi tới đáp lại: “Người ta không thể xây dựng hoặc đả phá một lý tưởng bằng danh từ luận thuyết suông! Cuộc đời đẹp ở chỗ mỗi người hành động một cách riêng để phụng sự lý tưởng Chân, Thiện, Mỹ. Nếu người thành lập Đảng và những người gia nhập Đảng đều giữ tinh thần vô tư, trong sạch thì đạo đức vẫn nảy nở trong tâm hồn và chúng ta vẫn tiến về một hướng. Lời nói không chứng minh cho việc làm, trái lại việc làm luôn luôn phải chứng minh cho lời nói!”

Câu trả lời nóng hổi như dòng máu khỏe và đại lượng từ tim phát ra mong hồi sinh cho kẻ khác. Kết quả “Đảng của những người không Đảng” ngay một bành trướng để rồi đưa đến kết quả thứ hai, “hệ luận” của kết quả thứ nhất: Đã có vài nơi các lãnh tụ độc tài cũng biến thành những chiến sĩ của tự do, bác ái lúc nào không biết. Mọi khuynh hướng đàn áp dân chúng, bóp nghẹt dư luận ở họ thoát biến đi như... bãi nước tiểu biến đi trong dòng sông dạt dào, trong mát. Lúc đó họ mới hiểu rằng chỉ khi nào *“trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để”* người ta mới tin tưởng thật sự, can đảm thật sự, và yên ổn thật sự. Chỉ khi nào *“trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để”* người ta mới thoát được mọi mặc cảm để sống quên tuổi, râu tóc có bạc phơ mà tâm hồn vẫn cường tráng. Tới khi đó mỗi lời nói, mỗi việc làm, nhất cử nhất động đều là những sáng tác cao khiết, mọi hành động côn đồ muốn làm như bản những sáng tác tuyệt vời đó đều thất bại như những kẻ ngu dại muốn dùng sào để cời mặt trời, dùng gạch để ném mặt trăng.

Mỗi lãnh tụ giác ngộ đều thốt lời tâm sự, những lời nóng hổi như dòng máu khỏe và đại lượng từ tim phát

ra mong hồi sinh cho kẻ khác. Dưới đây là một vài lời hằng được thế gian nhắc nhở:

- Trước lời kết tội sấm sét của công luận, lời nguy biến gấm hoa để tự bào chữa chỉ là tiếng kêu ngọng nghịu của côn trùng.

- Người ta biết chịu khó vực bùn hôi thối để thông cống rãnh, sao người ta không biết chịu khó vực bùn tội lỗi ở chính tâm hồn mình?

- Trên đời có một thứ kẻ bán thì mất, người mua thì không được: đó là linh hồn! Bán linh hồn lấy giàu sang danh vọng: linh hồn mất! Nhưng linh hồn của kẻ coi rẻ linh hồn đâu còn là linh hồn nữa?

Phong trào Ái Trí Ái Đức đã mở một lối thoát cho tư tưởng nhân loại, đã gây một nếp sống khôn ngoan và nhất là đã đào tạo một cơ sở vững chắc – vững chắc vì có căn bản trên vô tư và chân thành – để sự khôn ngoan được đà phát triển cả về bề rộng lẫn chiều sâu.

Phong trào Ái Trí Ái Đức đã chứng tỏ bằng hành động: Con người vẫn là Người!

Phong trào Ái Trí Ái Đức đã giữ cho con người vẫn xứng đáng đứng đầu muôn vật.

Với Phong trào Ái Trí Ái Đức, Người bất diệt và cao quý như thần tiên!



SUỐI ÁNH SÁNG NGŨ SẮC

Ấy thế mà, thưa các bạn, không phải là Phong trào Ái Trí Ái Đức không gặp trở ngại – Có! Trở ngại đó là những “*bức màn sắt kép*”. Tại sao gọi là “*màn kép*”? Nguyên do như thế này:

Cả hai khối – khối duy vật kỹ nghệ và khối tư bản kỹ thuật – gồm một số đế quốc lạc hậu – đều thấy rằng nếu Phong trào Ái Trí Ái Đức bành trướng mạnh thì rồi chính các cường quốc của hai khối phải xông vào vòng chiến để tự giải quyết mâu thuẫn, chứ không thể tìm thế bắt bí nhau bằng cách dùng các nhược tiểu quốc làm quân cờ thí như xưa nữa.

Đúng ra về phía tư bản kỹ nghệ còn một khối nhỏ gồm một số quốc gia chủ trương phân chia chủng tộc:

đó là khối “Chủng tộc kỹ nghệ” – như lời các nước khác thường gọi giễu. Các lãnh tụ khối này cũng cảm thấy nguy cơ: Nếu Phong trào Ái Trí Ái Đức bành trướng, các tiểu nhược quốc tự túc được về mọi ngành kỹ nghệ hòa bình để cao nhân phẩm thì họ còn làm sao giữ vững được ưu thế mà kỳ thị chủng tộc.

Vậy thời nói tóm lại ngoài khu hoạt động của Phong trào Ái Trí Ái Đức thế giới phân chia làm ba khối (mỗi khối lẽ cố nhiên gồm một nước lớn, lãnh đạo, cùng nhiều nước nhỏ ở địa vị chư hầu):

- Khối Duy vật kỹ nghệ.
- Khối Tư bản kỹ nghệ.
- Khối Chủng tộc kỹ nghệ.

Ba khối này – như trên đã nói – thiết lập những “*bức màn sắt kép*”. Gọi là những “*bức màn sắt kép*” vì chúng có hai tác dụng: thứ nhất ba phe ngăn ngừa lẫn nhau; thứ hai cả ba phe cùng ngăn ngừa những ảnh hưởng của Phong trào Ái Trí Ái Đức có thể lọt vào.

Riêng về phe Duy vật kỹ nghệ, họ thường xuyên bắt dân chúng học tập bài thuyết trình do Trung ương Đảng bộ khởi thảo, nội dung đại ý tố cáo Phong trào Ái Trí Ái Đức là “*chiến thuật bùa mê của một hệ thống triết học để quốc tư bản phản động mới*”.

Trong các cuộc vui công cộng, các cuộc hội họp bất kể lớn nhỏ, ngoài việc theo thủ tục đứng dậy chào ảnh lãnh tụ, hát Đảng ca, hát ca ngợi công ơn lãnh tụ, họ còn phải hát thêm một bài lăng mạ Phong trào Ái Trí Ái Đức, thứ “*chiến thuật bùa mê của một hệ thống triết học để quốc tư bản phản động mới*”.

Tuy vẫn rất thận trọng ngăn ngừa ảnh hưởng nhau nhưng thỉnh thoảng, để gây thêm uy tín cho mình, vợ chồng lãnh tụ phe Duy vật kỹ nghệ lại mời hai cặp vợ chồng phe Tư bản kỹ nghệ và phe Chúng tộc kỹ nghệ sang nước mình, rồi tổ chức những cuộc mít-tinh khổng lồ để họ cùng lần lượt lên diễn đàn “*xác định lập trường yêu chuộng hòa bình, tôn trọng nhân phẩm, tôn trọng tự do...*”. Việc “*xác định*” và “*tôn trọng*” đó được quay phim và thu thanh để sau đó thường xuyên nhắc đi nhắc lại trên các luồng sóng điện truyền thanh, truyền hình.

Tại những nước chư hầu của từng khối, các cặp vợ chồng lãnh tụ nhỏ cũng bắt chước đánh điện mời nhau đến dự các cuộc mít-tinh để chúng cũng lần lượt lên diễn đàn “*xác định lập trường yêu chuộng hòa bình, tôn trọng nhân phẩm, tôn trọng tự do...*”. Việc “*xác định*” và “*tôn trọng*” đó cũng được quay phim, thu thanh...

Phải công nhận nhiều khi những cuộc mít-tinh tại các nước chư hầu Duy vật lại đông đúc hơn những cuộc mít-tinh tại chính quốc. Điều này cũng dễ hiểu: Tại chính quốc điều kiện tân tiến của kỹ nghệ, vì điều kiện thể diện với nhau nữa, nên dân chúng nơi này tương đối ít bị bó buộc triệt để. Dân chúng thế giới quen đặt cho những cặp vợ chồng từng khối đó một tên chung:

- Khối Duy vật kỹ nghệ: cặp lưu manh.
- Khối Tư bản kỹ nghệ: cặp xảo quyết.
- Khối Chúng tộc kỹ nghệ: cặp bất nhân.

Một ngày kia vô tình vắn nút vô tuyến truyền hình, tôi thấy ba cặp vợ chồng lãnh tụ nước nhỏ đương sửa soạn ra mắt trước đám mít-tinh đông tới ngót chục vạn

người. Hai cặp xảo quyệt và bất nhân là những cặp vợ chồng già, duy cặp lưu manh là chồng già vợ trẻ.

Mụ lưu manh có tiếng là hoa khôi, nhưng sinh vào một gia đình vô giáo dục nên nhan sắc đó, khi còn là gái tơ, đã ong qua bướm lại khá nhiều. Những người kém nhan sắc thì ghen với nhan sắc của mụ, những người đoan trang thì khinh mụ đi thoã, bởi vậy mụ hầu như không có chị em bạn. Mụ cần gì! Cốt đàn ông yêu mụ là được! Thời còn ở chính thể cũ, mụ chài được một tên Bộ trưởng hiếu sắc. Để trả thù miệng tiếng thế gian và để che giấu mặc cảm tội lỗi, mụ bèn đứng lên đỡ đầu và làm Hội trưởng danh dự “Hội bảo vệ trinh tiết phụ nữ”. Hằng năm đến ngày kỷ niệm thành lập Hội, mụ đăng đàn diễn thuyết. Khi chính thể cũ đổ, chính thể Duy vật cướp được chính quyền, mụ bằng lòng làm vợ tên Chủ tịch già xấu, cục cằn, thô lỗ - nhưng theo lời hấn nói thì hấn thuộc giai cấp chính thống cách mạng! Mụ chẳng cần biết hấn có cách mạng hay không, mụ thừa biết đặt mụ bên hấn cũng như đặt bông hồng hàm tiếu bên con ốc bẻ xù xì, nhưng cốt hấn cung phụng đủ cho mụ tiếp tục đời sống xa hoa cũ là được. Với sắc đẹp ấy, với quyền thế ấy quanh mụ thiếu gì trai tơ!

Cứ trông và nghe cách đi đứng ăn nói của mụ thì ai cũng bảo hiếm có người đàn bà vừa hợm vừa ngu đến như thế, song xét ở một phía khác mụ cũng khá thông minh. Bằng chứng là chỉ ăn ở với ông chồng mới chừng mấy tháng, mụ đã sử dụng được hầu hết những danh từ cách mạng của chồng.

Với chính thể Duy vật, vấn đề trinh tiết đâu có hệ trọng, nhưng vì nể mụ cũng có, muốn che mắt thế gian cũng có, chồng mụ vẫn để nguyên không bắt “Hội bảo

vệ trình tiết” phải giải tán. Hằng năm, đến ngày kỷ niệm thành lập Hội, mục vẫn đăng đàn diễn thuyết để được dịp sử dụng các danh từ cách mạng của chồng. Mục diễn thuyết xong, thính giả vỗ tay.

Xin tiếp tục câu chuyện: Khi vô tình vặn nút vô tuyến truyền hình tôi thấy cặp vợ chồng lưu manh chửi hẫu đó cùng hai cặp xảo quyết và bất nhân – cùng chửi hẫu, lẽ cố nhiên – đang sửa soạn đăng đàn diễn thuyết trước một đám đông ngót chục vạn người.

Vẫn những lời quen thuộc của chúng: “*Xác định lập trường yêu chuộng hòa bình, tôn trọng tự do, tôn trọng nhân phẩm...*”

Tôi nhắm mắt lại...

Đám dân chúng mít-tinh biến hết. Ba cặp lãnh tụ đứng trên diễn đàn bỗng ngơ ngác rồi xôn xao. Lãnh tụ lưu manh nhăn bộ mặt da thiết bì, nhếch mép để lộ chiếc răng nanh bịt vàng rồi thốt lên:

- Ô hay, quần chúng biến đi đằng đếch nào rồi!

Lãnh tụ bất nhân mặt phì nộn, mắt trắng dã, hần hét lên:

- Chúng là quân khốn kiếp! Hãy hạ lệnh cho binh lính nã đại bác, lia liên thanh vào những chỗ nào khả nghi có chúng lẫn.

Lãnh tụ xảo quyết vẻ mặt điềm tĩnh lạnh lùng nhưng tròng mắt luôn luôn đưa đẩy, kín đáo quan sát hết người này sang người khác, giây lát hần mới nói:

- Đồng ý, phải cấp tốc ra lệnh binh lính hành động ngay cho lũ khốn kiếp đó sớm tỉnh ngộ.

Nhưng binh lính cũng là dân chúng nên binh lính cũng đã biến hết từ bao giờ. Các lãnh tụ dùng ống nhòm soi mói về các ngả tìm “lũ khốn kiếp”. Vô hiệu quả, chỉ thấy trời đất một màu.

Lãnh tụ lưu manh lắc đầu quấy quậy:

- Dân chúng biến hết mình còn làm được cái đếch gì nữa.

Mụ vợ lưu manh lên tiếng phê bình:

- Người gì mà ăn nói thô bỉ. Vô chính trị!

Tức thì lãnh tụ lưu manh trừng mắt:

- Này cầm mỏm đi, đồ ngu! Còn dân chúng mới nói đến đường lối chính trị, dân chúng biến đi rồi thì đường lối chính trị với ai. Đồ ngu!

Bị chạm tự ái trước quan khách, mụ vợ bèn đáp lại lời chồng một câu khá chanh chua. Lãnh tụ lưu manh quay ngoắt lại quắc mắt nhìn thẳng vào mặt vợ nói như quát:

- Mi dựa vào ta vô giáo dục với dân chúng thì được, nhưng không bao giờ mi được phép vô giáo dục với chính ta nghe không.

Mụ vợ có thể tức thì nói xò lại chồng một câu thật đau đớn mà chỉ dùng nguyên những chữ trong câu chồng vừa nói, nhưng linh tính đàn bà nhủ mụ không nên đi quá phạm vi trong lúc có những tia máu đỏ bốc lửa trong

mắt chồng. Mụ định tìm lời đầu dụ thì may sao lãnh tụ bất nhân đã tiến lại gạt đi:

- Thôi mà, hai ông bà cự nhau làm gì nữa, há không thấy đói sao? Từ sáng giờ cả bọn ta đã ăn gì đâu!

Vợ lãnh tụ bất nhân biểu đồng tình ngay với chồng:

- Phải đấy, chúng ta hãy tính chuyện ăn đã chứ, tôi cũng đói muốn té xỉu đây.

Lãnh tụ xảo quyệt không nói gì chỉ lảng lạng dặt tay vợ đi sau cùng trên đường về nhà công quán vừa đi vừa lim dim đưa đẩy con mắt.

Về tới nhà công quán, lẽ cố nhiên các đoàn tùy tùng cùng quân hầu đầy tớ - cũng là dân chúng - đều đã biến hết, chẳng ai lo việc nấu nướng. Cũng may mà gà vịt - ý hẳn không phải là dân chúng - không biến mất - còn đây sân kia.

Vừa xăm xăm, vừa cố giữ vẻ đài các (ra điều ta đây không quá chú trọng đến miếng ăn) mấy mụ vợ lãnh tụ cầm sào tiến ra sân lừa quật gà vịt. Khốn nỗi, tài nội trợ của mấy mụ cũng giả dối như tài phò dân cứu thế của mấy đức ông chồng nên chỉ thấy gà vịt đào dạt chạy hết góc này sang góc nọ mà các mụ chẳng quật được con nào. Hai mụ xảo quyệt và bất nhân bỏ cuộc trước.

Duy mụ lưu manh vì là chủ nhân nên vẫn phải tiếp tục công việc. Trong khi vác gậy vờn gà như vậy trong thâm tâm mụ có thấy nhục nhã. Đến lúc đó mụ mới nhận thấy rằng, sở dĩ trước đây mụ phải luôn luôn hống hách với dân chúng chính là để mụ khỏi phải gập chính mụ. Trong hoàn cảnh cô đơn này, tự nhìn vào đáy hồn, mụ

thấy quả mụ chẳng có cái gì khả dĩ để mình lại vui với mình.

Mụ vung sào quật vào một đám mấy con gà vịt vừa tầm đầu gậy. Gà vịt vừa vỗ cánh nháy tung lên vừa kêu quang quác như chửi lại mụ, có con sợ quá bình cả lên vai mụ khiến đất mụ càng cong cớn và môi mụ càng vầu ra vì giận.

Lãnh tụ lưu manh đứng từ trên thêm cao chăm chú theo dõi. Hắn động lòng trắc ẩn và hối hận đã vừa nặng lời với vợ. Hắn vớ một cái gậy dài, xăm xăm xông vào đám gà vịt vung tay quật lia lịa. Lại một dịp gà vịt vỗ cánh bay tứ tung, lông rụng tơi tả cuốn theo cùng bụi sân. Lãnh tụ đạt được kết quả: Mấy con gà, mấy con vịt bị vụt trúng nát cổ, gãy cánh đương giãy đành đạch ở giữa sân.

Trong khi đun nước làm lông gà vịt, lãnh tụ lưu manh luôn luôn chửi đổng:

- Cha kiếp, dân chúng biến hết làm cảnh lãnh tụ mất hết cả thớ.

Mãi đến hai giờ sau ba lãnh tụ với sự phụ tá của ba mụ vợ - hay ba mụ vợ với sự phụ tá của ba đức ông chồng lãnh tụ cũng thế - mới sửa soạn xong bữa ăn. Tuy cơm thì vừa khê vừa nát, thịt thì vừa mặn vừa dai, nhưng vì đói ngấu nghiêng nên mấy cặp vợ chồng lãnh tụ đó ăn thấy ngon lành lắm.

Khi bao tử mọi người đã lừng lừng, lãnh tụ xảo quyết cất giọng buồn rầu, nêu ý kiến, trong khi mắt hắn vẫn không ngớt đưa đẩy liếc nhìn hết người này sang người khác:

- Thưa quý ông, quý bà - hắn nói - tôi đề nghị ba khối

chúng ta kể từ nay tuyên bố cùng hủy bỏ bức màn sắt để chân thành xác định lập trường yêu chuộng hòa bình, tôn trọng tự do, dân chủ.

Lãnh tụ bất nhân gật đầu:

- Thì còn dân chúng đâu nữa mà chẳng hủy.

Lãnh tụ lưu manh nhường như còn quyến luyến địa bị nên hẳn vẫn cầu nhàu:

- Cha kiếp, dân chúng biến hết làm cảnh lãnh tụ mất hết cả thớ!

Ăn xong thiếu đồ tráng miệng, họ bàn nhau đi vào vườn dân chúng tìm hái hoa quả để “tráng miệng” ngay tại chỗ. Việc này tương đối dễ dàng hơn việc bắt gà vịt làm cơm. Khi ai nấy cảm thấy khá đầy đủ, họ ra khỏi vườn đến một quãng đê cao. Lãnh tụ lưu manh chợt nhớ ra điều gì quay lại bảo riêng vợ:

- Trước đây tao biết mày vẫn ngoại tình với cấp dưới của tao. Nay dân chúng biến hết, mày cũng hết đường ngoại tình chứ?

Mụ vợ nhoẻn miệng cười, đáp rất tự nhiên:

- Dân chúng biến hết, mình không phải làm chính trị, mình nhớ đến em thì việc gì em phải ngoại tình nữa.

Ba cặp tiếp tục nối đuôi nhau đi thêm một quãng nữa.

Bỗng có tiếng hét lớn, tiếng của lãnh tụ lưu manh:

- Dân chúng không biến mất. Kìa, chúng nó ở dưới đồng ruộng cả!

Mọi người nhìn theo tay chỉ của lãnh tụ lưu manh, quả nhiên thấy dân chúng hằng hà sa số đang làm việc dưới cánh đồng thẳng tắp nối liền chân trời. Họ gồm đủ nam phụ lão ấu của mọi giống người, kẻ cày người cấy trong một bầu không khí tưng bừng thân ái, thú thân ái rộng rãi như hương đồng nội, sắc và hiển như lưỡi cày, cời mở như lòng đất.

Lại một tiếng hét lớn, vẫn tiếng của lãnh tụ lưu manh:

- Kia các ông bà thấy không có cả tên Chủ tịch Phong trào Ái Trí Ái Đức, tên khốn kiếp tay sai của đế quốc tư bản mới.

Kế tiếp vẫn tiếng hét lớn của lãnh tụ lưu manh nhưng lần này hẳn hét gọi dân chúng:

“Hỡi nhân dân hãy nghe tôi nói đây, tôi lớn tiếng xác định lập trường yêu chuộng hòa bình, tôn trọng tự do dân chủ. Chúng ta hãy chiến đấu cho nhân dân, chiến đấu vì nhân dân! Hỡi nhân dân hãy nghe tôi nói đây...”

Nhưng “nhân dân” vẫn mãi miết làm việc không những không nghe lời lãnh tụ lưu manh mà hình như cũng không biết rằng có bọn lãnh tụ đứng trên đê. Hai bên như sống ở hai thế giới riêng biệt với hai bầu không khí riêng biệt. Lãnh tụ xảo quyết gặt gù đưa đẩy con mắt nói khê bên tai lãnh tụ lưu manh:

- Quả thực tuy chúng ta nói tiếng người nhưng giọng chúng ta đã từ lâu lạc điệu thành giọng thú nên họ không hiểu chúng ta nữa.

Lãnh tụ bất nhân đặt tay lên miệng:

- *Suyt! Xin quý ông, quý bà lắng nghe có tiếng hát!*

*Đó là tiếng hát của một người đàn bà Tây phương.
Hát rằng:*

Hãy trở về với ruộng đất
Tự ngàn xưa ruộng đất nuôi ta.
Hãy trở về với ruộng đất
Tự ngàn xưa ruộng đất chẳng bao giờ phản bội ta.

*Tiếng thanh thanh của người đàn bà Tây phương vừa
dứt, cả cánh đồng – với đủ các giọng – vang lên điệp khúc:*

Hãy trở về với ruộng đất!
Cho tâm hồn rộng rãi!
Hãy trở về với ruộng đất!
Cho tâm hồn thanh tao!
Hãy trở về với ruộng đất!

Lại có tiếng thét của lãnh tụ lưu manh:

- *Ồi chao, sao mấy con mụ nhà chúng mình lại xuống
với chúng nó kia.*

*Thì ra ba mụ thấy cảnh ở dưới đồng vui, hay hay
bèn rủ nhau tò mò xuống xem. Mấy bà lãnh tụ xuống tới
ruộng, một số dân chúng xô lại dặng ân cần hỏi han. Cả
ba bà mất vẻ đài các trở thành đằm đằm, sẵn tay áo cúi
xuống thoãn thoãn cấy lúa. Mấy lãnh tụ tần ngần đứng
trên đê cũng cảm thấy ngậm ngùi thương nhớ và quý mến
mấy người vợ bên dưới. Chợt một người con gái thắt lưng
bó que, ngừng cấy lúa, ngừng đầu lên, mắt cô sáng, miệng
cô cười tươi, cô nhìn về phía mấy lãnh tụ với dáng điệu
nửa như khuyển nhủ, nửa như đùa cợt. Đó là một cô gái
Việt Nam. Cô cất tiếng hát, giọng trong và ấm như “hạt
ngọc Lam Điền mới đồng”.*

Cô hát rằng:

Ai ơi xin chớ ngỡ ngàng,
Nơi đây hoa đẹp, nắng vàng bướm bay.

Vừa lúc đó giữa cánh đồng một máy cày sa hố, mọi người xúm lại đẩy lên. Họ vừa đẩy vừa cất giọng hát làm đà:

Dô hò này, dô ta...
Ai ơi xin chớ ngỡ ngàng
Nơi đây hoa đẹp, nắng vàng bướm bay
Dô ta này, dô hò...

Lãnh tụ xảo quyết cúi xuống bờ để nhỏ một nắm cỏ đưa lên mũi ngửi, đôi mắt dăm chiêu nhìn xuống đám đồng rồi nói:

- Quý ông ạ, chúng ta nên trở về với ruộng đất. Mùi đất có thơm thật. Cao khiết lắm!

Nói xong lãnh tụ xảo quyết tìm đường xuống liền, lãnh tụ bất nhân theo sau, lãnh tụ lưu manh theo sau rốt. Quãng đê này cao nên họ phải khom lưng vúi lấy những cây hoa dại để xuống lần lần.

Vẫn tiếng lãnh tụ xảo quyết mà khuôn mặt đã bắt đầu dịu dàng, tròn mắt không còn đưa đẩy:

- Quý ông ạ, mùi đất có thơm thật. Cao khiết lắm!

Từng đợt hào quang... từng đợt hào quang... lóe ra không biết từ đâu, tràn ngập cả cánh đồng, tràn ngập cả vũ trụ. Tôi ngừng cày và người yêu tôi ngừng cấy, chúng tôi trèo lên một bờ ruộng thấp, tay nắm tay nhau. Chợt có tiếng hỏi:

- Các con định lấy nhau?

Tôi ngẩng đầu lên: cha tôi Đức Lạc Long Quân, mẹ tôi Thần nữ Âu Cơ đã xuất hiện từ lúc nào. Lời hỏi vừa rồi là lời hỏi của cha tôi.

Tôi cúi đầu thưa:

- Dạ, chúng con nhất định lấy nhau!

Cha mẹ tôi bay lùi về chân trời, hai nụ cười hiền, thật là hiền. Các người càng xa nụ cười càng rạng rỡ. Tôi nắm tay người yêu quý xuống; chúng tôi cúi đầu lạy cha, lạy mẹ. Hai nụ cười của cha và mẹ tôi bỗng nhiên thành suối ánh sáng ngũ sắc và trong suối ánh sáng đó có vang tiếng nói của các người gửi lại:

- Các con ơi, dân tộc ta cũng như nhân loại không bao giờ tiêu diệt! Chúng ta chúc các con hạnh phúc!

Có tiếng hót thiên thần của thú chim hoàng hôn nào làm tôi mở mắt ra. Trời đã tối hẳn. Qua khung cửa sổ long lanh vì sao.

Cha mẹ tôi vừa biến thành hai vì sao đó? Suối ánh sáng ngũ sắc còn như tràn ngập trong phòng và tôi ôn lại lời cha mẹ:

- Các con ơi, dân tộc ta cũng như nhân loại không bao giờ tiêu diệt! Chúng ta chúc các con hạnh phúc!

**tiếng hú
tâm linh**

HỒI MỘT

CÁI CHẾT

CỦA MIÊN TRƯỜNG

Cảnh 1

Từ trong một ngôi nhà biên giới, thi sĩ Hoàng Hoa chú mục nhìn một bóng người từ xa đi lại. Ông bỗng hét lên vui mừng, chạy ra cổng đón.

Hoàng Hoa: Anh Miên Trường! Anh Miên Trường!
Anh từ bên kia sang?

Miên Trường (*tay ôm đứa con gái nhỏ, đáp bằng một giọng lạnh lùng*): Phải, tôi từ bên kia sông sang đây.

Hoàng Hoa: Anh chỉ mang theo được một đứa cháu này?

Miên Trường: Hai đứa nhỏ và mẹ chúng chết vì đói khát bệnh tật, đứa lớn sống mà là chết vì nó nhìn tôi, cha đẻ ra nó, mà cứ ngỡ là quái vật. Nó không có dĩ vãng để so sánh! Giờ đây tôi chỉ còn đứa nhỏ trong sạch này, lên sáu.

Hoàng Hoa: Xin mời anh vào.

Miên Trường (*vẫn đứng nguyên*): Anh đừng chối, trong thời gian qua tên tôi, hình ảnh tôi đã hoàn toàn bị xóa mất tích trong tâm tư anh như ánh sao bị xóa dưới ánh mặt trời!

Hoàng Hoa: Tôi đã ca ngợi anh, ca ngợi tình bạn của chúng ta trong một bài thơ lấy chính tên anh làm nhan đề.

Miên Trường: Rồi sau đó cả tôi, cả tên tôi, cả bài thơ của anh chìm vào quên lãng! Anh là một tên bất nhân!

Hoàng Hoa: Tôi thật xấu hổ mà thú nhận đã hoàn toàn quên anh, nhưng có một điều khiến anh tha thứ được cho tôi là chưa bao giờ tôi quên nỗi đau nhục chung của phần nhân loại bị tước đoạt hết tự do danh dự, bị phản bội trắng trợn. Như vậy, anh thấu cho chưa bao giờ tôi quên anh, chưa bao giờ tôi quên tôi. Xin mời anh vào.

Miên Trường: Tôi hiểu và thú lỗi cho anh! (*Bước vào, trên tay vẫn ôm đứa con gái ngủ.*)

Hoàng Hoa: Anh và cháu sẽ ở đây với tôi. (*Chỉ về phía sông bên giới*) Dưới lòng con sông này có thứ đất trắng rất mịn để anh đắp tượng. Tôi làm thơ bên anh.

Miên Trường (*lắc đầu*): Tôi sẽ mang nghệ thuật và đứa con sống sót của tôi đến nơi nào có tự do. Có tự do thì với đá rần, tình cảm của tôi vẫn tạc được tượng mỹ nhân khoác áo lụa mỏng. Không có tự do, dù đất trắng mềm mịn cũng khô như đá hoa cương, rời rã như cát biển, làm được cái gì cho nghệ thuật? (*Đôi bạn nhìn nhau buồn bã.*)

Hoàng Hoa: Điều này tôi không dám ép anh.

Miên Trường (*đặt đứa nhỏ xuống chiếc chõng tre kê ở góc hiên, rồi ngẩng lên hỏi bạn*): Anh vẫn cương quyết không chịu ra kinh đô, để mặc một mình Trục Ngôn ngoài đó?

Hoàng Hoa: Tôi ở lại mảnh đất quê nhà, thỉnh thoảng Trục Ngôn chán gió bụi kinh thành về đây.

Cảnh 2

Điều khắc gia Miên Trường quyết định dùng chân một đêm tại nhà bạn để hôm sau tiếp tục lên đường sớm. Ông và đứa con gái chiếm căn phòng nhỏ có cửa sổ trông về phía sông. Em bé lên sáu có khuôn mặt hiền, nước da xanh muốt, đôi mắt đen luôn luôn hốt hoảng. Em như thể là hiện thân của một số kiếp vất vả nặng những lo âu tủi nhục. Quá nửa đêm, trăng hạ tuần nhìn qua khung cửa sổ. Nhà điêu khắc nhìn trăng rồi nhìn giọt máu nhỏ của mình thêm thiếp trên giường như muốn so sánh xem

hình ảnh nào thê lương hơn, sầu thảm hơn. Vừa từ đáy vực đau khổ ngoi lên, giác quan còn tê dại, điều khắc gia không kịp linh cảm thấy tử thần. Một tên hung đồ đã bán linh hồn cho quỷ ở bên kia sông, theo hút ông tới đây và được lệnh ám sát ông ngay đêm nay ngô hầu vĩnh viễn bóp nghẹt tiếng nói quang minh của ông. Hẳn núp trong một bụi cây ngoài vườn. Đúng lúc vầng trăng tàn tạ chạm đầu non, mây sâu ùn lên, bóng tối đổ xuống, hẳn phi thân qua cửa sổ, đột nhập căn phòng. Giây phút định mệnh nhất, bi đát nhất cho kiếp người! Đồi bên rơi vào thế phải tức khắc dùng mọi cách để tự bảo vệ lấy sự sống. Bản năng tự vệ như con rắn độc thoát đôn hết nọc lên nanh miệng, ngoặc đối phương nhanh như tia chớp.

Nhà nghệ sĩ trứ danh chỉ có một con dao nhỏ trước đây dùng trong việc gọt tĩa những đường nét nghệ thuật, nay dùng vào việc tự vệ. Tên hung đồ, ngược lại võ trang bằng con dao chuyên nghiệp nhọn hoắt, sống dày khỏe, hai bên má có khía lõm xuống để máu thoát ra tức khắc khi mũi dao đã cắm ngập thớ thịt đối phương.

Điều khắc gia đã nhảy ra khỏi giường, lùi nhanh lại phía góc phòng. Ông biết trước mình không thoát khỏi tay hung đồ, ông chỉ cần tránh xa giường để cứu đứa con khỏi chết oan.

Có tiếng thét kinh hoàng và thê thảm. Không phải tiếng nhà nghệ sĩ vì ông chết mím môi im lặng. Đó là tiếng đứa con nhỏ chạy lại ôm lấy thi thể cha.

Thi sĩ Hoàng Hoa hấp tấp vào cùng với ánh sáng. Tên hung đồ đã tẩu thoát. Cúi xuống vuốt mắt bạn rồi thi sĩ ôm đứa cháu mồ côi lên. Lời nói của thi sĩ lẫn với tiếng khóc thút thít của bé: “Con sẽ sống với bác! Bác sẽ nuôi

con bằng tình thương yêu như cha con trước đây. Bác sẽ đưa con lên kinh thành.”

Ánh sáng tắt. Trăng bên ngoài đã lặn. Thế gian chỉ còn là bóng tối âm trầm, bí hiểm. Rạng đông dường như còn lâu. Tiếng khóc thút thít của em bé có làm rung động bóng tối. Thi sĩ Hoàng Hoa vẫn ôm nó, đứng nguyên chỗ cũ và nhắc lại câu nói cuối cùng: “Bác sẽ đưa con về kinh thành! Bác sẽ đưa con về kinh thành!”

(HẾT HỒI MỘT)

HỒI HAI

THÁNH ĐẾ

Thi sĩ Hoàng Hoa mang đứa gái mồ côi lên kinh thành những mong với ánh sáng, với nhà cao cửa rộng đường lớn, với nếp sống nhộn nhịp, kinh thành sẽ khuấy động tâm hồn em, giúp em quên những hình ảnh u sầu, những ấn tượng khủng khiếp trong dĩ vãng.

Tôi kinh thành, thi sĩ Hoàng Hoa đến ở với người em sinh đôi của ông là thi sĩ Trục Ngôn. Hai anh em thi sĩ này về khuôn mặt dáng người giống nhau như đúc, nhưng về tính tình thi sĩ Hoàng Hoa điềm đạm bao nhiêu, thi sĩ Trục Ngôn nhiều đam mê bấy nhiêu. Điều đáng quý: cả hai đều là những tâm hồn cương trực hiếm có.

Thuở đó khắp kinh thành nhan nhản những khẩu hiệu:

“Thánh Đế muôn năm!
Công Bình, Tự Do, Bác Ái muôn năm!”

Dân chúng mọi tầng lớp phải chào nhau bằng khẩu hiệu trên. Lời tâm của một số cận thần nịnh hót thường tận cùng bằng một trong hai khẩu hiệu trên. Một số cận thần khác thiếu tư cách hơn thì dùng một trong hai khẩu hiệu đó thay tiếng “Dạ” khi đồng ý hoặc khi tuân lệnh.

Thêm một điều nữa, thỉnh thoảng các cửa cống tại bốn cửa ô lại bị lũ manh tâm nào bịt kín. Nước rãnh dềnh lên, mùi xú uế nồng nặc. Nơi duy nhất còn giữ được không khí dễ thở là Diêm Dương Đài, chốn cư ngụ của Thánh Đế, vì trong khi chờ đợi đoàn cận vệ đi kiểm soát xem những cửa cống nào bị bịt kín để thông sửa, những cận thần của Thánh Đế tại đây đã sớm biết mà cho khơi thoát nước bẩn về phía cư trú của dân chúng.

Bài ca đương thời rất phổ thông trong dân chúng, lời của thi sĩ Trúc Ngôn:

“Ta trở về...
Ta trở về nơi bùn lầy hôi thối
Nhưng vẫn giữ được...
Vẫn giữ được sen tâm hồn ngát hương.”

Cảnh 1

Trong một căn phòng nhỏ - nơi ở của hai anh em thi sĩ - dưới bóng chiếu vàng vọt, em bé mồ côi ngồi chơi ở góc phòng, khuôn mặt hiền đã có phần tươi tỉnh.

Thi sĩ Hoàng Hoa tới nắm lấy tay thi sĩ Trúc Ngôn lúc đó đang có vẻ giận dữ.

Hoàng Hoa: Tại sao em cứ đi tìm ý nghĩa cuộc đời ở ngoài em? Em không tin rằng ý nghĩa cuộc đời do chính chúng ta tự tạo ở ngay bản thân mỗi người mà không sức mạnh ma quái nào tàn phá nổi?

Trúc Ngôn: Em thua anh ở điểm đó, nhưng chết đi, em muốn dùng xác bón cho cây hoa, chứ không làm thức ăn cho giòi bọ.

Hoàng Hoa: Nhân loại càng mất tự do, lòng thèm khát ngưỡng mộ tự do càng mãnh liệt. Ý niệm tự do đâu có bị tiêu diệt? Giòi bọ đục khoét xác em thì rồi cũng đến lượt giòi bọ tan rữa ra mà bón cho cây hoa.

Trúc Ngôn: Em nhận là anh có lý của anh...

Hoàng Hoa (*gật đầu hài lòng*): Em anh không còn hẹp hòi nữa!

Trúc Ngôn: ... Nhưng em tự biết không thể sống vượt thời gian như anh để vừa cho giòi bọ ăn thân thể vừa thấy hoa nở trên xác mình. Em sẽ ra đi ngao du sơn thủy và mang theo tổ quốc trong lòng.

Hoàng Hoa: Em đã nhất quyết, anh không dám ngăn.

Trúc Ngôn: Em ra đi mang theo tổ quốc trong lòng. Ánh sáng của mặt trời, của trăng sao soi đường cho em đi.

Hoàng Hoa: Em ra đi có lý của em, anh ở lại có lý của anh. Dân tộc lầm than, anh ở lại lò luyện ngọc đợi

ngày sáng sửa ra làm nhân chứng cho thời đại, ai nỡ cho rằng thế là ngu? *(Chợt nhớ ra điều gì)* Nhưng em làm thế nào vượt vòng phong tỏa mà ngao du sơn thủy bên ngoài?

Trúc Ngôn: Đêm qua em xem thiên văn thấy có ngôi sao rụng xuống Tây Vực, vậy em sẽ lên núi Tây Vực để gặp đạo sĩ Thần Thông đúng với lời sấm truyền. Có bửu bối của đạo sĩ Thần Thông ban cho, em ra khỏi biên giới dễ dàng.

Hoàng Hoa: Có chắc em gặp được đạo sĩ Thần Thông?

Trúc Ngôn: Lòng chí thành của em có thể di chuyển núi, tát cạn biển, ôm được trăng sao vào lòng. Hiện giờ em có lòng chí thành đó, chắc chắn em sẽ gặp được Người ở Tây Vực.

Hoàng Hoa: Bao giờ em lên đường?

Trúc Ngôn: Em lên đường tức khắc!

(Xúc động hiện lên nét mặt Hoàng Hoa, hai hàng nước mắt đổ ra liên tiếp. Trúc Ngôn cũng khóc và cúi xuống nắm lấy hai tay anh.)

Trúc Ngôn: Em ra đi ngao du trong một thời gian ngắn, rồi anh em lại đoàn tụ như xưa.

Hoàng Hoa *(gạt nước mắt):* Thôi em ra đi. Vĩnh biệt!

(Trúc Ngôn cung kính cúi chào rồi ra đi. Hoàng Hoa chạy lại góc phòng ôm em bé mồ côi lên lòng, niềm an ủi còn sót lại của ông.)

Cảnh 2

Thi sĩ Trúc Ngôn ra khỏi nhà đi vào bóng chiều chang vạng. Có tiếng hô những khẩu hiệu. Đó là giờ các đội tuần tiễu đi kiểm soát từng nhà.

Thi sĩ Trúc Ngôn chợt dừng lại, nhường bước cho một toán tuần tiễu từ căn nhà nhỏ ra. Vừa lúc đó có tiếng một bàn tay lực lưỡng tát lên má và tiếng khóc thét của một đứa trẻ.

Người vợ: Trời ơi, tại sao anh đánh con, nó có tội tình gì?

Người chồng (ôm đầu): Anh điên mất rồi! Anh điên mất rồi! (Ôm lấy đứa con vừa bị đánh, tiếp tục tự nói với mình) Tại sao tôi lại trút niềm uất hận lên hạt máu vô tội của tôi? (Lắc đầu) Họ cũng chỉ vì cơm áo, họ cũng đáng thương như mình, có phần hơn mình!

Đứa con đã nín, người cha vỗ vỗ lên vai nó cất tiếng ru thương mến:

À à ơi...

Còn cha gót đỏ như son,

Đến khi cha chết gót con đen sì.

À à ơi...

Thi sĩ Trúc Ngôn cắn môi tiếp tục bước theo vìa hè. Thi sĩ dùng lại nhường bước cho một toán tuần tiễu khác từ một ngõ ngang râm rộ tới.

Họ đẩy tung cửa một căn nhà lụp xụp gần đấy. Ánh đèn vàng ủa ngoài đường chiếu hắt vào khuôn mặt nhẵn nhục của người mẹ và bốn khuôn mặt hốc hác của lũ con.

Mỗi đứa trẻ còn cầm trên tay một chiếc bát nhỏ: chúng vừa chia nhau một bữa ăn thiếu thốn.

Một người lính: Đây có kẻ lạ?

Người mẹ: Bẩm không!

Viên đội trưởng: Người nhớ ơn ai?

Người mẹ: Bẩm đội ơn Thánh Đế mẹ con tôi được sống yên bình dưới bóng Người.

Viên đội trưởng: Tất cả hãy cùng hô khẩu hiệu!

Tiếng hô đồng thanh:

- Thánh Đế muôn năm!

- Công bình, tự do, bác ái muôn năm!

Toán tuấn tiếu lại rậm rộ từ trong căn nhà ra, nhận thấy thi sĩ Trục Ngôn vẫn lạnh lùng đứng đấy.

Viên đội trưởng: Mi là ai, tại sao vừa rồi không cùng chúng ta hô khẩu hiệu?

Trục Ngôn: Ta đâu có thiếu trí thông minh? Và càng không thiếu trí tưởng tượng!

Viên đội trưởng: A, lời nói lạ! Quân bay, hãy bắt lấy nó giải về nộp Thánh Đế.

Toán lính dạ ran, xông xáo vây lấy thi sĩ rồi cùng tiến về phía lâu đài xa rực ánh sáng.

Cảnh Ba

Tại Diễm Dương Đài, chốn cư ngụ của Thánh Đế.

Nguyên theo cổ sử, người dân hằng ca ngợi một thời hoàng kim do bậc Thánh Đế ngự trị. Tương truyền ngài ở một lâu đài dựng bên bờ một cái hồ lớn xung quanh là cả một rừng dương liễu.

Thế là các hầu cận xưng tụng lãnh tụ lên bậc Thánh Đế và đặt tên lâu đài y ở là Diễm Dương Đài.

Cận thần I: Tâu Thánh Đế, thiên hạ thái bình âu ca, tiếng hô chúc tụng Thánh Đế vang thấu trời. Thánh Đế muôn năm!

Cận thần II: Tâu Thánh Đế, muôn dân no ấm, gạo trắng nước trong, vườn rau ao cá bồi bồi, cửa rơi ngoài đường không ai thềm nhật. Các mầm mống nội phản ngoại phản đều đã được trừ khử tận gốc. Công bình, Tự do, Bác ái muôn năm!

Thánh Đế ngồi trên ngai, mặc áo dát vàng nạm ngọc, tay cầm một bông hoa hồng bằng ngọc, vẻ mặt hỉ hả.

Thánh Đế: Các người hãy khá cùng ta tới vườn Từ Chương thưởng trăng!

Tất cả (đồng thanh): Thánh Đế muôn năm!

Thánh Đế đi trước, các cận thần gồm chừng ba bốn chục người theo sau đến khoảng vườn rộng giữa Diễm Dương Đài. Sở dĩ khoảng vườn này được mệnh danh là vườn Từ Chương vì tại đây Thánh Đế có cho dựng tượng đủ các danh nhân cổ kim Đông Tây, chính giữa là

pho tượng to hơn cả, cao hơn cả, ấy là tượng Thánh Đế đương... đằm đạo với các danh nhân (theo lời giải thích của lũ cận thân và theo trí tưởng tượng của chính Thánh Đế).

Thánh Đế: Hãy cho tắt đèn để ta thường trăng!

Một cận thân khác: Bay đâu, hãy đốt đèn lồng đi đón hai Ngự sử.

Tất cả: Công bình, Tự do, Bác ái muôn năm!

Hai ngọn đèn lồng được đốt lên để đi đón hai vị Ngự sử.

Trong khi chờ đợi, một trò vui bắt đầu. Theo hiệu vỗ tay của một cận thân chủ trò, các cận thân khác quây lấy Thánh Đế thành một vòng tròn. Vòng tròn đó hẹp dần vì người nọ trèo lên vai người kia, chẳng bao lâu vòng người hẹp và cao thành hình một cái giếng người.

Cận thân chủ trò (cúi rạp trước Thánh Đế): Tâu Thánh Đế, thần đảng đã đánh rụng hết các vì sao khác; trên vòm trời nay chỉ còn lại một tướng tinh của Thánh Đế.

Thánh Đế nhìn qua miệng giếng, thấy lấp lánh có một vì sao thật, vỗ đùi cười ha hả.

Thánh Đế: Các người quả là thông minh, tài giỏi!

Khi vỗ đùi cười và ban lời khen như vậy, Thánh Đế đánh văng bông hồng ngọc cầm trên tay xuống đất. Lập tức cận thân chủ trò tung người đi ngược bằng tay tới chỗ bông hồng ngọc cúi xuống dùng lưỡi khêu, dùng đôi môi cặp, khi y tung người lại đứng bằng chân, y quỳ xuống

nhón cầm bông hồng ở môi, cúi rạp đầu dâng lên và không quên kèm theo hai tiếng tung hô: “Thánh Đế muôn năm! Công bằng, Tự do, Bác ái muôn năm!”

Hai đèn lồng từ xa đi lại soi đường cho hai vị Ngự sử. Trò chơi giải tán. Hai Ngự sử cúi chào Thánh Đế rồi ngồi sang hai bên. Không khí nghiêm trang. Ba người bắt đầu nói chuyện về đối phương. Lãnh tụ đối phương vẫn tự xưng là Đấng. Y muốn tự sánh với Thượng Đế. Ở góc vườn gần đấy thấp thoáng bóng một thiếu nữ dịu hiền, đó là nàng Vương Lệ Phi ái nữ của Thánh Đế cũng ra thưởng trăng một mình.

Thánh Đế: Hai Ngự sử có tin gì lạ về đối phương?

Ngự sử I: Tàu Thánh Đế, thần không có tin gì lạ.

Ngự sử II: Tàu Thánh Đế, thần có tin lạ!

Thánh Đế: Khanh cho ta nghe.

Ngự sử II: Tàu Thánh Đế, Miên Trường đã trốn khỏi đất đối phương.

Thánh Đế (bỡ ngỡ): Miên Trường là tên chi vậy?

Ngự sử II: Tàu Thánh Đế đó là một đại nghệ sĩ điêu khắc gia kiêm họa sĩ, người đã từ chối đắp tượng Đấng của đối phương.

Thánh Đế: Liệu hắn có sang đất ta chăng?

Ngự sử II: Tàu Thánh Đế, điều đó thần không được rõ.

Thánh Đế: Hắn mà tới đây ta sẽ bắt hắn đắp tượng ta!

Ngự sử II: Điều đó quyết không được! Đại nghệ sĩ Miên Trường uy vũ bất năng khuất! Đấng của đối phương đã dùng hết cách từ phỉnh nịnh ve vuốt đến đe dọa cứng rắn mà vẫn thất bại, không đạt được sở nguyện. Khi ra đi nghệ sĩ đã để lại một tác phẩm vĩ đại và kinh khủng.

(Nàng Vương Lê Phi vừa tới gốc cây gần đấy chú ý lắng nghe câu chuyện mà không ai biết.)

Ngự sử I (hỏi lại): Vĩ đại và kinh khủng?

Thánh Đế: Ờ, thế tác phẩm đó ra sao?

Ngự sử II: Nghệ sĩ để ngoài cửa xưởng làm việc: *“Hãy bật ánh sáng mà vào khu rừng của Đấng!”*

Người ta mở cửa và bật ánh sáng. Nghệ sĩ đã biến xưởng làm việc của ông thành sân khấu lớn trên đó bày bố một khu rừng mênh mông cắt bằng những lá tôn dày, thân cây sơn màu nâu sẫm, vùng lá sơn xanh. Tác phẩm vĩ đại đó khéo đến nỗi thoát trông bề ngoài ai nấy tưởng mình đang đứng trước một rừng cây xanh ngợp trong nắng hè.

Khi tiến vào “*lớp rừng*” thú nhất, tại mỗi gốc cây có bài trí một hố chôn người sống, trên các cành cây la liệt những hình người bị treo cổ lủng lẳng, cũng bằng tôn. Những hàng chữ ngang dọc nhai lại lý luận của Đấng:

- *Giết để bảo vệ sự sống!*
- *Chém ngang lưng Hiện tại cho Tương lai nảy mầm!*
- *Có chiến tranh mới bảo vệ được hòa bình!*

(Nghe tới đây nàng Vương Lê Phi ngồi xuống cỏ ôm mặt.)

Ngự sử II (*kể tiếp*): Đi vào “lớp rừng” thứ hai là những hình có tính cách tượng trưng.

Hình thứ nhất: Một bầy sư tử hiền ngang. Dòng chữ bên dưới: “*Người dân thuở dựng cờ mở nước!*”

Hình thứ hai: Một bầy bò cái gầy gơ xương đương bị một lũ người thân hình béo tốt, mặt mũi phì nộn thẳng tay vắt đến giọt sữa cuối cùng, một bầy ếch nhái đông vô kể bám chi chít từ đũng quần đến gót giày lũ người béo tốt đó. Dòng chữ bên dưới: “*Người dân thời bình!*”

Hình thứ ba: Bầy sư tử đã xé xác lũ người to lớn, giày xéo họ dưới chân, đầu ngừng hiền ngang. Dòng chữ bên dưới: “*Nhân loại hãy vĩnh viễn là sư tử, đừng để lũ tiếm vị biến mình thành bò sữa và ếch nhái.*”

Đi vào “lớp rừng” thứ tư gặp dòng chữ lớn bằng ánh sáng:

“Hãy chiến đấu ở mọi lãnh vực bằng trí sáng tạo của chúng ta!”

Ánh sáng rực rỡ đã có tác động đến khu rừng. Hơi nóng bốc ra từ những cây tôn bóng rẫy. Ai nấy mặt đỏ lừ mồ hôi nhễ nhại. Tới cuối rừng mọi người ngẩng đọc hàng chữ chói cũng bằng ánh sáng:

“Đây là khu rừng xanh của Đấng! Dưới nắng hè các người hãy tìm hơi mát của bóng cây mà trú ẩn!”

Thánh Đế: Thôi bỏ qua chuyện đó, hai Ngự sử hãy cùng ta thưởng trăng đêm rằm này, vui cảnh dân nước hùng mạnh an cư lạc nghiệp!

Ngự sử I: Trăng đêm nay quá đẹp!

Ngự sử II: Xin Thánh Đế thận trọng, thần nghe trong dân gian hồi này có câu ca:

Ta trở về...

Ta trở về nơi bùn lầy hôi thối

Nhưng vẫn giữ được...

Vẫn giữ được sen tâm hồn ngát hương.

Như vậy thì dân gian đâu đã an cư lạc nghiệp? Giặc nhỏ biên thù ngày ngày quấy rối bờ cõi, như vậy dân ta đâu đã hùng mạnh?

Thánh Đế: Khanh chớ nên quá bi quan như vậy!

Ngự sử I: Có bình bên trong mới trị được bên ngoài.

Thánh Đế (*gật đầu hài lòng*): Khanh nói có lý lắm!

Ngự sử II: Tàu Thánh Đế, bình bên trong như vậy thần e rằng mình lại tự chặt tay mình để gián tiếp mở đường cho xâm lăng.

Thánh Đế: Ta không ưng khanh góp lời bàn bi quan như thế.

Ngự sử II: Tàu Thánh Đế, thần nghe nói đời xưa các đấng minh quân mỗi lần mặc áo ấm lại hỏi xem thần dân có đói rét không, mỗi lần nói lên một câu mà không thấy người xung quanh góp bàn ý kiến thì tắc lòng áy náy. Xin Thánh Đế thận trọng!

Thánh Đế (*vỗ tay xuống đùi*): Khanh không được nghi ngờ trí sáng suốt của ta!

Ngự sử I: Thánh Đế tin hiền hữu vì đã một lần

Người được hiền hữu cứu mạng, Thánh Đế thương hiền hữu vì toàn gia hiền hữu trước đây bị đối phương tàn sát, nhưng chớ vì thế mà hiền hữu mạn thượng!

Ngự sử II: Chính vì cả nhà tôi bị đối phương tận diệt nên giờ đây tôi mới khuyen Thánh Đế thận trọng, như thế đâu có là mạn thượng?

Bỗng có tiếng ồn ào từ ngoài cổng Diễm Dương Đài. Nàng Vương Lệ Phi ngẩng đầu nhìn: Toán quân tuần tiểu giải thi sĩ Trục Ngôn tới trước Thánh Đế và hai Ngự sử.

Viên đội trưởng: Tàu Thánh Đế, thần đảng bắt được tên này không chịu tung hô.

Ngự sử I: Tổng nó vào khám!

Ngự sử II: Khoan! Hình như đây là một trong hai thi sĩ của kinh thành. (*Tối hỏi thi sĩ Trục Ngôn*) Có phải ông là một trong hai thi sĩ sinh đôi?

Thi sĩ Trục Ngôn nghiêng đầu ngắm Ngự sử II rồi lại nhìn thẳng khẽ gật.

Ngự sử II (*trở lại nói với Ngự sử I*): Nên thả ngay người này ra! (*Với Thánh Đế*) Tàu Thánh Đế, đội quân tuần tiểu của ta bắt lầm phải một thi sĩ của kinh thành.

Thánh Đế: Hẳn quên tung hô thì tổng cổ hẳn vào khám!

Ngự sử II: Danh tiếng của y đã vượt vĩ tuyến và kinh tuyến, xin Thánh Đế kịp hạ lệnh thả y, nếu không, e hại đến uy quyền của Thánh Đế.

Thánh Đế: Nếu hẳn là thi sĩ, hãy bắt hẳn ngâm thơ cho ta nghe!

Ngự sử II: Tàu Thánh Đế, y quen sống phóng khoáng không chịu tuân theo khuôn phép ép buộc, xin Thánh Đế kíp hạ lệnh thả y là thượng sách!

Thánh Đế: Ta tha cho lễ độ! Bảo hẩn ngâm thơ! (*Nói một mình*) Dân chúng ngu xuẩn kỳ dị! Với người nhọc công gìn giữ trật tự cho thì không chịu mang ơn, với kẻ xấu xược phóng đảng thì hết lòng thờ phụng. (*Nhìn quanh những pho tượng danh nhân rải rác trong vườn*) Đến chính ta cho tạc những pho tượng đá kia cũng đành là nhắm mắt chiếu theo thị hiếu của lũ ngu xuẩn để dễ bề sai khiến chúng. Kỳ dị, dân chúng sao mà kỳ dị!

Ngự sử II tới giải thích nhỏ với Ngự Sử I mấy điều lợi hại.

Ngự sử I (*nói với thi sĩ Trục Ngôn*): Người hãy đọc thơ hầu Thánh Đế nghe!

Trục Ngôn: Nếu ta phải đọc hầu thơ cho ai nghe thì trước hãy đập tan những pho tượng trong vườn này đi!

Ngự sử II: Thôi được nhà thầy hãy đọc thơ cho Thánh Đế nghe.

Thi sĩ Trục Ngôn khanh tay đưa mắt nhìn khắp lượt, suy nghĩ chút ít rồi chậm rãi cất lời.

Trục Ngôn: Thần tiên đã xuất hiện hai lần để lần lượt trao cho hai người một chiếc kéo thần và một cuộn giấy lớn. Người thứ nhất tận dụng cuộn giấy, cắt những đường sông nét núi lớn làm nơi cư ngụ, cắt những hình người lớn làm bạn đồng lao cộng tác. Khi y chết những người đồng lao cộng tác xây mộ lớn cho y và y nằm giữa cảnh núi sông hùng vĩ do chính tay y sáng tạo. Linh hồn

y nhập vào ánh sáng một trong những vì sao đẹp của vũ trụ.

Nàng Vương Lệ Phi tiến gần thêm mấy bước.

Thánh Đế (*hỏi Ngự sử II*): Hắn nói gì vậy?

Ngự sử II: Xin Thánh Đế hãy nghe.

Trực Ngôn (*vẫn kể tiếp*): Người thứ hai chủ tâm chỉ dùng một khoảng giấy hẹp, y cắt núi nhỏ như mô đất, cắt sông nhỏ như rãnh, cắt những hình người nhỏ như giò bọ. Y đứng giữa chốn người và cảnh nhỏ xíu đó để tự thấy mình vĩ đại hiên ngang. Ngày tận số, y chết gục mặt trên khoảng rãnh và mô đất lớn nhồn tức là khoảng giang sơn do chính y sáng tạo. Các người đồng lao cộng tác giò bọ không đủ sức chôn y, đành đợi đến lúc xác y rửa mới xúc từng mảng thịt nhỏ hắt xuống rãnh. Chiếc đầu lâu và toàn thể bộ xương trắng hếu của y còn lăn lóc mãi trên khoảng giang sơn nhỏ xíu đó. Y đã được toại nguyện: *Sống vĩ đại, chết vĩ đại!*

Thánh Đế (*hỏi Ngự sử I*): Hắn nói gì vậy?

Ngự sử I: Tàu Thánh Đế để rồi xem đã.

Nàng Vương Lệ Phi tiến gần thêm mấy bước nữa.

Trực Ngôn: Trong một kiếp tái sinh, y lại được gặp đấng thần tiên xưa và y lại xin thần tiên ban cho phép lạ. Thần tiên một lần nữa thử lòng y, nói: “*Người có thể nguyện cầu cho đồng loại người thành vĩ nhân. Người lại có thể nguyện cầu cho đồng loại người thành một loài hạ đẳng tùy ý người lựa chọn. Duy có điều muốn giữ người*

nào ở mãi hình thức hạ đẳng, người phải yểm vào người đó một chút linh hồn của chính người.”

Được phép tiên, y cảm thấy hơn người. Y đứng lên cai trị đồng loại. Y giữ lòng kiêu hãnh vô bờ; kẻ nào tỏ chút ngang tàng, lập tức y niệm chú biến tính người đó, đồng thời thổi vào nạn nhân một chút linh hồn của y. Được cái linh hồn vô tận nên y niệm chú hàng vạn lần và yểm linh hồn vào hàng vạn nạn nhân mà linh hồn y vẫn như còn nguyên. Điều này càng khiến y vững tâm tác oai niệm chú. Chẳng bao lâu những người quanh y tuy còn hình người nhưng thực dễ bảo, chỉ cần đưa mắt ra lệnh bằng cử chỉ. Còn gì ngang tàng bằng một người chỉ cần ra lệnh bằng cử chỉ - y nghĩ thâm thối. Và cứ như vậy cho đến ngày y chết.

Thánh Đế (*hỏi cả hai Ngự sử*): Hẳn đâu có đọc thơ!

Ngự sử II: Xin cứ để mặc cho y nói đừng ngắt lời, y sẽ đọc thơ lúc nào không biết.

Trực Ngôn (*vẫn kể tiếp*): Đúng lúc y nhắm mắt buông xuôi hai tay từ giã cõi đời thì có tiếng sét rung trời chuyển đất. Đấng thần tiên xuất hiện, dùng tiếng sét để xua đuổi chút linh hồn của y còn bám vào các nạn nhân. Với tiếng sét lớn đó, các nạn nhân bừng tỉnh giấc mơ hạ đẳng trở lại làm người. (*Ngừng một chút nhìn Thánh Đế*) Duy có y, cho đến lúc chết, quên hẳn tiếng người.

Thi sĩ ngừng một chút. Ngự sử I mím môi, thoáng tia nhìn hằn học; Ngự sử II cúi đầu chớp mắt; các cận thần hướng về Thánh Đế, thấy vẻ mặt Thánh Đế vẫn thản nhiên thì họ cũng thản nhiên đợi nghe tiếp.

Trực Ngôn: Ta có bài thơ không vẫn nhan đề “Ông

vua tượng đá và tiếng chó khóc”, xin đọc. (Đằng hẵng để đọc trong khi nài Vương Lệ Phi tiến gần thêm một chút nữa):

Ông Vua tượng đá và tiếng chó khóc

Trong khu rừng Từ Chương
 có ông Vua tượng đá
 tưởng tượng đang ngồi đàm đạo với các danh nhân.
 Những làng bên cạnh rừng,
 dân chúng đã tha phương cầu thực
 hoặc chết đói mà không ai chôn.
 Trong gió chiều thốn thức,
 dưới trăng mờ, trong sương khuya,
 ta chỉ còn nghe tiếng đàn chó đói
 Khóc!
 Tiếng đàn chó khóc thảm thương!
 Hình như từ ngàn xưa,
 nơi nào THÔ BẠO làm chủ ANH MINH,
 thì trong gió chiều hoặc dưới trăng mờ, trong sương
 khuya
 vẫn có những tiếng chó khóc như vậy.

Tiếng ngâm chấm dứt, mọi người yên lặng.

Ngự sử I (ngừng phất đầu lên hỏi bằng giọng cương quyết): Người làm gì khi nước nhà bị ngoại xâm?

Trực Ngôn: Ta đi theo hầu nghĩa quân và ca ngợi sức mạnh của ánh sáng tự do chiến thắng bóng tối nô lệ. Người khỏi phải hỏi vì ta biết chiến thắng bóng tối nô lệ. Người khỏi phải hỏi vì ta biết chúng ta không thể đui địt giác thuận bằng thơ dù lời thơ có hùng tráng đến trời long đất lở.

Ngự sử I: Người làm gì để giúp cho nước thịnh dân giàu?

Trực Ngôn: Ta ca ngợi công đức những đấng anh tài, chí công vô tư, hết lòng vì giang sơn tổ quốc. Người khỏi phải hỏi vì ta biết chúng ta không thể xây dựng đất nước thuận bằng thơ dù lời thơ thiết tha đến quý hải thần kinh. Nhưng coi chừng, khi ta cất tiếng kêu than, ấy là điềm ta lớn hơn ai hết và khi đó bước chân của ta giẫm nát ngai vàng.

Ngự sử I: Người có biết có Linh Tử kiếm chém sắt như chém bùn?

Trực Ngôn: Kẻ nào yêu THƠ kẻ đó chém không đứt! (*Nhìn Viên đội trưởng đứng sát đó, nhắc lại một lần nữa*) Chém không đứt!

Viên đội trưởng (*giơ tay sờ cổ, nói khẽ*): Chém không đứt!

Ngự sử II (*nói khẽ với Ngự sử I*): Xin hiền hữu chớ quá nóng, việc này có thể gây công phẫn trong dân chúng, làm giảm uy quyền Thánh Đế. (*Nói lớn với thi sĩ*) Xin cảm ơn nhà thầy và giờ đây nhà thầy có thể rút lui.

Nàng Vương Lệ Phi lúi vào bóng cây rồi tiến nhanh ra phía cổng lâu đài trước.

Thi sĩ Trực Ngôn giơ tay chào đều mọi người rồi ung dung quay đi. Lát sau từ xa còn vẳng lại tiếng ngâm đoạn thơ đặc ý của thi sĩ:

Trong gió chiều thốn thức,
dưới trăng mờ, trong sương khuya

ta chỉ còn nghe tiếng đàn chó đói
Khóc!

Ngự sử I (*đập tay lên đùi*): Ta không chịu được cái nhục này!

Thánh Đế: Ngự sử cho ta biết ý kiến!

Ngự sử I: Tâu Thánh Đế tất cả... tất cả những lời hăn nói đều ngụ ý thóa mạ chúng ta.

Thánh Đế (*giật nảy người, cũng đập tay lên đùi*): Hãy dùng Linh Tử kiếm chém cho chết!

Các cận thân (*nhao nhao*): Xin chém cho chết!
Thánh Đế muôn năm! Hãy tức khắc bắt tên cuồng sĩ lại!
Công bình, Tự do, Bác ái muôn năm!

Thánh Đế: Hãy mang Linh Tử kiếm lại cho ta!

Một cận thân (*hướng về phía lâu đài hét*): Bớ cận vệ, hãy mở kho tàng mang Linh Tử kiếm lại!

Tất cả cận thân (*đồng thanh*): Thánh đế muôn năm!

Thánh Đế: Đội trưởng!

Viên đội trưởng (*tiến tới cúi đầu*): Thánh Đế muôn năm!

Một cận vệ tất tả mang Linh Tử kiếm từ kho tàng lâu đài đến dâng lên Thánh Đế. Cảm lấy Linh Tử kiếm, rồi vừa giơ lên cao Thánh Đế vừa ra lệnh cho Viên đội trưởng.

Thánh Đế: Người khá tìm cho bằng được tên cuồng sĩ. Chém!

Ngự sử I: Xin hãy khoan! Tàu Thánh Đế dẫn sao việc này cũng nên hành động kín đáo. *(Nói với tên đội trưởng)* Người hãy hỏi thăm dân chúng mà tìm tới nhà tên cuồng sĩ nói là Thánh Đế mời hẳn xuống thuyền thường trăng rồi đưa hẳn tới bến sông phía Tây kinh thành. Giờ này dân chúng ai đã phải về nhà nấy, bến vắng, giết y xong hất xác xuống sông!

Thánh Đế *(trao kiếm cho Viên đội trưởng):* Linh Tử kiếm một chuyến ra đi phải được uống máu. Xong việc về đây báo cho ta ngay!

Viên đội trưởng: Thánh Đế muôn năm! Công bằng, Tự do, Bác ái muôn năm!

Viên đội trưởng ra đi thoãn thoắt. Thánh Đế cùng các cận thần và Ngự sử I trở vào lâu đài. Còn lại một mình Ngự sử II dưới ánh trăng. Ngự sử II đã đứng nguyên như vậy từ lúc Thánh Đế ra lệnh giết Trúc Ngôn. Ngự sử II đã không nói thêm câu nào bởi biết có nói cũng bằng thừa.

Ngự sử II: Uy quyền quyết định ám sát nhà thơ chỉ còn là bạo quyền!

Ngự sử II rút kiếm lệnh bên mình tung lên. Ánh kiếm lấp loáng dưới trăng, rơi vào một pho tượng danh nhân biến thành tiếng kêu than rồi văng xuống bãi cỏ. Ngự sử II đi về phía cổng lớn ra khỏi Diễm Dương Đài tiến về trung tâm cư trú của dân chúng. Mùi hôi thối bốc lên nồng nặc. Ngự sử II dừng lại nhìn quanh. Nước cống rãnh bắt đầu dềnh lên, màu đặc sánh. Bỗng Ngự sử II vung tay lên, cất tiếng ca lớn:

Ta trở về...

Ta trở về nơi bùn lầy hôi thối

Nhưng vẫn giữ được...
Vẫn giữ được sen tâm hồn ngát hương.

(HẾT HỒI HAI)

HỒI BA

MỐI TÌNH CỦA NÀNG VƯƠNG LỆ PHI

Cảnh 1

Trong gió chiều thốn thức,
dưới trăng mờ, trong sương khuya,
ta chỉ còn nghe tiếng đàn chó đói
Khóc!

*Thi sĩ Trục Ngôn vừa dứt lời ngâm khi ra khỏi Diễm
Dương Đài thì có tiếng gọi: “Thi sĩ Trục Ngôn! Thi sĩ Trục
Ngôn!” Rồi một thiếu nữ từ trong bóng tối hàng cây bên*

đường nhô ra, đi vào ánh trăng, tiến tới trước mặt thi sĩ.

Đó là nàng Vương Lệ Phi, mái tóc đen xõa xuống vai đẹp một cách mơ hồ và huyền hoặc như một dòng thời gian rớt nghiêng, nước da trắng mịn dưới màu trăng, đôi mắt đen thơ ngây, cả khuôn mặt tinh khiết như thiên thần.

Wương Lệ Phi (gọi lần chót): Thi sĩ Trục Ngôn!

Trục Ngôn (nhìn nàng say đắm): Em là ai, ôi người-đẹp-mây-thua-nước-tóc của anh!

Wương Lệ Phi: Em là Vương Lệ Phi công nương, ái nữ của Thánh Đế, người chị danh dự của Hội Phụ nữ toàn quốc, người chị danh dự của Hội Chiến sĩ toàn quốc.

Trục Ngôn (giọng âu yếm): Em là tiên trên trần đẹp một vẻ đẹp dịu hiền. Tất cả trần châu báu trong lòng đất nước chúng ta cũng không đủ để mua lại nhan sắc đó. Tất cả những chức tước mà tụi xu nịnh đặt thêm cho em chỉ là những đồng bùn hôi đắp lên đôi cánh óng chuốt của chim hoàng anh khiến chim hết đường bay bổng. Đôi mắt tuyệt vời của em đựng những mảnh hồn lạc của những tâm tình cao quý, chức tước của em chỉ thu hút những kiếp người giò bọ.

Tựa như có tiếng dòng suối xuân êm chảy làm nền cho tiếng nói của chàng. Tiếng suối ru nàng? Hay tiếng chàng ru nàng? Hay chân lý ẩn trong tiếng nói đơn giản nhưng chân thành ru nàng? Hay cả ba: tiếng suối, tiếng nói và chân lý ru nàng? Ru nàng vào một giấc mơ rất thực của Hạnh Phúc. Vẫn còn tiếng của chàng bên tai.

Trực Ngôn: Anh chỉ gọi em là “em Vương Lệ Phi” em bằng lòng chứ?

Nàng Vương Lệ Phi khẽ gạt đầu, chàng thi sĩ vòng tay ôm nàng, trong khi nàng nép đầu bên vai chàng.

Vương Lệ Phi: Có mưa rơi không anh mà sao nước mắt như tràn ngập lòng em?

Trực Ngôn: Nước mắt đó làm em thêm đẹp, nước mắt đó rửa tội lỗi cho dòng họ em, nước mắt đó giúp anh quên đi trong giây lát rằng phần lớn cõi đời còn trong tay lũ sói đói, cáo già. Anh cầu mong mưa rơi nhiều nữa!

Thi sĩ Trực Ngôn dìu nàng Vương Lệ Phi đi về phía bờ sông theo con đường mà chàng sắp sửa theo để đi lên miền núi Tây Vực.

Cảnh 2

Trăng về khuya càng sáng. Trên một khoảng cỏ xanh bờ sông bốn bề lau sậy dạt dào, nàng Vương Lệ Phi ngồi nép bên thi sĩ. Họ yên lặng nhìn cảnh sông nước đàng xa mênh mông và u huyền.

Vương Lệ Phi (*khẽ tựa mình rồi ngẩng đầu*): Anh nhất định đi Tây Vực?

Trực Ngôn: Phải đi em ạ! Đi để tìm và nuôi hy vọng!

Vương Lệ Phi: Ở lại với em, anh yêu quý!

Trực Ngôn: Không được em ạ.

Vương Lệ Phi: Em không đem lại hạnh phúc cho anh sao?

Trúc Ngôn (*lắc đầu*): Anh đâu có đủ đức tính như anh Hoàng Hoa. Ở lại anh phải nguyện rửa, anh không muốn nguyện rửa! Ở lại anh nuôi ý tưởng giết người – anh vẫn phủ nhận bạo động! Anh phải đi! (*Nói với mình*) Ước ao có ngọn lửa thần thiêu hủy cho ta chút lòng kiêu ngạo còn lại. (*Suy nghĩ một giây*) Nhưng phải có lòng kiêu ngạo của ta, anh Hoàng Hoa mới thành công (*mỉm cười*). Lòng kiêu ngạo của ta tuy dở mà cần thiết. (*Nói với Vương Lệ Phi*) Anh phải đi, nhưng càng xa em tình anh càng thấm thiết, có sao đâu em! (*Đôi mắt thi sĩ Trúc Ngôn chợt sáng lên vì có tiếng tiêu vẳng lại*) Tiếng tiêu của anh Hoàng Hoa!

Vương Lệ Phi: Chúng ta tìm đến chào anh!

Trúc Ngôn: Không được, anh đã từ giả anh ấy từ lúc chiều để đi Tây Vực.

Vương Lệ Phi: Khúc chi mà êm ả đơn sơ thế anh?

Trúc Ngôn: Đó là khúc “*Gọi đàn*” của các em bé chăn chiên nơi quê hương anh.

Vương Lệ Phi: Anh đi Tây Vực tìm đạo sĩ Thần Thông theo đúng lời sấm dạy?

Trúc Ngôn (*gật đầu*): Đạo sĩ sẽ trao cho anh hai bửu bối. Theo lời khẩu truyền trong dân gian thì đạo sĩ Thần Thông có gậy Toàn Sinh và chim Chích Tâm.

Vương Lệ Phi: Anh kể tiếp cho em nghe.

Trúc Ngôn: Khi được trao, gậy Toàn Sinh sẽ dính liền vào tay, mình sẽ đi ngao du sơn thủy đường dài thành ngấn, gặp rừng thì ăn hoa quả uống nước suối,

dù không gặp rừng, hàng tháng đi trên sa mạc, tinh thần vẫn minh mẫn, sức lực chẳng hao mòn. Chim Chính Tâm dùng để kiểm điểm lòng mình. Khi cất tiếng nói mà chim hát theo, ấy là lời mình nói với ý mình nghĩ là một. Hễ nói mà chim chẳng hát, ấy là nói một đằng, nghĩ một nẻo. Ngày đắc đạo là ngày mình thường xuyên thể hiện được cái tâm thuần nhất, gậy Toàn Sinh sẽ rời khỏi tay để mình có thể trao cho người khác, hoặc nếu không ai xứng đáng, đạo sĩ Thần Thông sẽ hiện ra thu lại. Ngày ấy anh trở về gặp em.

Vương Lệ Phi: Tại sao anh cứ phải đi Tây Vực để tìm những thứ đó?

Trực Ngôn: Vì anh không đủ đức tính như anh Hoàng Hoa, nhưng anh lại muốn sửa đổi cõi đời. Mà muốn sửa đổi cõi đời anh phải sửa đổi lòng anh trước đã.

Bỗng nàng Vương Lệ Phi ôm choàng lấy thi sĩ Trực Ngôn khóc nức.

Vương Lệ Phi: Trời ơi sao mà tiếng tiêu buồn đến thế anh ơi!

Trực Ngôn: Đó là khúc “*Bi ca*” do chính anh Hoàng Hoa sáng tác để kết tinh lấy cái bi đát của định mệnh con người.

Vương Lệ Phi (*vẫn gục mặt khóc trên vai người yêu*): Ngộ anh không gặp đạo sĩ Thần Thông? Ngộ anh không về?

Trực Ngôn: Em ạ, anh linh cảm thấy có những trường hợp cái chết có sức tác động gấp ngàn gấp vạn lần cái sống. Nếu cần anh sẽ chết.

Vương Lệ Phi: Anh ơi, tiếng tiêu sao mà âm trầm rữ rượi?

Trúc Ngôn: Đó là khúc “*Tương Tư*”. Anh còn đây nhưng giây phút hợp mặt chẳng còn bao lâu nữa. Anh bắt đầu tương tư em.

Vương Lệ Phi (*nói qua tiếng nức nở*): Anh yêu quý, nếu anh chết thì báo cho tâm linh em hay, em sẽ chết theo và hóa thành chim hoàng anh.

Trúc Ngôn (*cúi xuống hôn nồng nàn lên đôi môi ấm và hiền của nàng Vương Lệ Phi*): Em yêu dấu, ở cái cõi đời đầy những lọc lừa phản bội này chỉ có tình yêu là thật thoi em ạ. (*Diu Vương Lệ Phi cùng đứng dậy*) Em có nghe tiếng tiêu reo vui, anh ra đi vừa đúng lúc.

Thi sĩ Trúc Ngôn buông nàng Vương Lệ Phi ra, bước đi bịn rịn, có ngoái cổ lại đôi lần. Tiếng tiêu nín bật. Nàng Vương Lệ Phi cảm thấy cõi lòng trống trải mất hết niềm an ủi, mất hết nghị lực, nàng ngối phệt xuống cỏ ôm mặt, tiếng nói nghẹn ngào lẫn trong tiếng khóc nức nở.

Vương Lệ Phi: Em sẽ hóa thành chim hoàng anh!
Em sẽ hóa thành chim hoàng anh!

(HẾT HỒI BA)

HỒI BỐN

VIÊN ĐỘI TRƯỞNG NGƯỜI KINH BẮC

Cùng khoảng thời gian với mối tình của nàng Vương Lệ Phi, Viên đội trưởng vâng lệnh Thánh Đế ra đi đã hành động ra sao với thanh Linh Tử kiếm?

Cảnh 1

Tại căn nhà nhỏ của hai anh em thi sĩ nay chỉ còn thi sĩ Hoàng Hoa ở lại nuôi con bạn. Em bé mở còi nằm trên giường, thi sĩ cất ống tiêu lên miệng thổi một bản dân ca, điệu nhạc thơ ngây đơn giản. Em bé hé mắt đen láy nhìn

thi sĩ mỉm cười rồi hai mi từ từ khép lại, em đi vào giấc ngủ. Chợt cánh cửa bị đẩy tung, Viên đội trưởng vào.

Viên đội trưởng: Tôi muốn thưa với ông một câu chuyện!

Hoàng Hoa (đặt ngón tay trở lên miệng làm hiệu): Suyt! Xin ông nói khẽ cho em bé ngủ.

Viên đội trưởng lúc đó cũng sực nhớ lại lời Ngự Sử I dặn, nên đổi giọng nhẹ nhàng nói với thi sĩ Hoàng Hoa mà hẳn vẫn tưởng lầm là thi sĩ Trúc Ngôn vừa ở Diễm Dương Đài về.

Viên đội trưởng: Thánh Đế sai tôi lại đây mời thi sĩ tới bến sông phía Tây kinh thành rồi lên thuyền thưởng trăng đêm nay.

Hoàng Hoa: Tôi sẽ đến gặp Thánh Đế ngay không phải để lên thuyền thưởng trăng với ông ấy mà chỉ để bảo ông ấy cho khơi thoát các cửa cống.

Thi sĩ Hoàng Hoa rón rén ra khỏi phòng, khép cửa không tiếng động, vô tình tay còn cầm theo ống tiêu, rồi cùng Viên đội trưởng theo đường ra bờ sông. Viên đội trưởng liếc nhìn thi sĩ. Về mặt thành thật, lòng tin người hỗn nhiên của nhà thơ dường như có làm y xúc cảm, tay y không còn luôn luôn đặt lên đốc kiếm như khi mới gặp. Hai người tiến tới bờ sông. Trăng sáng.

Cảnh 2

Hai người tới bờ sông. Thi sĩ Hoàng Hoa ngơ ngác nhìn quanh.

Hoàng Hoa: Sao không thấy thuyền của Thánh Đế?

Viên đội trưởng mặt đã dịu hiền, khi đó đương suy nghĩ không đâu, nghe câu hỏi vội tìm cách trả lời chống chế.

Viên đội trưởng: Chắc là Thánh Đế chưa tới, chúng ta hãy ngồi đợi tạm đây!

Hai người ngồi đơn giản xuống bờ cỏ. Tiếng gió thổi nhau trên ngàn lau sậy phía dưới bờ sông gần sát mặt nước. Thi sĩ Hoàng Hoa cất ống tiêu lên miệng thổi khúc ca “Gọi đàn” êm ả. Viên đội trưởng nhìn những đàn cừ lông vàng đương theo tiếng tiêu mà ngoan ngoãn về chuồng, và nhà thơ đương thổi ống tiêu đây là một mục đồng của Thượng Đế. Thi sĩ Hoàng Hoa bỗng ngưng thổi ống tiêu, ngẩng lên hỏi Viên đội trưởng.

Hoàng Hoa: Sao không thấy thuyền của Thánh Đế?

Viên đội trưởng: Tàu thi sĩ...

Hoàng Hoa (cười lớn): Sao lại “Tàu”, thưa ông?

Viên đội trưởng: Thưa thi sĩ, chắc là Thánh Đế tới muộn. Xin thi sĩ tiếp tục cho nghe tiếng tiêu.

Thi sĩ Hoàng Hoa lại cất ống tiêu lên miệng thổi khúc “Bi ca”. Tiếng tiêu theo gió đưa đi như kẻ lữ tâm tình với vũ trụ trắng sao. Nỗi đau khổ đơn giản vì được kẻ bằng tiếng tiêu nên vẫn đơn giản mà thấm thía, rộng lớn và phong phú vì tâm sự biến đổi qua từng kẽ lá nhành cây. “Đàn cừ vàng” đã về chuồng hết chỉ còn một nỗi buồn phiêu bạt bồi hồi hiện thành những gợn vàng trên con sông rộng.

Thi sĩ lại ngừng ống tiêu, ngẩng lên.

Hoàng Hoa: Sao không thấy thuyền của Thánh Đế?

Viên đội trưởng: Thưa thi sĩ, chắc là Thánh Đế tới muộn. Thưa thi sĩ, sao tôi nghe tiếng thi sĩ khi này ở Diễm Dương Đài khác với tiếng bây giờ?

Hoàng Hoa: Ông nói gì tôi không hiểu.

Viên đội trưởng: Thưa thi sĩ, tôi nói khi này thi sĩ ở Diễm Dương Đài...

Hoàng Hoa (lắc đầu): Tôi không hề một lần nào đến Diễm Dương Đài.

Viên đội trưởng: Vậy ra không phải...

Hoàng Hoa: Đó chắc là em tôi, Trục Ngôn!

Viên đội trưởng: Vậy giờ đây thi sĩ Trục Ngôn ở đâu?

Hoàng Hoa: Em tôi đã lên đường đi Tây Vực, không hiểu sao hấn lại rẽ vào Diễm Dương Đài!

Viên đội trưởng toan nói rõ sự thực sau lại thôi, chỉ khẽ thở dài.

Viên đội trưởng: Thưa thi sĩ, chắc là Thánh Đế đến muộn, cũng có thể là không đến, xin thi sĩ cho được tiếp tục nghe tiêu.

Thi sĩ Hoàng Hoa cất ống tiêu lên miệng thổi khúc “Tương Tư”. Tiếng tiêu nã nể, rữ rượi như biến thành tiếng lang thang của gió phiêu bạt, vừa phóng mình đi vừa tìm bắt mình trong ngàn sương mung mung mạc mạc,

tiếng tiêu làm gợn vàng dòng sông, làm thảng thốt loài chim đêm, làm hơi mát đọng lại thành những hạt sương long lanh. Duy có dãy núi xa là giữ nguyên vẻ trầm tư. Thi sĩ bỗng bỏ ống tiêu xuống vỗ tay làm nhịp và cất tiếng ca. Đó là một khúc hát cổ của dân tộc.

Thoạt thi sĩ giữ nguyên giọng đàn ông mà hát rằng:

Ngồi tựa vườn đào
Thấy người thực nữ ra vào lòng những vấn vương
Gió lạnh đêm trường
Nửa chăn để đó, nửa giường để đó chờ ai.
So chữ sắc tài
Yêu nhau chớ để cho người giăng gió hái hoa
Khấn nguyện trăng già
Tơ hồng kết lại một nhà đầm ấm yên vui.

Thi sĩ đổi giọng bắt chước con gái hát đáp:

Người tựa vườn đào
Thấy người tri kỷ ra vào em những ngần ngợ
Tháng đợi năm chờ
Nỗi niềm tâm sự ấy bây giờ biết tỏ cùng ai?

Thi sĩ nâng vôi ống tiêu lên miệng, tiếng tiêu văng ra hây hây như trái đất đến tuổi dậy thì. Có tiếng khóc nức lên vào tiếng tiêu.

Hoàng Hoa: Trời ơi, sao ông khóc?

Viên đội trưởng: Thưa thi sĩ, tôi người Kinh Bắc.

Hoàng Hoa: Khúc hát trên của quê hương làm ông xúc động?

Viên đội trưởng (*vẫn úp mặt vào hai bàn tay, khóc*

mà sung sướng): Thi nhân ơi, tôi ngồi trên bờ sông hay ngồi trên thuyền? Thuyền trôi trên nước hay thuyền trôi trên mây? Tôi thấy hơi đất hiền dịu mà mãnh liệt của quê hương Kinh Bắc dâng lên ngập hồn. Tôi đã được tái sinh. Và khi đã tái sinh thì bắt diệt, phải chăng thi sĩ? Mình yêu quê hương mình sẽ bắt diệt cùng với quê hương, phải chăng thi sĩ?

Hoàng Hoa (*nắm lấy tay Viên đội trưởng*): Ông nói rất đúng!

Viên đội trưởng đứng dậy, rút Linh Tử kiếm ra khỏi vỏ múa một vòng, đường gươm loang láng dưới ánh trăng, rồi cất tiếng cười sặc sụa.

Viên đội trưởng: Linh Tử kiếm! Linh Tử kiếm! Trước đây cứ mỗi lần thoát ra khỏi vỏ là một lần mi được uống máu đồng loại của ta. Đã biết bao nhiêu lần mi uống máu đồng loại của ta, vinh cho mi hay nhục cho mi? (*Nói với thi sĩ Hoàng Hoa*) Thưa thi sĩ đến bây giờ tôi mới hiểu lời của thi sĩ Trục Ngôn nói khi nãy: “*Kẻ nào yêu thơ, kẻ đó chém không đứt!*” (Cắt lời ca lại.)

*Ngồi tựa vườn đào
Thấy người thực nữ ra vào lòng những vấn vương.
Gió lạnh đêm trường
Nửa chăn để đó, nửa giường để đó chờ ai.*

(*Trao kiếm cho thi sĩ Hoàng Hoa*) Xin thi sĩ dùng kiếm này chém tôi, tôi tin rằng cổ tôi không đứt.

Hoàng Hoa (*cười hiền từ*): Mỗi lời ca dao của dân tộc là một đường gươm sắc gọn. Tất cả những đường gươm ca dao chỉ chém tan bóng tối và mở đường cho ánh sáng linh hồn; đường gươm ca dao chỉ chém đứt

sợi dây oan nghiệt trói buộc con người với danh lợi hèn mọn để giải phóng cho con người vươn lên gặp vũ trụ hòa hài.

Viên đội trưởng (*chợt nghĩ ra điều gì*): Thưa thi sĩ, người có khinh ai bao giờ chẳng?

Hoàng Hoa: Tôi chẳng bao giờ muốn khinh ai, bởi tôi hằng nghĩ kể cả những kẻ đắm mình vào những tội lỗi đáng khinh nhất, họ cũng chẳng thể hủy hoại được những gì là cao quý ngự trị bên trong tâm hồn họ.

Viên đội trưởng: Thưa thi sĩ, tôi nghĩ rằng kể cả khi người khinh kẻ nào, người cũng đã ban rất nhiều vinh dự cho kẻ đó.

Hoàng Hoa (*mỉm cười*): Nhưng thôi, đêm khuya rồi, chúng ta về chứ?

Viên đội trưởng: Xin thi sĩ về trước kéo em bé thức giấc một mình sẽ khóc. Tôi còn ở đây.

Hai người cúi chào nhau, thi sĩ Hoàng Hoa xuống đường trở về. Ánh trăng chênh chếch bao lấy thi sĩ thành một vùng hào quang. Bóng thi sĩ bỗng bất ngát như đường đi sau vào cái vô cùng vô tận.

Lau sậy còn dạt dào.

Ánh vàng còn gợn dòng sông.

Tiếng tiêu tan vào dĩ vãng để tỏa thành hương hiện tại.

Đội trưởng thoáng ôn lại trong trí cảnh lũ cận thân hốt hải ngược xuôi, rồi cảnh dân chúng dạt sâu vào hai

bên vệ đường khi Thánh Đế đi qua. Viên đội trưởng đứng dậy vung một đường gươm hung dữ. Chợt dừng lại, suy nghĩ.

Viên đội trưởng (*nói một mình*): Ta còn phải chịu nhục một lần nữa kéo hắc giết nhằm thi sĩ Hoàng Hoa. (*Vung gươm tiến theo đường lớn về Diễm Dương Đài*) Ha ha! Mọi người đều chết, kẻ nào yêu thơ kẻ đó chém không dứt!

Cảnh 3

Viên đội trưởng tiến vào Diễm Dương Đài. Thánh Đế đã được cận thân tới báo trước.

Thánh Đế: Linh Tử kiếm của ta đã được uống máu tên cuồng sĩ?

Viên đội trưởng: Tàu Thánh Đế, tên đó đã lên đường đi Tây Vực, thần biết quá muộn nên đuổi không kịp.

Thánh Đế (*đập bàn quát*): Đuổi không kịp? Người đáng tội chết!

Viên đội trưởng (*tự nói với mình*): Lần này ta cam chịu nhục để cứu thi sĩ, chẳng vì cơm áo hèn mọn như xưa. Ta đã thắng! Kẻ nào yêu thơ kẻ đó chém không dứt!

Thánh Đế: Người hãy trao Linh Tử kiếm cho tên coi giữ kho tàng. Thôi, bước!

Viên đội trưởng (*nói khễ*): Thế là xong! (*Nói lớn*) Thánh Đế muôn năm! (*Nói khễ*) Lần cuối cùng ta chịu nhục!

Ra khỏi lâu đài, Viên đội trưởng tiến thẳng về phía cổng. Khi qua Vườn Từ Chương, đội trưởng rút Linh Tử kiếm ra khỏi vỏ vung một đường sáng loáng dưới ánh trăng tà rồi tung kiếm lên cao. Kiếm rơi vào pho tượng lớn của Thánh Đế, bật tiếng kêu khan rồi văng xuống bãi cỏ.

Ra khỏi cổng lớn, Viên đội trưởng tiến về trung tâm cư trú của dân chúng. Nước cống rãnh dềnh lên khá cao, mùi hôi thối càng xông lên nồng nặc. Đội trưởng cất tiếng ca lớn:

Ta trở về...

Ta trở về nơi bùn lầy hôi thối

Nhưng vẫn giữ được...

Vẫn giữ được sen tâm hồn ngát hương.

(MÀN HẠ)

**dạ lý
phụ nhân**

Năm Giáp Thân (1344) niên hiệu Thiệu Phong thứ IV đời Trần Dụ Tông, tại kinh đô có mở hội xem hoa vào dịp lễ Nguyên Tiêu, nhà nào nhà nấy treo đèn kết hoa, cảnh tượng thực là rực rỡ, dân chúng từ các phường lân cận đổ về kinh kỳ dự hội đông như nước chảy.

Sao lại có một thư sinh, dáng tư lự, thơ thần đi ra khỏi kinh thành?

Chàng thư sinh đó, nguyên họ Đặng, quê ở Trường An (Ninh Bình). Cha chàng trước đây làm quan Thái thú ở Hồng Châu (Hải Dương), bị quan trên vây hãm, hạ nhục cả nhà. Sau một năm giam cầm, ông uất mà chết ngay trong ngục. Vừa khi đó có một viên quan họ Lý đổi về Hồng Châu, Lý Công vốn người cương nghị chuyên coi về hình án. Vừa tới nhậm chức, ông xét lại bản án họ Đặng và rõ ngay nỗi oan khuất, vì vậy Đặng sinh cùng

mẹ được thoát cảnh ngục trở về quê. Mùa xuân năm Quý Mùi, Đặng sinh xin phép mẹ lên du học kinh sư. Việc ăn tiêu giữa chốn phồn hoa đô hội quá tốn kém, nên mới sang đầu xuân năm sau, vừa một năm qua, tiền lưng đã hầu cạn. Vì vậy trong khi mọi người hớn hở chảy về kinh đô vui xuân, chàng ngược dòng dân chúng mà thơ thẩn đi sâu vào các vùng quê lân cận. Cứ như vậy chàng đi khỏi kinh đô chừng năm dặm, gặp một trang trại thật rộng, gần như bỏ hoang, Bên cạnh trại là một xóm nhà thưa thớt, chung quanh có lũy tre bao bọc. Trại cùng xóm nhà đều ở sát bờ sông Nhị.

Đặng sinh vào nhà một bà cụ già trong xóm hỏi chuyện, được biết nơi đây thuộc phường Tiên Lập, và trại hoang trước kia là nhà dưỡng lão của quan Thị lang họ Phùng, khi vị này bị đày đi làm quan Thái thú tại trấn Tuyên Quang thì dinh cơ đó được bán cho một viên quan trong xóm. Thương gia này bận việc phương xa, nay đây mai đó luôn, nên trại tuy mua đã trên mười năm rồi mà chẳng hề tu sửa gì cả. Cụ già nói thêm cho Đặng sinh biết thương gia mới từ phương xa về được mấy ngày, có lẽ mai lên đường sớm.

Đặng sinh nghĩ muốn đến tìm thương gia để thuê trại đó, vì chàng nghĩ mình nên chọn ở nơi này thanh vắng xa chốn kinh kỳ, vừa để dùi mài kinh sử vừa đỡ tốn kém trong việc chi tiêu. Chàng kính cẩn cúi đầu chào bà cụ, toan quay ra, chợt thấy bóng một nữ nhân vừa khuất dạng sau vườn dâu gần đấy. Đặng sinh linh cảm rằng mỹ nhân đứng nhìn trộm từ lâu, khi thấy chàng sắp quay ra mới vội lẩn đi, chàng chỉ thoáng kịp thấy vạt áo màu thiên thanh của nàng phất lại phía sau. Tuy chưa nhìn rõ mặt, nhưng Đặng sinh tự nhiên thấy lòng xúc động. Điều này khiến chàng tin rằng nàng đẹp lắm.

Chàng bần khoản tự hỏi: “Quái, nơi thôn dã này sao có người con gái mặc màu áo quyền quý thế?”

Đặng sinh bèn nán lại, khéo gợi chuyện, được biết thêm về gia thế bà cụ gồm chồng và một đứa con trai đã lớn, ngày nào cũng thả thuyền đánh lưới theo ven sông từ sớm đến sẩm tối mới về, còn bà cụ ở nhà chuyên việc trồng dâu, chăn tằm, dệt cửi. Không thấy bà cụ nói có con gái, mà muốn hỏi thêm e bất tiện, Đặng sinh đành cúi chào bà cụ rồi đến thẳng cuối xóm tìm thương gia để thương lượng việc thuê trại.

Có lẽ thấy vẻ chàng khôi ngô tuấn tú rõ ra người hậu vận thành đạt lớn, thương gia ân cần mời chàng đến ở trại, vừa đèn sách học hành, vừa trông nom giúp, không hề đòi tiền thuê.

* * *

Đáng lẽ ngay hôm sau chàng cùng tiểu đồng rời kinh sư đến chốn ở mới, nhưng bị anh em đồng song giữ lại đến đêm xem đốt cây bông bên bờ sông, rồi thiết tiệc tiễn biệt tại một quán treo đèn kết hoa rực rỡ nhất kinh đô. Tiệc tan, chàng say mèm phải vịn một người bạn mà về. Vừa ra khỏi quán, chàng thoáng thấy tà áo màu thiên thanh lướt qua. Đúng là tà áo người con gái vườn dâu!

Chàng vội đứng thẳng người nhìn theo, tiếc thay vì quá say, đầu vầng mắt hoa, chỉ lơ mờ nhận thấy bóng người con gái áo thiên thanh có quay lại nhìn chàng rồi lẫn vào đám đông.

Hôm sau Đặng sinh cùng tiểu đồng đến trại phường Tiên Lập từ sớm. Cảnh trại bỏ hoang bấy lâu thực tiêu

điều. Tường, hiên âm mốc; hồ bán nguyệt trước sân, nước váng màu rêu với vài tàu sen tàn tạ. Quanh nhà những đào, những mai lá trút toi bời. Giây bìm từ các bờ giậu leo vươn khắp ngả với những chùm hoa tím mới nở, còn bỡ ngỡ với nắng gió đầu xuân. Duy mấy cây mai trước cửa là bớt tiêu tụy vì đương mùa hoa nở, cây nào cây nấy trắng xoá đến đầu cành. Khoảng đầu hồi cánh tả trông ra bờ sông có nhiều loại hoa khác đang mọc chen nhau như tường vi, thạch lựu, hồng cảm, kim tiền; chính giữa là một cây cao hơn cả, lá xanh biếc, hoa lốm đốm trắng như hoa ngâu. Đặng sinh vạch cành, rẽ lá tới nơi nhận ra đó là cây dạ lý lan, cành lá sum sê rủ sát đất. Đứng bên cây dạ lý lan, chàng nhìn thấy thửa vườn dâu bên kia xóm, nơi lần đầu tiên chàng gặp tà áo màu thiên thanh. Chàng tự hứa thầm, khi nơi ăn chốn ở đã yên tất, chàng sẽ gặp mỹ nhân bằng được.

Cùng tiểu đồng nỗ lực dọn dẹp đúng một ngày, chỗ ở mới tạm được quang đãng đôi chút. Chàng thu xếp phòng học bên gian trái, trước mặt có cửa sổ nhìn ra hồ bán nguyệt.

Vừa chập tối, hương dạ lý lan toả đến ngạt ngào. Đêm hôm đó, mở tập “Tình Sử” đọc đến mấy câu thơ đặc ý, chàng tưởng như hương dạ lý lan bốc lên từ những chữ quý giá đó, và chàng mơ đến một khuôn mặt mỹ nhân: “*Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.*”

Hai ngày sau Đặng sinh học khuya hơn. Trăng hạ tuần lên được một lát, chàng rời phòng học, đi quanh ra dãy hành lang giữa, bước xuống thềm.

Có cơn gió thổi mạnh. Mấy đóa hoa mai rụng xuống nền cỏ gần chỗ chàng đứng. Khi chàng cúi xuống nhặt một bông, chợt có tiếng đế nỉ non như ai oán đầu đây.

Lòng thơ lai láng, chàng trở về phòng lấy bút thảo mấy vần cổ phong, rồi cất tiếng ngâm, giọng trầm và buồn:

*Cành hoa lá lúot, chừ như tơ mong manh
Trước sao óng chuốt, chừ giờ sao tan tành!
Hoa rơi trên cỏ, chừ gió lốc làm xe
Than khóc năm xưa, chừ tiếng đế bên hè.*

Cùng lúc giọng ngâm vừa dứt, một bóng người - mà là người con gái mặc áo thiên thanh - xuất hiện ngay trước cửa sổ.

Bốn mắt nhìn nhau không chớp.

Tiết xuân ấm áp, ánh trăng muộn màng nhưng tươi đẹp, người con gái xuất hiện tuy bất ngờ nhưng vẻ nàng diễm lệ hết như chàng đã tưởng tượng trong mấy ngày gần đây, bởi vậy chàng coi như nàng đã là người quen thuộc.

Nàng vẫn đứng yên đối diện, nét yêu kiều lồ lộ. Có lẽ nàng chỉ khẽ cử động là đã thành khúc múa nghệ thường rồi.

Chàng đứng dậy quờ tay ra khung cửa sổ... Nàng lùi về phía sau.

Chàng rảo bước đi quanh tới gian giữa... Nàng vùng chạy!

Và khi chàng ra tới ngoài, đứng vào chỗ nàng đứng, thì quanh thềm chỉ còn tiếng lá xào xác. Bóng giai nhân hầu như tan thành ánh trăng quạnh quẽ đương rải trên vườn khuya. Chàng tiến mấy bước ra đầu hành lang:

Những cây hoa kim tiền, tường vi, thạch lựu, hồng cầm ngả nghiêng, mờ nhạt, lẫn lộn; duy cây dạ lý lan cao vút thành một khối đậm vừa chững chạc, vừa uyển chuyển dưới làn gió nhẹ đẫm sương khuya. Mùi hoa dạ lý lan đồng thời thơm sức nực.

Đặng sinh bèn xuống thêm tiến về phía đó. Bốn bề vắng lặng, tịnh không có bóng ai! Nhìn vào gốc dạ lý lan, chàng chỉ thấy cành cây bốn phía rủ xuống sum sê. Chàng đành quay về phòng ngồi lặng lẽ cho đến khi quá mệt ngủ gục trên bàn.

Ngày hôm sau Đặng sinh thơ thần cả buổi sáng bên cây dạ lý lan. Lắm lúc chàng thần người như muốn nhập điệu vào hồn cây mà tìm cho ra nguyên ủy việc mỹ nhân xuất hiện, khi định thần lại vẫn chỉ thấy cành lá xanh um, trắng điểm muôn đoá hoa ngà nhỏ xinh. Tịnh không một mùi hoa thoảng đến. Hồn hoa còn mãi vui tận chốn non bồng nước nhược nào! Nhân thấy cành lá đặng Đông có phần rậm rạp, Đặng sinh tiến lại gần. Chàng chỉ thấy cành lớn cành nhỏ bị dàn bìm hoa tím dè trĩu xuống. Dây bìm còn lan xuống đất che kín một khoảng cỏ lớn nữa. Một vài cành gai khô vương vãi đó đây.

Buổi chiều, Đặng sinh thẳng đường vào xóm qua nhà bà cụ nghe có tiếng dẹt củi, nhìn sang vườn dâu không có bóng ai. Tiếng dẹt củi bỗng ngừng. Đặng sinh nhú lông mày toan tiến lên, rồi không hiểu sao lại thôi. Chàng lẳng lặng quay về. Kể từ ngày đến kinh kỳ du học, chàng đã được nghe kể biết bao chuyện lạ lùng.

Nào chuyện chàng lái buôn ở Thiên Trường (nay là phủ Xuân Trường, Nam Định) đan dứ với một tuyệt sắc

giai nhân tại một nơi lầu hồng gác tía. Tới khi vị đạo sĩ trao cho một tấm bùa thì ôi ghê rợn, chàng thấy mình nằm dưới gốc cây ngọc lan gần nhà mồ trong có quần chiếc áo quan bên trên để mấy chữ: “*Linh cữu của Lan nương.*”

Nào chuyện chàng thư sinh ở phủ Thường Tín, xứ Sơn Nam, đêm đêm ngồi học, thường có ba giai nhân đến chọc ghẹo tự xưng là họ Đào, họ Liễu, họ Lý. Chàng đã từng cùng với ba nàng hưởng niền hoan lạc mười phần thoả mãn. Rồi một đêm kia cả ba nàng cùng đến khóc mà vĩnh biệt chàng. Đêm đó mưa to gió lớn, sấm sét rung chuyển trời đất. Sớm hôm sau chàng thư sinh ra thăm vườn thấy giàn thiên lý, cây đào, cây liễu bị sét đánh bật gốc, hoa lá tươi rời khắp vườn. Lúc đó chàng mới biết từ lâu mình đã làm bạn với những con tinh của cây hoa.

Còn biết bao nhiêu chuyện lạ lùng quái đản khác.

Đặng sinh nghĩ đến chuyện mình, nghĩ đến cây dạ lý lan cao vút, nghĩ đến hương dạ lý lan thơm ngát đưa vào phòng lúc chập tối...

Đêm hôm đó Đặng sinh cầm cúi đọc kinh “*Xuân Thu*” để khỏi suy nghĩ vẩn vơ...

Trăng lên muộn...

Nhưng... khi trăng vừa nhô lên khỏi lùm cây phía trước, Đặng sinh bỗng rùng mình. Vì ánh trăng chênh chếch cùng lùa vào với làn gió mạnh làm tắt ngọn đèn dầu, đồng thời một bóng người in lên bàn, che khuất trang sách: Mỹ nhân xuất hiện!

Đặng sinh giữ được bình tĩnh ngay, từ từ ngược mắt. Mỹ nhân vẫn mặc áo thiên thanh, đăm đăm nhìn chàng, đôi mắt dịu hiền mà say sưa.

Đặng sinh biết lắm, chàng chỉ khẽ làm dáng động đậy là mỹ nhân biến thành ánh trăng như đêm qua. Chàng lẳng lẳng cúi xuống cố đẹp bản khoãn, xao xuyến và nhận thấy đôi tay búp măng ngà ngọc của mỹ nhân vịn ở thành cửa. Chàng đưa tay nắm lấy. Mỹ nhân để yên. Lòng ngưỡng mộ dạt dào, chàng vô tình đứng dậy nhưng chưa kịp ngẩng đầu, mỹ nhân đã rút tay chạy ra phía hành lang chàng thấy như mỹ nhân vút về phía cây dạ lý lan.

Chàng rảo bước tới nơi, ngơ ngác nhìn quanh, chỉ thấy cành lá sum sê đưa đẩy theo chiều gió, xung quanh lặng ngắt.

Đêm hôm sau chàng rập tâm ngồi chờ người đẹp.

Trăng muện đã nhô khỏi lùm cây. Âm thầm và cô đơn như chàng. Mỹ nhân không lại. Đặng sinh vẫn ngồi nguyên, tựa án thiu thiu. Tiếng gió đêm thoảng, hoa lá rụng nhiều khi khiến chàng thức giấc, tưởng đấy là hơi thở nhẹ, là bước chân lén của nàng. Hy vọng mỏng manh của đêm đợi chờ nhạt nhoà dưới ánh bình minh. Tia nắng vàng đầu tiên như xuyên thẳng vào trái tim Đặng sinh khiến chàng nhói buốt. Suốt ngày hôm đó chàng hết ngồi lại nằm, dáng thất thểu bơ phờ, rõ là người ốm tương tư. Nhưng, chiều đến khi hương dạ lý lan toả ngát trong phòng, chàng bắt đầu tỉnh táo.

Chàng nghĩ: “Đêm nay - đêm hai mươi - phải đầu giờ Tý trăng mới lên.” Rồi ngồi chờ. Chàng cố mở quyển sách trước mặt làm vẻ chăm chú nhìn nhưng kỳ thực không đọc. Khoảng giữa giờ Hợi, chàng ngẩng nhìn ra ngoài. Bốn bề tối đen như mực, một ngôi sao lấp lánh ở chính Đông như thiên sứ báo tin vui. Chàng khêu lại bấc ở đĩa đèn dầu và khi vừa cúi nhìn trang sách, chàng cũng vừa giạt mình trong hồi hộp, trong vui mừng vui sướng: Đôi tay ngà đã thấy vịn trên bờ cửa sổ, cổ tay bị màu vải thiên thanh che lấp. Đặng sinh ngẩng nhìn với một dáng điệu quen thuộc và đầy vẻ trách móc. Mỹ nhân hầu như thấu hiểu nỗi lòng chàng nên cũng nhìn lại âu yếm thiết tha bội phần. Đặng sinh nắm lấy tay nàng sợ nàng vùng biển mất, mà giữ chặt đôi tay mềm mại, thanh tú thì quả không nở nào.

Giọng chàng cất lên như êm như mơ:

- Nương tử có lòng hạ cố đến đây, xin đừng quản ngại. Tôi theo học đạo Nho, ngày ngày đọc sách thánh hiền, quyết giữ tình cho vằng vặc như trăng rằm sáng tỏ. Nương tử hãy dùng gót ngọc cho tôi đàm đạo đôi lời.

Rồi cầm lòng không đậu, chàng đứng dậy. Quả nhiên nàng rút vội tay, vùng chạy. Đặng sinh không quanh theo lối giữa như mọi khi mà băng mình qua khuôn cửa sổ hẹp. Mỹ nhân thoãn thoắt theo lối mòn chạy về phía cây dạ lý lan. Chàng rượt theo nhanh như vừa mọc cánh. Tối nơi nhìn quanh, chàng thấy phía cảnh um tùm bên Đông như có tiếng động khả nghi.

Chàng định thần nhìn kỹ khoảng đó. Vẫn là những cành dạ lý lan trĩu trĩt sát đất, với những cây bìm ngổ ngang. Tay chàng quờ phải một dây bìm lớn, tiện thể kéo

lại phía mình và nhận thấy cả khối bìm dưới đất cùng xô dịch với tiếng cọ xát của những cành lá gai khô. Chàng kéo mạnh thêm chút nữa, thấy hiện ra một miệng hố. Trái tim như ngừng đập chàng tưởng sắp được chứng kiến cảnh một con chồn thành tinh trắng toát đuôi xoè nhảy vọt từ dưới hố lên. Nhận thấy có gì thấp thoáng ở dưới, chàng kéo mạnh thêm. Cả miệng hố lộ ra sau cùng với một bóng người ở dưới. Chàng tiến lại. Tuy hố ngập đầy bóng cây chàng cũng nhận ra nàng. Nhìn bóng giai nhân luống cuống ở bên dưới, nỗi vui mừng của chàng không biết lấy chi so sánh cho cân. Nàng không phải là yêu tinh. Nàng là người thật! Lần này quyết nàng không thể chạy thoát đi đâu được nữa... Chàng cúi xuống giơ tay cho nàng vịn rồi kéo lên.

Không! Không! Quả thực nàng không phải là ma. Chàng ôm vội lấy nàng trong vòng tay.

Vẻ vô cùng hốt hoảng, nàng lùi lại cố vùng hai tay ấn chàng ra xa. Và, – ôi! Lần đầu tiên từ ngày gặp gỡ, chàng được nghe tiếng nàng nói với chàng bằng một giọng nghẹn ngào xúc cảm :

- Xin chàng chớ quên lời nói ban nãy: Chàng là người theo đạo Nho, ngày ngày đọc sách thánh hiền, lòng chàng đẹp như gương nga, cao quý như sen hồng.

Ngượng ngùng, Đặng sinh cố nén nỗi lòng bỗng bật chỉ khẽ nắm lấy tay nàng hỏi:

- Nàng phải chăng là người con gái tôi thoáng thấy bên vườn dâu bà cụ hàng xóm?

Nàng gật đầu.

Chàng dắt nàng ra khỏi gốc cây dạ lý lan um tùm, hỏi tiếp:

- Nàng có phải là con gái bà cụ?

Nàng lắc đầu :

- Vậy nàng từ đâu đến đây, vì sao lại ở nhà bà cụ?

Tiếng nàng rất khê trong đêm khuya tĩnh mịch, Đặng sinh cố lắng tai nghe:

- Thiếp họ Lý, quê ở Đông Ngạn thuộc Kinh Bắc. Cha thiếp từng làm quan coi về hình án ở Khoái Châu rồi Hồng Châu.

Đặng sinh nhớ ngay ra viên quan họ Lý bèn hỏi:

- Có phải phụ thân nàng về nhậm chức ở Hồng Châu vào đầu mùa thu năm Quý Dậu (1333)?

Nàng gật đầu.

Đặng sinh ôm chặt lấy hai cánh tay nàng, vẻ vô cùng thâm cảm:

- Thế thì chính phụ thân nàng đã giải tỏ hàm oan cho thân phụ tôi. Chính nhờ thân phụ nàng mà những người còn lại trong gia đình tôi khỏi phải vùi oan mạng trong ngục thất.

Đặng sinh yêu cầu nàng nói tiếp chuyện nàng.

Tiếng người con gái hiền thực làm bóng tối bàng khuâng của vườn khuya bớt vẻ âm thầm mà thêm hương vị say sưa:

- Năm thiếp mười ba tuổi thì cha thiếp mất. Thiếp theo mẹ về Kinh Bắc ngụ tại quê nhà. Vì thiếp thông hiểu chữ nghĩa và âm luật, năm sau được tuyển vào cung theo hầu Hoàng Hậu. Mỗi khi mở tiệc vui thiếp thường được Hoàng Hậu cho đến chầu hầu. Thường khi gặp dịp Vua lãng ngâm, thiếp ngâm giúp Hoàng Hậu ứng khẩu nối tiếp câu thần, vì vậy rất được Hoàng Hậu khen ngợi. Nguyên thiếp từng kể với Ngài thuở ấu thời có thầy số tiên đoán rằng đến năm mười sáu tuổi thiếp sẽ kết duyên cùng một bậc tài mạo phong tư rất mực, bước thanh vân sớm hiển đạt hơn người, Hoàng Hậu hứa khi thiếp đến tuổi đó sẽ cho về quê... Sang năm thiếp vừa đôi tám. Vào ngày Thượng nguyên, Đức Vua cùng Hoàng Hậu cho bày tiệc rồi thả thuyền chơi trên sông Nhị. Thuyền trôi dần xuống tận bến Đông Bộ Đầu. Lúc ngược về thiếp được lệnh cùng mấy cung nhân múa hát hầu bàn tiệc. Về khuya gió bỗng xoay chiều thổi mạnh. Sóng sông lớn, thuyền bỗng tròn tránh, thiếp vô ý trượt chân tự mạn thuyền ngã xuống, bị nước cuốn băng không kịp cứu. Theo con nước thiếp dạt vào cụm lau gần bờ. May sao gặp được khúc sông đương bồi nước nông, thiếp tuy loạng choạng mà cũng lên được bờ, rồi tìm vào một gia đình trong xóm. Thiếp không muốn trở lại nơi cung cấm, bèn nói thác với mọi người là nhân đầu năm, xuống tìm người nhà ở Đông Bộ Đầu không gặp, khi ngược thuyền về chẳng may bị ngã.

Thiếp phải ở nán lại nhà bà cụ mấy ngày, định sớm hôm sau sẽ tìm đường về Đông Ngạn quê nhà. Buổi chiều hôm đó, đứng nấp ở vườn dâu thấy chàng về đây, rồi dự định thuê trại vắng vẻ này để dùi mài kinh sử, thiếp tự nhiên nảy ý lạ kỳ, bèn xin cụ bà cho ở lại vài ngày nữa, nói thác là để lên kinh sư dò tìm một người thân khác

mà hiện nay chưa biết ở phường nào. Rồi ngay chiều hôm ấy thiếp lần sang trại này. Thiếp để ý đến cây dạ lý lan xanh tốt. Thiếp nhận thấy dưới khoảng cành lá um tùm nhất của cây dạ lý lan có cái hố sâu. Ý hẳn là hố mà trước đây gia nhân quan Thị lang họ Phùng đào để đánh bẫy giống cáo hay vào trại để bắt gà. Thiếp bèn kéo dây bìm cùng ít cành cây khô lấp kín mặt hố. Ngay đêm hôm đó thiếp lần theo dân chúng đến kinh sư xem hội hoa đăng và gặp chàng cùng các bạn đồng song ở quán rượu. Rồi chàng cùng tiểu đồng dọn đến trại này. Hai hôm sau thiếp cố ý xuất hiện bất ngờ, như một hồ ly tinh trước cửa sổ phòng học, để trêu chàng.

Đặng sinh ngắt lời:

- Ngộ tôi đuổi kịp, bắt được nàng thì sao?

Nàng đáp:

- Thiếp nghĩ trong khi chàng phải chạy quanh lối cửa giữa, thì thiếp đã kịp chạy tới gốc dạ lý lan để ẩn mình dưới hố kín.

Đặng sinh nói:

- Ngay sớm hôm sau buổi gặp gỡ bên cửa sổ, tôi có lần vào trong xóm.

- Thiếp biết chàng có đến!

- Lúc đó trong nhà có tiếng dật cửi.

- Chính thiếp đương dật cửi giúp bà cụ. Thoáng thấy chàng, thiếp ngừng vội để lần vào buồng.

- Sao quý nương lại làm vậy?

- Thiếp cũng không hiểu.

- Vì sao nàng lại có ý đêm đêm xuất hiện bất ngờ trước phòng tôi ?

Mỹ nhân cúi xuống không đáp.

Chàng khấn khoản thiết tha hỏi đi hỏi lại nhiều lần, mãi sau nàng đành chịu thổ lộ:

- Thiếp vẫn không quên lời thầy số tiên đoán, nên khi gặp chàng lần đầu được trộm ngắm dung nhan ngọc bội, thiếp tự thấy như duyên trời đưa lại để thiếp không còn là bông hoa vô chủ nữa. Ngặt vì thân gái, lẽ đâu thiếp dám tỏ tình với chàng. Tâm linh sai khiến thiếp tìm cách xuất hiện như hồn hoa, như hồ ly, những mong sự gần gũi đó mà tiền duyên sáng tỏ, biết đâu chẳng có dịp khấn khít giải đồng.

Đặng sinh nghĩ thầm: “Ta vẫn nghe con gái Kinh Bắc có tiếng là đẹp, đa tình và thông minh, nay mới được gặp thật quả như lời.”

Ngay lúc đó trăng hạ tuần vừa nhô khỏi lùm cây, long lanh như gương bạc.

Chàng cúi xuống, thiết tha nói bên tai nàng:

- Đôi ta không mối lái mà gặp nhau, quả thực duyên trời. Ngay từ khi mới thoáng thấy áo thiên thanh, lòng tôi đã nặng u hoài. Sau này tôi quyết tìm người mối lái để cùng nàng kết duyên cầm sắt đến già. Giờ đây bướm đã gặp xuân xin nàng chớ ngại chút tình keo sơn gắn bó.

Nói đoạn, chàng vừa định ôm lấy người đẹp thì nàng vội quỳ xuống, mặt hoa đẫm lệ mà rằng:

- Được đấng quân tử thương đến hoa hèn, có khác chi chốn thâm u cùng cốc được ánh xuân quang soi tới, nhưng thiết nghĩ từ xưa thiếp vẫn phòng thu khoá kín, nhụy thắm còn phong, sau này quả được chàng đoái thương đón thiếp theo nghi lễ, thì đạo tông phu thiếp há chẳng thẹn cùng chàng trong đêm đuốc hoa hay sao?

Đặng sinh nghe lời hoa ý gấm bèn buông tay để nàng về. Sớm sau chàng sang xóm cũ tìm người yêu và khuyên nàng trở lại cung thất kể sự tình với Đức Vua cùng Hoàng Hậu rồi xin về quê. Như vậy sẽ không lo mắc tội khi quân sau này.

Nàng vâng lời. Cả hai cúi đầu tạ ơn bà cụ rồi thẳng đường lên kinh sư.

Ngay hôm sau người con gái họ Lý gặp được Đức Vua và Hoàng Hậu. Nàng tái lại chuyện ngã xuống sông, may dạt vào bờ lau, rồi lên nương nhờ tại một gia đình phường Tiên Lập và gặp gỡ Đặng sinh. Nàng cúi xin Đức Vua cùng Hoàng Hậu cho về Kinh Bắc thăm mẹ rồi cùng Đặng sinh kết tóc se tơ...

Thấy cặp tình nhân ngộ nghĩnh đáng yêu, Vua cùng Hoàng Hậu định, rồi cho lệnh nàng cùng người họ Lý về Kinh Bắc, Đặng về Trường An, cả hai cùng đón mẹ lên kinh sư. Hoàng Hậu sẽ làm chủ hôn lễ.

Đúng ngày cưới, Đức Vua ban cho hai vợ chồng một đôi chiếu dát trúc, mười hũ rượu hạt hạnh cùng trăm cây bạch lạp để làm lễ tơ hồng.

Tuy son phấn tình nồng mà bút nghiên không hề lãng chí, hai năm sau chàng trai họ Đặng đỗ Thái Học

sinh. Lập tức chàng được nhà Vua cho phụng nhậm chức Đông lộ Yên Phủ Sứ ngay tại kinh sư.

Quan Đông lộ bèn điều đình với người thương gia ở phường Tiên Lập mua lại căn trại cũ. Những khi việc quan nhàn rỗi, quan Đông lộ thường cùng phu nhân về đó xướng họa để ca ngợi những cảnh mây chiều, gió sớm, trúc biếc, hoa vàng. Những bài thơ như vậy nhiều lắm không sao kể xiết. Để kỷ niệm cuộc hạnh ngộ xưa, quan Đông lộ thường gọi đùa phu nhân họ Lý là Dạ Lý Lan phu nhân. Chẳng bao lâu thành tên thật.

Ngày Đinh Hợi tiết trọng xuân, năm Mậu Tý (1348) Dạ Lý Lan phu nhân mặc áo thiên thanh đến chùa Tháp Bảo Thiên dâng hương lễ Phật. Trước cảnh nắng mới chan hoà, mồi hôi làm thắm màu áo, nhìn cánh bướm chập chờn như say hương xuân muộn, phu nhân bỗng thấy sầu xuân nặng trĩu, tự nghĩ: “Bốn mùa thay đổi khiến giang sơn như viên ngọc bích hoà muộn màu kỳ diệu, lẽ nào cứ để hồn thơ của chồng ta bị giam lỏng mãi trong áng lợi danh, mà phụ tình với bao nước tú non kỳ?!”

Ngay năm đó, quan Đông lộ dâng sớ xin Vua cho được từ quan, rồi cùng phu nhân dùng mái chèo thẳng về thăm quê nhà, trước khi đi du ngoạn khắp các danh lam thắng cảnh, mở hồn thơ vô tận hoà với sông biển mênh mông hay với gió núi trăng ngàn.

TIỂU SỬ DOÃN QUỐC SỸ

Tên thật là Doãn Quốc Sỹ. Ông sinh ngày 17 tháng 02 năm 1923 (nhằm ngày Mừng Hai Tết Quý Hợi) tại xã Hạ Yên Quyết, Hà Đông, ngoại thành Hà Nội. Thuở còn là thanh niên, ông đã từng tham gia Việt Minh kháng chiến chống Pháp. Sau đó, khi phong trào này để lộ bộ mặt cộng sản, ông đã rời bỏ kháng chiến. Vào năm 1946, ông lập gia đình với bà Hồ Thị Thảo là ái nữ của nhà thơ trào phúng Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu. Năm 1954, khi hiệp ước Geneva chia đôi đất nước, ông theo làn sóng di cư đem vợ con vào miền Nam sinh sống.

Doãn Quốc Sỹ có hai sự nghiệp song song là nhà văn và nhà giáo. Ông vẫn thường nói rằng: “Nhà giáo là nghề, nhà văn là nghiệp.” Trong cương vị nhà giáo, ông đã dạy tại các trường Trung học Công lập Nguyễn Khuyến (Nam Định, 1951-1952), Chu Văn An (Hà Nội), Hồ Ngọc Cẩn (Sài Gòn 1961-1962), Trường Sư phạm Sài Gòn, Đại học Văn Khoa Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn. Ông từng là hiệu trưởng trường Trung học Công lập Hà Tiên (1960-1961) và từng đi tu nghiệp về sư phạm tại Hoa Kỳ (1966-1968). Với cương vị nhà văn, ông là đồng sáng lập viên nhà xuất bản Sáng Tạo và tạp chí văn nghệ cùng tên vào năm 1956 cùng với Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Duy Thanh, Ngọc Dũng mà ông vẫn gọi là “Thất Tinh”. Ông cũng có những bài viết được đăng trên những tạp chí văn nghệ như Sáng Tạo, Văn Nghệ, Bách Khoa, Văn Học, Nghệ Thuật...

Sau ngày Miền Nam thất thủ 30/04/1975, vào tháng Tư năm 1976, Doãn Quốc Sỹ cùng nhiều nhà văn miền Nam khác bị bắt đi tù cải tạo. Ông bị giam tại trại Gia Trung, cách thành phố Pleiku 25 km, cùng với nhiều văn nghệ sĩ khác như Trần Dạ Từ, Thanh Thương Hoàng, Sơn Điền Nguyễn Việt Khánh, Nguyễn Sỹ Tế, Chóe... Đến năm 1980, ông được thả tự do nhờ sự can thiệp của nhiều tổ chức quốc tế. Trong thời gian chờ đợi được người con gái đầu bảo lãnh đi Úc, ông tiếp tục viết thêm một số tác phẩm nữa, trong đó có quyển ĐI được ký với bút hiệu Hồ Khanh. Ông đã gửi tác phẩm này sang Pháp, để xuất bản tại hải ngoại. Cũng vì lý do này, ông đã bị bắt lần thứ hai vào tháng 5 năm 1984, chỉ trước ngày đi Úc vài tháng, cùng với một số văn nghệ sĩ khác như Duy Trác, Dương Hùng Cường, Hoàng Hải Thủy, Lý Thụy Ý... Ông bị kết án mười năm tù. Ông mãn hạn tù lần thứ hai vào tháng 11 năm 1991.

Năm 1995, ông được người con trai trưởng bảo lãnh di dân sang Houston, Hoa Kỳ. Hiện nay, ông đang sống tại Quận Cam, California.

TÁC PHẨM

DOẢN QUỐC SỸ

- SỢ LỬA (Truyện cổ tích, 1956)
U HOÀI (Truyện ngắn, 1957)
GÁNH XIẾC (Truyện ngắn, 1958)
GÌN VÀNG GIỮ NGỌC (Truyện ngắn, 1959)
DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH (Truyện dài, 1959)
KHẢO LUẬN VỀ CAO BÁ QUÁT (1959)
KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN CÔNG TRỨ (1959)
KHẢO LUẬN VỀ ĐOÀN TRƯỜNG TÂN THANH (1959)
KHẢO LUẬN VỀ TÂN ĐẠ (1960)
KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN KHUYẾN (1960)
KHẢO LUẬN VỀ TRẦN TẾ XƯƠNG (1960)
TỰ LỰC VĂN ĐOÀN (Khảo luận, 1960)
HỒ THUY DƯƠNG (Truyện cổ tích, 1960)
BA SINH HƯƠNG LỬA (Khu Rừng Lau I, 1962)
NGƯỜI ĐÀN BÀ BÊN KIA VÍ TUYẾN (Khu Rừng Lau II, 1964)
TÌNH YÊU THÁNH HÓA (Khu Rừng Lau III, 1965)
NHỮNG NGÀ SÔNG (Khu Rừng Lau IV, 1966)
TRÁI CÂY ĐAU KHỔ (Kịch, 1963)
KHẢO LUẬN VỀ NGỮ PHÁP VIỆT NAM (1964)
NGƯỜI VIỆT ĐÁNG YÊU (Khảo luận, 1965)
CÁNH TÂY NỔI DÀI (Truyện ngắn, 1966)
ĐÓT BIÊN GIỚI (Truyện dài, 1966)
CA DAO NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)
TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)
THẦN THOẠI AN ĐỘ (Biên khảo, 1969)
NGŨ NGÔN (Biên khảo, 1969)
VÀO THIÊN (Tùy bút, 1970)
SÀU MÂY (Truyện dài, 1970)
CON CÁ MẮC CẠN (Truyện ngắn, 1971)
TRÁI ĐẮNG TRƯỜNG SINH (Truyện ngắn, 1971)
CÚI ĐẦU (Tân truyện, 1972)
THẦN THOẠI NHẬT BẢN, CHÂU ĐẠI DƯƠNG, HY LẠP, BẮC ÂU
(Biên khảo, 1972)
THẦN THOẠI VIỆT NAM-TRUNG HOA (Biên khảo, 1972)
VĂN HỌC VÀ TIỂU THUYẾT (Biên khảo, 1972)
CON KỲ LÂN CUỐI CÙNG (Truyện dịch, The Last Unicorn
của Peter S. Beagle, 1973)
ĐI (Truyện dài, 1982)
MÌNH LẠI SOI MÌNH (Truyện dài, 1995)
NGƯỜI VÁI TỬ PHƯƠNG (Truyện dài, 1995)
DẤU CHÂN CÁT XÓA (Truyện dài, 1995)
CỎ ĐÙM (Truyện dài, 1997)

In tại XpressPrint, California, Hoa Kỳ
2017